

CỬA THỨ HAI :

PHÁ TƯỚNG LUẬN

Hỏi : Nếu cũ người dộc lịnh cầu đạo thì nên tu theo pháp nào mới là cực kỳ tinh yếu ?

Đáp : CHỈ MỘT PHÁP QUÁN TÂM THẬU NHIẾP CÁC PHÁP mới thực là cực kỳ tinh yếu.

Hỏi : Sao một pháp nhiếp trọn các pháp được ?

Đáp : TÂM LÀ GỐC MUỐN PHÁP. TẤT CẢ CÁC PHÁP DUY MỘT TÂM SANH. Nếu hiểu được Tâm ắt muốn pháp sẵn đủ trong đĩ, cũng ví như cây lớn cũ đủ thứ cành nhánh trái bong, nhưng tất cả đều do một gốc sanh ra, nếu chặt gốc ắt cây chết.

Nếu hiểu Tâm tu đạo ắt được tỉnh lực, nên dễ thành. Không hiểu Tâm mà tu đạo ắt nhọc công mà vơ ích.

Mới biết tất cả việc lành dữ đều do tự Tâm. Cầu gì khác ở ngòiTâm, rốt không đâu cũ được.

Hỏi: Sao bảo Quán Tâm là xong hết ?

Đáp : Đại Bồ Tát khi Hành Lục Độ Ba La Mật thấy Tứ Đại, Ngũ Aám vốn Không, VôẢ Ngã, thấy rõ do khởi dụng nên cũ hai TÂM sai khác nhau.

Thế nào là Hai ?

Một là Tịnh Tâm : Tâm trong sạch.

Hai là Nhiễm Tâm : Tâm nhuốm bợn.

Hai Tâm ấy, pháp giới tự nhiên xưa nay vốn không cũ, kết hợp bằng những giả duyên đối đãi nương vịn vào nhau.

Tâm Tịnh hằng vui việc lành.

Tâm Nhiễm mãi lo nghiệp dữ.

Nếu KHÔNG BỊ NHIỄM, tức xưng là Thánh, xa lìa được hết khổ đau, chứng cái vui Niết bàn.

Bằng cứ buông theo Tâm Nhiễm mà tạo nghiệp, ắt bị khuất lấp, ràng buộc, tức gọi là phàm, chìm nổi trong Ba Cõi, chịu mọi thứ khổ.

Tại sao vậy ?

Vì cái Tâm Nhiễm ấy gây chương ngại cho Bốn Thể Chân Như vậy.

Kinh Thập Địa nĩ : Trong thân chúng sanh cũ Tánh Phật kim cương ví như vàng nhật trịn đầy, rộng lớn, sáng bao la, chỉ vì lớp mây Ngũ Aám che lấp, nên không lộ được, khác nào ánh đèn bị nhốt giữa bình đất không chiếu hiện được.

Kinh Niết Bàn lại nĩ : Tất cả chúng sanh đều cũ Tánh Phật, chỉ vì Vô Minh che lấp, nên không được Giải Thốt.

“Tánh Phật” ấy, tức “Tánh Giác” ấy vậy.

Chỉ “Tự Giác giác tha”, trí giác sáng tỏ, gọi là giải thốt.

Nên biết mọi điều lành đều lấy Giác làm gốc.

Nhân gốc Giác ấy mới kết được đủ thứ trái Niết Bàn của cây Công Đức. Đạo nhân đi mà thành.

Nĩ QUÁN TÂM TỨC XONG HẾT là như vậy.

Lược Giải

Từ xưa đến nay hầu hết Phật Tử đều nghĩ rằng muốn tu hành thì phải Xuất Gia, Vô Chùa, cạo tóc, đắp y, hình tướng đầy đủ. Nhưng ngay Cửa Thứ Hai này, Tổ đã bài bác cách tu hành dựa vào hình tướng, gọi là PHÁ TƯỚNG LUẬN. Bởi thật ra việc tu hành cũ thành công, cũ đạt đến đích cuối cùng hay không, không cần phải cũ hình tướng, vì “Giải Thốt hay ràng buộc đều do Lục Căn”, mà Lục Căn là bộ phận tiếp nhận các Pháp rồi cho ra phản ứng theo lệnh của CÁI TÂM. Vì thế, CHỈ CẦN QUÁN TÂM, là cực kỳ tinh yếu.

Đĩ là cốt tủy của Luận này. Vì lúc cịn ở phàm phu, chưa tu hành, chúng ta chưa nghe nĩ hay chưa biết gì về CÁI TÂM. Nĩ lại Vô Tướng, không thể nhìn thấy, nên khĩ diễn tả. Do đĩ, muốn tu hành cho thành công thì phải Quán Cái TÂM, tức là phải tìm nĩ.

Vậy thì TÂM là gì ? Ở đâu ? Làm cách nào để tìm ra Nĩ ?

Theo Đạo Phật, TÂM cũng là CÁI BIẾT, cái PHÂN BIỆT của các Giác quan, gắn liền với LỤC CĂN trong mỗi chúng ta.

Vì từ lúc sinh ra, chúng ta quen dùng nĩ, nên không nghĩ đến nĩ, dù nĩ vẫn luôn hiện diện ở Các căn khi tiếp xúc với Các Pháp. Đĩ là : Mắt thấy, Tai Nghe, Lưỡi nếm, Mũi ngửi, Thân va chạm ...đưa đến cho ta những cảm xúc, suy nghĩ, tưởng tượng, toan tính, rồi tùy theo thích hay ghét pháp nào đĩ để cũ phản ứng thích hợp.

Cái Tâm rất linh hoạt, nhạy bén. Thí dụ, khi vừa gặp hay tiếp xúc với một người, thì lập tức trong ta cho ra cảm nhận : Lạ, hay quen, thân

hay mới gặp lần đầu ... Nếu là người đã từng quen thì lập tức một lơ dữ liệu sẽ tuong ra theo những gì ta biết về người đi: Trình độ cao, thấp, giàu hay nghèo, rộng rãi hay bủn xỉn, dễ thương hay khĩ ưa, cũ những kỷ niệm tốt đối với ta, hay từng làm cho ta phật ý, từng gây rắc rối cho ta... để rồi ta sẽ cũ thái độ Thích, ghét, thân mật hay lạnh nhạt ! Khi âm thanh lọt vào Tai thì ta liền khởi lên phân biệt: Câu khen, câu nịnh, lời nĩ dụ dàng hay la mắng. Nĩ khích hay nĩ đùa. Với âm nhạc thì du dương, trầm bổng hay chát chúa,. Tiếng động phát ra là do dụng cụ nào. Thích nghe hay không muốn nĩ lọt vào Tai mình.

MŨI thì phân biệt mùi hương, thơm hay thúi.

Lưỡi thì phân biệt vị cay,đắng, chua, ngọt, mặn, lạt..

THÂN thì khi tiếp xúc, va chạm thấy cũ những cảm giác mịn màng, ngứa, xĩt, êm ái, dụ dàng, đau đớn..

Ý tổng hợp những gì Các Căn đưa lại để cho ra phản ứng Thích, ghét, hoặc Tham Sân Si.

Tất cả những cảm nhận do Lục Căn đưa vào, Phật gọi chung đi là CÁI TÂM. Tức là CÁI BIẾT của các giác quan. Cái BIẾT này Đạo Phật gọi là CÁI TÂM.

Đạo Phật phân cái TÂM ra làm hai loại : VỌNG TÂM và CHÂN TÂM.

Trước hết nói về VỌNG TÂM.

VỌNG TÂM là CÁI BIẾT do Lục Căn tiếp xúc với Lục Trần sinh ra. Khi chưa bước vào con đường tu Phật thì mọi người chúng ta ai cũng cho rằng CÁI THÂN là MÌNH. Vì thế, khi Pháp đến với Cái Thân, thì thấy là Đến với Mình, rồi dựa trên sự hợp hay không hợp, thích hay không thích của Cái Thân mà cho ra phản ứng. Nhưng theo Đạo Phật, Thân này không phải là MÌNH THẬT (CHÂN NGÃ), nĩ chỉ là cái Thân ứng hiện để Trả những Nghiệp đã gieo ở thân trước. Vì thế, nĩ không phải là THẬT MÌNH, chỉ là cái THÂN NGHIỆP của mình mà thôi. Do đi tất cả những phản ứng dựa theo cái Tâm này Đạo Phật gọi là VỌNG TÂM.

Cái TA THẬT hay CHÂN TÂM, là CÁI BIẾT SÁNG SUỐT. BIẾT HẾT TẤT CẢ MÀ KHÔNG VUỐNG MẮC. Không bị Các căn che mờ. Đi mới là cái Chân Tánh hay BỒN THỂ TÂM mà mỗi người cần tìm, cần thấy. Nĩ không bị lệ thuộc vào sự nhận biết giới hạn bởi các Căn. Nên thấy các Pháp bình đẳng, không cũ Thương, ghét, Tham Sân Si với Các Pháp. Đi mới là cái mà người tu Phật phải tìm, phải Trụ ở

đĩ thì mới Thốt được Khổ đau, Sinh Tử..

Trong cái Phàm Tâm, Tở phân ra hai loại : Một là TÂM TỊNH, là Tâm thanh tịnh, trong sạch, thường vui với việc lành.

- Hai là TÂM NHIỄM : Hay hướng đến những điều xấu.

Biết được thế nào là VỌNG TÂM, rồi chuyển nĩ thành CHÂN TÂM.

Đĩ gọi là công năng tu hành của người tu Phật. TÁNH PHẬT tức là cái TÁNH GIẢI THỐT mỗi người đều cũ, chỉ vì không biết, nên cứ dùng cái TÂM MÊ, vì thế mà gây Nghiệp để rồi cứ phải triền miên Luân Hồi để trả Nghiệp. Nếu biết mình cũ PHẬT TÁNH rồi dùng những công năng tu hành để tìm cho được, sau đĩ Phật Tánh sẽ hướng dẫn cho mình ngày càng được Giải Thốt khỏi mọi nỗi Khổ của cuộc sống, cho nên nĩ chỉ cần QUÁN TÂM là xong vậy.

TRÍCH KINH :

Hỏi : Trên nói tất cả công đức của Tánh Chân Như Phật đều lấy Giác làm Gốc. Còn Tâm Vô Minh lấy gì làm gốc ?

Đáp : Tâm Vô Minh tuy có tám vạn bốn ngàn phiền não, tình dục, với vô số điều dữ, đều do BA ĐỘC, nên lấy đó làm Gốc.

Ba Độc ấy, tức THAM, SÂN, SI vậy.

Cái Tâm Ba Độc ấy tự nó có đủ tất cả giống ác, ví như cây lớn, gốc tuy chỉ một mà lá sanh ra thì vô lượng không cùng. Ở Ba Độc ấy từ mỗi gốc sanh ra các nghiệp dữ, trăm ngàn vạn ức, gấp mấy cái trước, không thể ví với gì được. Từ trong bản thể của cái Tâm Ba Độc ấy ứng hiện ra Sáu Căn, cũng gọi là Sáu tên giặc, tức là Lục Thức vậy.

Lục Thức này ra vào Lục Căn, nhân đó có tham trước muôn cảnh, tạo thành nghiệp dữ, che khuất Bản thể Chân Như, nên gọi là Sáu tên giặc (Lục Tặc).

Do Ba Độc, Sáu Giặc ấy, chúng sanh bị mê hoặc và rối loạn Thân Tâm, trôi giạt trong Sanh Tử, lăn lóc trong Sáu Đường, chịu mọi nỗi Khổ. Cũng như sông ngòi có tiếp nguồn thông mạch dòng nước mới chảy mãi không dứt, và sóng mới muôn dặm cuộn giăng ; Nếu có ai bít mạch, lấp nguồn thì mọi giòng nước ắt đứt theo.

Người cầu Giải Thoát có thể chuyển Ba Độc thành Ba Giới tu tịnh. Chuyển Sáu tên Giặc thành Sáu Ba la mật, tự nhiên vĩnh

viễn xa lìa biên Khổ.

Lược Giải

Phần này giải thích về cái TÂM VÔ MINH.

TÂM VÔ MINH tức là Cái Tâm không sáng suốt. Do không sáng suốt, nên LỤC Thức tức là Sáu Cái Biết của Lục Căn lúc nào cũng khởi THAM, SÂN, SI khi tiếp xúc với các Pháp.

Những cái khởi này đều do CÁI CHẤP THÂN LÀ MÌNH mà ra. Do thấy Các Pháp đến với Cái Thân là đến với MÌNH, nên pháp nào hợp với Mình thì mình thích, sinh ham muốn dĩ nhiên, gọi là Tham. Pháp nào không thích thì nổi Sân lên, muốn dẹp bỏ, muốn xa lánh. Tất cả là do VÔ MINH, không biết rằng MÌNH không phải là Cái Thân này, Pháp đến với Thân này, không phải tấn công mình. Thân này cũng chỉ là một Pháp, sinh diệt như tất cả các Pháp khác mà thôi. Không lệ thuộc Cái THÂN thì cũng không cịn Chấp vào những gì đến với nĩ, và cũng không tạo Nghiệp vì nĩ nữa.

Biết SÁU CĂN thuộc về CÁI THÂN GIẢ TẠM, thì điều khiến nĩ, không để cho Nĩ thành SÁU TÊN GIẶC, mang ngoại pháp về nhiều loạn cái TÂM. Dứt được Tham Sân Si, chuyển Ba Độc thanh Ba giới tu tịnh, thì sẽ hết Khổ.

TRÍCH KINH :

Hỏi : Sáu Đường Ba Cõi rộng lớn bao la, nếu chỉ Quán Tâm thì sao thoát được những khổ đau không cùng tận ?

Đáp : Nghiệp báo trong Ba Cõi chỉ do một Tâm sanh. Nếu từ gốc đã Vô Tâm thì ở trong ba cõi mà như xa lìa ba cõi.

Ba Cõi ấy, tức Ba Độc vậy

Tham, làm ra cõi Dục

Sân, làm ra cõi Sắc,

Si làm ra cõi Vô Sắc

Nên gọi là Ba Cõi.

Do Ba Độc gây nghiệp nhẹ nặng, quả báo chẳng đồng, chia làm Sáu Xứ, nên gọi là Sáu Nẻo.

Hỏi : Thế nào là nhẹ nặng chia làm Sáu nẻo ?

Đáp : Chúng sanh chẳng rõ chánh nhân, mê tâm tu thiện, chưa thoát Ba Cõi, thác sanh ở ba nẻo tội nhẹ.

Thế nào là ba nẻo nhẹ ?

Aáy là mê tu Thập Thiện, vọng cầu vui sướng, chưa thoát cõi Tham, thì sanh lên nẻo trời.

Mê giữ Năm Giới, vọng lòng thương ghét, chưa thoát cõi SÂN, thì sanh ở nẻo Người.

Mê chấp hữu vi, tin tà, mong phước, chưa thoát cõi SI, thì sanh ở nẻo A Tu La.

Đó là ba loại chúng sanh, gọi là ba nẻo nhẹ vậy.

Thế nào là ba nẻo tội nặng ?

Aáy là buông lung theo cái Tâm Ba Độc, toan gây nghiệp dữ, rơi vào ba nẻo nặng.

Nếu Nghiệp THAM nặng thì rơi vào nẻo Ngạ Quỷ.

Nếu Nghiệp SÂN nặng thì rơi vào nẻo Địa Ngục.

Nếu Nghiệp SI nặng thì rơi vào nẻo SÚC SANH

Ba nẻo tội nặng ấy hiệp với ba nẻo tội nhẹ trên thành Sáu Nẻo Luân Hồi.

Mới biết tất cả nghiệp Khổ đều do Tâm mình sanh, nên cần nhiếp Tâm, lìa hết tà ác, là mọi nỗi Khổ của Ba Cõi sáu Đường luân hồi đều tự nhiên tiêu mất, tức được giải thoát.

Lược Giải :

Phần này Tổ giải thích về BA CÔI, SÁU ĐƯỜNG.

SÁU ĐƯỜNG, BA CÔI là do Chúng Sinh của Tham, Sân, Si trong Cái Tâm Do đi, Phât dạy BA CÔI, SÁU ĐƯỜNG đều do TÂM.

SÁU ĐƯỜNG gồm Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Nhân, Thiên, A Tu La.

Nếu Nghiệp THAM, SÂN, SI nặng thì rơi vào Ba Đường Dưới, là Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh.

Ba Nghiệp nhẹ thì làm Người, Trời và A Tu La, là ba đường được hưởng phước.

Tất cả Tội, phước đều do Cái Tâm điều khiển cho Cái Thân hành động mà làm ra. Nếu hiểu được Cái Tâm và chuyển hĩa nĩ, cho nĩ ngưng không điều khiển Cái Thân tạo ác Nghiệp thì Ba Cõi Sáu Đường cũng không cịn, tức là được Giải Thốt.

TRÍCH KINH :

Hỏi : Như lời Phật dạy : “ Ta đã trải qua Ba Đại A Tăng Kỳ kiếp, chịu vô số khổ nhọc mới thành được Phật Đạo”, nay sao nói chỉ Quán Tâm thì chế được Ba Độc, là giải thoát ?

Đáp : Lời Phật nói ra không hề hư dối. A Tăng Kỳ Kiếp ấy, tức Tâm Ba Độc vậy. Người hồ nói “ A tăng Kỳ”. Người Hán nói “Bất khả số”, nghĩa là đếm không xuể.

Tự trong Tâm Ba Độc ấy có đủ thứ niệm ác nhiều như cát sông Hằng. Ở mỗi Niệm là một kiếp, vậy là có hằng sa số kiếp đếm không xuể, nên nói Ba Đại a tăng kỳ.

Tánh Chân Như bị Ba Độc ấy che khuất. Nếu chẳng vượt lên cái Tâm ba đại hằng sa độc ác ấy thì làm sao giải thoát được ?

Nếu nay chuyển được Ba Độc Tham Sân Si làm ba món giải thoát, đó là vượt qua ba đại a tăng kỳ kiếp.

Chúng sanh ở thời đại cùng mạt này vốn căn trí ngu si, cùn lụt, không nhận được ý sâu kín của Như Lai trong câu nói “ba đại a tăng kỳ” nên nói Như Lai phải qua nhiều vô số kiếp nhiều như cát bụi mới thành Phật, điều ấy há chỉ khiến người tu ngơ hão mà lùi bước Bồ Đề sao ?

Hỏi : Các Đại Bồ Tát nhờ giữ Ba Giới tu tịnh, thực hành Sáu Độ, mới thành Phật đạo. Sao nay các người học chỉ cần Quán Tâm, chẳng tu Giới Hạnh thì thành Phật thế nào được. ?

Đáp : Ba Giới tu tịnh ấy, tức cái Tâm chế phục Ba Độc vậy.

Chế phục Tâm Ba Độc thành vô lượng thiện tu.

Nói “tự” là nói “hội” vậy.

Pháp lành vô lượng hội khắp ở Tâm, nên gọi là Ba Giới tu tịnh.

Nói Lục Độ Ba La Mật, tức nói Tịnh Sáu Căn vậy.

Người Hồ nói “Ba la Mật”, Người Hán nói “Đạt Bỉ Ngạn”, tức đến bờ bên kia. Sáu Căn thanh tịnh, chẳng nhuộm Sáu Trần, tức qua sông phiền não, đến bờ Bồ Đề, nên nói là Sáu Ba la Mật.

Lược Giải

Có Quán Tâm mới Thấy được Gốc Ba Độc từ đó mà Khởi ra. Sau khi Điều Phục, thì Ba Độc trở thành Ba Giới tu tịnh. Sáu tên giặc thành Sáu hộ trì. Ràng buộc thành Giải Thoát chớ không phải bằng trai giới, trì chú, Niệm Phật, đọc tụng Kinh điển mà có thể Chuyển hóa được cái Tâm.

Bỉ Ngạn hay Thử Ngạn cũng chỉ trong cùng một cái Tâm. Khi Tâm còn Mê Chấp vào Cái Thân, thì cịn ở Bờ bên này, vì làm gì, nghĩ gì cũng không ngoài Cái Thân, vì đi mà lươn khởi Tham Sân Si. Khi Tâm Giác được rồi, thì gọi là NGỘ. Không còn bị Tham Sân Si ràng buộc nữa, nên được Giải Thoát, hết phiền não, Khổ đau, Sinh Tử, gọi là Qua Bờ Bên kia.

TRÍCH KINH :

Hỏi : Như Kinh nói, Ba Giới tu tịnh tức là “Nguyên thệ đoạn tất cả điều dữ, thệ tu tất cả điều lành, thệ độ tất cả chúng sanh” Nay nói chỉ cần chế ngự cái Tâm Ba Độc, há chẳng trái với nghĩa văn sao ?

Đáp : Lời Phật nói Kinh là lời chân thực. Nhân đối với Ba Độc, Chư Bồ Tát tu hành trong thời quá khứ phát ba thệ nguyện là : Nguyên đoạn tất cả điều dữ, nên luôn Giữ Giới, đối xử với THAM ĐỘC.

Nguyên tu tất cả điều lành, nên luôn tập ĐỊNH, đối xử với SÂN ĐỘC. Nguyên độ tất cả chúng sanh, nên luôn tu HUỆ, đối xử với SI ĐỘC.

Do giữ ba Tịnh Pháp GIỚI ĐỊNH HUỆ ấy nên vượt được lên Ba Độc mà thành Phật Đạo vậy.

Điều dữ dứt mất, đó gọi là “Đoạn”.

Điều lành sẵn đủ, đó gọi là “Tu.”

Đã đoạn dữ tu lành, ắt muôn hạnh đều thành tựu; lợi ta lợi người, cứu khắp muôn sanh, đó gọi là “Độ”.

Mới biết phép tu Giới Hạnh không thể lìa Tâm. Nếu tâm mình thanh tịnh, ắt tất cả nước Phật đều thanh tịnh. Nên Kinh nói :

Tâm đục ắt chúng sanh đục.

Tâm tịnh ắt chúng sanh tịnh.
Muốn được Tịnh Độ, trước cần Tịnh Tâm.
Tùy Tâm mình tịnh, xứ Phật tịnh theo.
Ba Giới tu tịnh, tự nhiên thành tựu.

Lược Giải

Tâm là GỐC của tất cả điều lành, điều dữ. Là nơi sinh sôi nảy nở của tất cả chúng sanh. Thấy được Tâm, biết nó là GỐC CỦA BA ĐỘC.
Chế ngự cái Tâm ba Độc này là công việc tu hành của Chư Đại Bồ tát.

Đoạn tất cả điều dữ, là Trừ THAM ĐỘC.
Tu tất cả điều lành là TRỪ SÂN ĐỘC
Độ tất cả chúng sanh tức là TRỪ SI ĐỘC

Những Độc này đều nương nơi Tâm mà Khởi, tùy Tâm mà Diệt. Cho nên tu hành tức là chuyển những “Chúng Sinh Khởi” đó về với an tịnh, gọi là Độ cho CHÚNG SINH thành PHẬT, bởi khi Tâm khởi những điều dữ, thì những cái Khởi đó gọi là Chúng Sinh. Khi Tâm khởi những điều lành, đó là những chúng sinh đã hướng thiện. Khi cái Tâm được thanh tịnh, không còn bị phiền não nhiễu loạn, thì đó là quốc độ của Phật.

Như vậy chỉ cần Thấy, Biết và hướng dẫn cho công việc Khởi ở trong Tâm được Thanh Tịnh, hay những “Chúng Sinh Khởi” đó không còn theo đường ác nữa, là chúng ta đã làm được việc Tịnh Cõi Nước Phật. Chỉ cần huân tập cho chúng sinh lần hồi về với Con Đường Phật Đạo, thì chúng sinh cũng thanh tịnh theo, nên Tổ dạy :

Muốn được tịnh Độ, trước cần Tịnh Tâm.
Tùy Tâm mình Tịnh, xứ Phật Tịnh theo.

TRÍCH KINH :

Hỏi : Như Kinh nói Sáu Ba La Mật ấy, cũng gọi là Sáu Độ, tức là “ Bố thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định, và Trí Huệ.”. Nay nói Sáu Căn Thanh Tịnh gọi là Ba La Mật, thì hiểu sao cho xuôi

được ? Còn phép Lục Độ, nghĩa ấy thế nào ?

Đáp : Muốn tu Lục Độ, nên Tịnh Sáu Căn, hàng Sáu tên Giác.

Xả được tên giác MẮT, lìa hết cảnh sắc, gọi là BỐ THÍ.

Cầm được tên Giác TAI, không buông lung theo thanh trần, gọi là TRÌ GIỚI.

Cầm được tên Giác MŨI, tự tại giữa hương thơm, gọi là NHÃN NHỤC.

Ngăn được tên Giác LUỖI, không ham mùi vị, ngâm vịnh giảng văn, gọi là TINH TIẾN.

Hàng được tên Giác THÂN, như nhiên chẳng xúc động, gọi là THIỀN ĐỊNH.

Phục được tên Giác Ý, chẳng buông lung theo VÔ MINH, thường tu theo Giác Huệ, gọi là TRÍ HUỆ.

Nói “Độ”, đưa qua, tức nói “vận” chuyển vận vậy. Thuyền bát Nhã Sáu Ba la Mật có khả năng chuyển vận chúng sanh đến Bờ Bên Kia, nên gọi là SÁU ĐỘ.

Lược Giải

Phần này nói về LỤC ĐỘ.

Lục Độ là SÁU VIỆC LÀM người tu cần làm trên con đường tu tập.

LỤC ĐỘ gồm : BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, TINH TẤN, NHÃN NHỤC, THIỀN ĐỊNH và TRÍ HUỆ.

Nếu ta làm với những hôn cảnh hay người bên ngoài, như mang tiền bạc, tài vật để giúp người gặp hôn cảnh khĩ khăn. Cố gắng Giữ đầy đủ Giới, Thiền Định, Nhãn Nhục và làm các thứ trên con đường tu hành để cầu mong Quả Vị, Chứng Đắc, thì cuối cùng cũng chỉ được Phước Báo trả lại, không thể mang đến kết quả Giải Thốt.

Nhưng nếu ta quay vào chính bản thân mình là HÀNH với LỤC CĂN của mình, là chuyển hóa được những tên Giác trong LỤC CĂN, không cho nĩ chạy theo Lục Trần, thì đi mới là LỤC ĐỘ BA LA MẬT, vì đưa được Chúng sanh nơi Tâm và chính hành giả Qua bờ Giải Thốt vậy.

TRÍCH KINH :

HỎI : Kinh Nói : Khi còn là Bồ Tát, Thích Ca Như Lai từng uống Ba Đầu Sáu Thăng nhũ mi(đề hồ) mới thành Phật đạo. Vậy, trước nhờ uống sữa, sau mới chứng quả Phật, há phải nhờ Quán Tâm mà được giải thoát ru?

Đáp : Nên thành thực nhận rằng lời xưa nói “Nhân vì uống sữa mới thành Phật” chẳng hề luống dối. Nói Phật uống sữa cần phân biệt hai thứ sữa. Sữa Phật uống chẳng phải là sữa vẫn đục của thế gian, mà chính là sữa của Pháp Chân Như Thanh Tịnh vậy. Nói Ba Đầu, tức Ba Giới Tu Tịnh.

Nói Sáu Thăng, tức Sáu Ba La Mật.

Thành Phật là do uống sữa của Pháp Thanh Tịnh ấy, mới chứng quả Phật.

Nếu nói Như Lai uống thứ sữa bò lèngh mỡ uơon hôi vẫn đục của thế gian, há chẳng chê bai một cách lầm lẫn lắm ru ?

Tánh Chân Như tợ như chất kim cương bất diệt; còn Pháp thân thì không tì vết, vĩnh viễn lìa tất cả đau khổ của thế gian, há dùng thứ sữa vẫn đục ấy đỡ đói khát được sao ?

Như lời Kinh nói, bò ấy chẳng ở vùng cao, chẳng ở vùng thấp, chẳng ăn lúa thóc tạp nhạp, chẳng ở cùng bầy với các loài bò khác.

... Nói bò ấy, tức là Phật Tì Lô Xá Na vậy. Dem lòng đại bi mà thương xót tất cả; nên từ nơi Pháp Thể Thanh Tịnh ứng ra thứ sữa pháp vi diệu của Ba Giới Tu Tịnh, Sáu Ba la mật hầu nuôi nấng tất cả những người cầu đạo Giải Thoát. Như vậy, loại bò chân tịnh ấy, loại sữa thanh tịnh ấy, không những riêng Như Lai uống xong là Thành Đạo, mà tất cả chúng sanh ai uống vẫn được quả Chánh Đẳng Chánh Giác như thường.

Lược Giải

Phần này giải thích từ ngữ trong Kinh sách ngày trước đã dùng, nên người mới vào tu học không thể hiểu được. Chúng ta nên biết rằng Tu Phật là Tu Tâm, vì thế, Chư Phật không thể thành tựu do hình tướng, do ăn uống, mà do những việc làm tu sửa nơi Thân Tâm mới đưa đến kết quả Giải Thốt tức Thành Phật.

Như Lai là nãi về người đã được Giải Thốt rồi thì dù các pháp đến hay

đi cũng không làm cho xao động, do các Vị thấy “Các Pháp đều Như” . Cho nên, dù ngày xưa ngôn ngữ chưa đủ để diễn tả, phải dùng hình tướng bên ngoài, thì ta cũng phải hiểu rằng dĩ là nãi về việc Tu Sửa bên trong mỗi người mới đưa đến thành tựu vậy.

TRÍCH KINH :

Hỏi : Như Kinh nói : Phật khiến chúng sanh xây dựng Già Lam, đúc hình tạc tượng, đốt hương rắc hoa, chong đèn sáng mãi, đêm ngày sáu thời nhiều tháp hành đạo, lễ bái chay lạt, đủ thứ công đức mới thành Phật Đạo. Nếu chỉ lấy phép Quán Tâm thâm nhiếp các Hạnh, nói như vậy e có ngoa chăng ?

Đáp : Phật nói Kinh dùng vô số phương tiện nhằm vào tất cả chúng sanh căn trí cùng lụt, uơ hèn, không đủ sức lãnh hội nghĩa sâu, nên mượn pháp hữu vi làm tỉ dụ cho pháp vô vi.

Nếu không tu nội hạnh mà chỉ cầu ở ngoài mong làm thánh, cầu được phước, không đâu có được.

Nói “Già Lam” ấy, là người Tây Thiên Trúc nói, ở đây dịch là “Thanh Tịnh Địa”, tức đất trong sạch, chùa chiền vậy.

Nếu vĩnh viễn trừ Ba Độc, Tịnh Sáu Căn, thân Tâm vắng không, trong ngoài ngưng lặng, đó gọi là Xây dựng già Lam.

Nói “Đúc hình tạc tượng”, tức đó là tất cả chúng sanh cầu Phật Đạo cần tu các Giác Hạnh phỏng theo chân dung diệu tướng của Như Lai, há đâu chỉ là việc đúc vàng tạc đồng tầm thường vậy thôi ru ! Bởi vậy, người cầu đạo giải thoát phải lấy thân mình làm lò, lấy pháp làm lửa, lấy Trí Huệ làm tay thợ khéo, lấy ba Giới Tu Tịnh, Sáu Ba La Mật làm khuôn phép, nấu chảy và rèn đúc chất Chân Như Phật tánh ở trong thân cho thấm nhập khắp tất cả hình thức Giới luật; y lời dạy đó mà vâng làm, mỗi mỗi không hờ sót, thì tự nhiên thành tựu hình tướng của chân dung. Hình tướng đó đích thực là Pháp Thân Thường Trụ vi diệu và cùng tốt, há đây phải là pháp hữu vi hư đồn sao ?

Người cầu đạo mà không hiểu nghĩa việc đúc tạc chân dung như vậy thì còn bằng vào đâu mà mở miệng nói Công Đức ?

Còn việc đốt hương ấy, nào phải hương hình tướng của thế gian, mà chính là hương của Pháp Vô Vi vậy, xông lên các thứ dơ xấu khiến cho nghiệp dữ vô minh thấy đều tiêu mất.

Hương Chánh Pháp ấy có năm thứ :

Một là HƯƠNG GIỚI; gọi thế vì nó có thể dứt mọi điều dữ, tu mọi điều lành.

Hai là HƯƠNG ĐỊNH; gọi thế vì nó tin sâu phép Đại Thừa, lòng không chùng nản.

Ba là HƯƠNG HUỆ : Gọi thế vì lúc nào ở bên trong cũng tự Tâm quán xét.

Bốn là HƯƠNG GIẢI THOÁT; gọi thế vì nó có thể dứt tất cả mê mờ trôi buột.

Năm là HƯƠNG GIẢI THOÁT TRI KIẾN; gọi thế vì lúc nào nó cũng quán chiếu sáng soi, suốt thông không ngại.

Đó là Năm Thứ Hương, gọi là Hương Tối Thượng, thế gian không gì sánh được.

Khi còn tại thế, Phật khiến các đệ tử lấy lửa Trí Huệ đốt thứ hương báu vô giá ấy để dựng cúng Chư Phật Mười Phương. Chúng sanh ngày nay không rõ nghĩa chân thực của Như Lai, chỉ đem lửa ngoài đốt gỗ trầm của thế tục, xông thứ hương vật chất lên mong phước cầu thánh, thì sao được ru ?

- Còn việc rắc hoa ấy, nghĩa cũng vậy, ấy là diễn nói Pháp Chánh.

Hoa Công Đức ấy gây lợi ích nhiều cho giống hữu tình, gieo rắc thấm nhuần tất cả, tự nơi Tánh Chân Như bố thí khắp cùng, khiến cho tất cả trang nghiêm. Thứ Hoa Công Đức mà Phật xưng tán ấy không bao giờ héo rụng, rớt ráo là Thường Trụ.

Ai rắc thứ Hoa ấy được phước không cùng. Bằng nói Như Lai bảo chúng sanh chặt cành bứt nhánh, lấy hoa cúng Phật, làm thương tổn đến cỏ cây, điều ấy không đâu có vậy. Vì lẽ sao vậy ?

Vì đã giữ Tịnh Giới thì muôn tượng um tùm trong trời đất đều chẳng nên đụng chạm đến. Nếu làm chạm phải, đã mắc tội nặng rồi, huống nữa nay lại còn cố ý phá tịnh Giới, gây hại cho muôn vật để cầu phước báo, muốn được thêm cho mình lại hóa thành mất bớt đi, há có thể như vậy được sao ?

Nói “Chong đèn sáng mãi” , đó là Tâm Chánh Giác vậy.

Sức sáng của Tánh Giác dụ như ngọn đèn. Cho nên người cầu Đạo Giải Thoát phải lấy thân mình làm đèn, lấy tâm làm tim đèn, thêm vào Giới Hạnh làm dầu đốt đèn.

Trí Huệ sáng tỏ dụ như ngọn đèn thường cháy. Đó là đèn Chánh Giác vậy, chiếu phá tất cả mờ tối, si mê, có thể dùng Pháp Luân ấy trao truyền mở sáng cho nhau. Tức đó một đèn mỗi qua trăm ngàn

đèn, đèn đèn không cùng tận, nên gọi là chong đèn sáng mãi.

Trong quá khứ có Phật tên là Nhiên Đăng cũng theo nghĩa “đốt đèn” ấy vậy.

Chúng sanh ngu si không hiểu lời nói phương tiện của Như Lai, chuyên làm điều luống dối, mê chấp hữu vi, đốt lên ngọn đèn dầu của thế gian đem soi vào căn nhà không, lại xưng là y theo lời Phật dạy, há chẳng quấy lắm ru ?

Bởi có sao vậy ?

Phật phóng một đạo hào quang giữa đôi mi chiếu suốt tám vạn bốn ngàn thế giới, há là đèn dầu hư giả mà được ích lợi đến như vậy sao ? Xét kỹ lẽ ấy, tự nhiên không thể được vậy!

Còn “Sáu giờ hành đạo” là nói tự nơi Sáu Căn, bất cứ lúc nào cũng đi con đường Phật, cũng tu các Giác Hạnh, cũng ngăn phòng Sáu Căn, không lúc nào buông, đó gọi là Sáu Giờ Hành Đạo.

Phàm nói “Nhiều Tháp Hành Đạo” thì “Tháp” tức là “Thân” vậy. Vậy cần tu Giác Hạnh, xét quanh Thân Tâm, niệm niệm chẳng dừng, đó gọi là “nhiều tháp”, tức đi quanh tháp vậy.

Thánh nhân thuở trước đều đi theo đường ấy kỳ cho tới Niết bàn. Người đời nay chẳng rõ lẽ ấy, đem thân vật chất ra nhiều tháp thế gian, đêm ngày loanh quanh, chuốc nỗi nhọc nhằn vô lối, không ích gì cho Chân Tánh cả.

Còn “Trì Trai” ấy, cần hiểu rõ, nếu không thông đạt, ắt uổng công tu.

Nói “Trai” tức là “chay”, tức nói ‘tê, là sắp xếp vậy. Sắp xếp thân Tâm cho thẳng (tê chánh), đừng cong rồi.

Nói “trì” tức là giữ, tức nói “hộ” là giúp vậy; ở nơi Giới Hạnh, cứ theo pháp mà hộ trì, nhất định ngoài cấm Sáu Tình, trong ngăn Ba Độc, siêng năng tỉnh xét, Thân Tâm thanh tịnh. Có hiểu như vậy mới là chay lạt.

Còn ăn cũng có năm thứ ăn

Một là ăn thức ăn vui của Pháp – PHÁP HỈ THỰC – đó tức là Y Giữ Chánh Pháp, vui mừng vâng làm.

Hai là ăn thức ăn ngon của Thiền – THIỀN DUYỆT THỰC – đó tức là trong ngoài lọc sạch, Thân và Tâm vui đẹp.

Ba là ăn thức ăn của Niệm – NIỆM THỰC – đó tức là thường niệm Chư Phật, Tâm và miệng hợp nhau.

Bốn là ăn thức ăn của Nguyện – NGUYỆN THỰC – đó tức là trong

lúc đi đứng nằm ngồi luôn phát nguyện lành.

Năm là ăn thức ăn của Giải Thoát –GIẢI THOÁT THỰC – đó tức là Tâm thường Thanh Tịnh, chẳng nhuốm bụi tục. Aên năm món ăn ấy gọi là Giữ Giới Chay Lạt.

Người nào không ăn năm món ăn thanh tịnh như trên mà cứ rêu rao là trai Giới, thì không đâu có được... Đó chỉ là Phá Chay. Mà đã phá thì sao rằng phước được.

Kẻ mê trong đời không ngộ được lẽ ấy, thả lỏng Thân Tâm, làm đủ việc dữ, ham muốn bốn tình chẳng chút thẹn thùng. Chỉ dứt có món ăn ngoài mà tự coi là chay lạt, thật không đâu có được.

Còn việc “Lễ Bái” thì nên biết pháp như thế này : Trong là Lý phải sáng tỏ; ngoài là SỰ biết quyền nghi. Có hiểu được như vậy mới gọi là Y Pháp.

Phàm nói “lễ” tức là nói “kính” nghĩa là coi nặng vậy.

Phàm nói “bái” tức là nói “Phục”, nghĩa là cúi xuống vậy.

Sở dĩ thế vì có cung kính Chân Tánh, khuất phục Vô Minh, mới gọi là lễ bái.

Nếu dứt hẳn được ác tính, hằng gìn thiện niệm, tuy chẳng xứng tướng, mới gọi là lễ bái.

Tướng ấy, tức Pháp Tướng vậy.

Thế Tôn muốn khiến cho thế tục tỏ lòng nhúng thấp mới dạy lễ bái tức là ngoài thì Thân sụp xuống, trong thì Lòng kính thêm, Giác ngoài, Sáng trong, Tánh tướng cùng hợp.

Nếu không làm theo lý pháp ấy mà chỉ chấp tướng cầu ngoài, trong ắt buông lung theo Tham Si, mãi gây nghiệp dữ, ngoài ắt nhọc nhằn thân tướng mà chẳng ích gì, đời lốt uy nghi không thẹn với thánh, dối gạt với phàm, chẳng khỏi Luân Hồi, há thành Công Đức được sao ?

Lược Giải

Phần này giải thích về sự khác biệt của NGŨ và NGHĨA.

Mọi người cứ Y NGŨ, thấy Kinh viết xây dựng Già Lam thì mua cát, gạch, đá, xi măng để cất Chùa. Trong khi đi, điều người tu cần làm, là làm cho Cái Tâm được thanh tịnh. Kinh viết : Trừ Ba Độc, Tịnh Sáu Căn, Thân, Tâm vắng không, đã là xây dựng Già Lam. Tức là cất Chùa

để Phật ngự.

Đúc Tượng Phật không phải lấy khuôn rồi đổ thạch cao hay xi măng, hoặc dùng vàng, bạc, đồng đổ thành tượng.

Tạc Tượng cũng không phải là dùng khối gỗ rồi tạc thành tượng Phật, mà người tu phải phỏng theo các Hạnh mà Phật đã làm để làm theo, để bản thân cũng có Phật của chính mình hay cũng nghĩa là hồn thành Tượng Phật nơi Tâm của mình.

Hạnh mà Phật đã hành để thành Phật là “Lấy Thân mình làm lị, lấy Pháp làm lửa, Trí Huệ làm tay thợ khéo, lấy Ba Giới tu tịnh, Lục Độ Ba La Mật làm khuôn phép, nấu chảy và rèn đúc chất Chân Như Phật Tánh ở trong thân, cho thấm nhập khắp tất cả hình thức Giới Luật”.

Hương mà Đạo Phật dạy là công đức của những pháp tu hành mà người tu thực hiện. Dĩ là Giới, Định, Huệ, Giải Thốt, Giải Thốt tri kiến, không phải là mùi hương của cây hương làm bằng bột tẩm mùi ! Tất cả những việc mà người tu phải thực hành trên suốt quá trình tu tập, từ việc Xây Chùa, Đúc Tượng, Thắp Hương, Nhiều tháp, chong đèn, ăn chay, lễ Phật..v.v.. đều nói về những điều cần phải thực hiện nơi TÂM, không phải là dùng những hình tượng bên ngoài. Nhưng bao nhiêu thời qua, nhiều người cứ hình tượng bên ngoài mà thực hiện, không quay vào Tâm mà hành, trách sao tu mãi mà không thành công.

TRÍCH KINH :

Hỏi : Như lời Kinh nói : “Dốc lòng Niệm Phật chắc được vãng sanh qua cõi Tịnh Độ Phương Tây, chỉ cần một cửa ấy tức được Thành Phật”, sao còn nói Quán Tâm để cầu Giải Thoát là gì ?

Đáp : Phàm nói Niệm Phật, cốt cần niệm chánh. Rõ nghĩa là Chánh. Không rõ nghĩa là Tà. Niệm Chánh ắt được vãng sanh. Còn Niệm tà thì sao qua đó được ?

Nói “Phật” là nói ‘Giác’, tức tỉnh biết vậy; Tỉnh để Biết, để Thấy rõ thân Tâm mình, đừng khiến niệm dờ lờng lên vậy.

Nói “Niệm” là nói “ức”, tức gìn nhớ vậy. Gìn nhớ giữ Giới Hạnh, chẳng quên tinh tiến. Có hiểu như vậy, mới gọi là Niệm. Cho nên Niệm cốt ở Tâm, chẳng ở lời nói.

Mượn nôm đơm cá, được cá cần quên nôm.

Mượn lời cây Ý, được Ý cần quên lời.

Đã xưng Niệm Phật trên danh từ, nên biết Niệm Phật trong đạo lý.

Nếu Tâm không thực, thì miệng tụng tiếng suông, Ba Độc chất chồng, Nhân Ngã chèn lấp.

Đem Tâm Vô Minh, hường ngoại cầu Phật, nhọc sức ích gì.
Vả, Tụng với Niệm, nghĩa lý còn khác nhau xa.

Tại miệng, gọi là Tụng.

Tại Tâm. gọi là Niệm.

Thế mới biết :

Niệm theo tâm mà khởi, đó là Giác Hạnh – cửa huyền.

Tụng theo miệng mà ra, đó là âm thanh – tướng đối.

Nên biết chư Thánh ngày xưa tu Niệm Phật, phải đâu nói ngoài miệng, chính là tìm xét trong Tâm.

Tâm là nguồn của mọi pháp lành.

Tâm là chủ của muôn công đức.

Niết Bàn thường vui do Tâm mà ra.

Ba Cõi lăn lóc, cũng theo tâm mà dậy

Tâm là cửa, là ngõ của Đạo Xuất Thế.

Tâm là Bến, là Âu của Đạo Giải Thoát.

Cửa ngõ đã biết, há lo khó vào ?

Bến ải đã rõ, há ngại chẳng thông ?

Lược Giải

Niệm Phật thế nào để được Vãng Sanh được Tổ Đạt Ma giải thích :
Phật tức là GIÁC. Niệm Phật tức là luôn luôn tỉnh giác, ghi nhớ sự tỉnh giác, hành động với sự tỉnh giác, không để cho Vô Minh điều khiển, thì chúng sanh đương nhiên được Giải Thoát, không còn bị Tham sân Si làm cho phiền não, đau khổ, gọi là được sanh về Nước Phật.

Niệm là làm nơi Tâm, khác với Tụng là đọc ngoài miệng. Tam thế Chư Phật thành Đạo là do Hành Thâm Bát Nhã, do làm nơi Tâm, không phải do Tụng nhiều biến Kinh Bát Nhã. Tổ Đạt Ma đã giải thích, NIỆM tức là Thấy được Tâm, Hành nơi Tâm. Biết rằng : NIẾT BÀN THƯỜNG VUI DO TÂM MÀ RA. BA CÕI LĂN LÓC CŨNG THEO TÂM MÀ DẬY. Thì Niết Bàn hay Địa ngục cũng chính do

mình làm cho mình. Biết Tụng suông vô ích thì Niệm. Niệm cho đúng thì sẽ thành tựu, sẽ sanh về Nước Phật ngay hiện kiếp, không cần phải chờ lúc chết Phật ở nước nào sẽ tới rước về.

Nếu lúc sống, không thấy Phật, không tạo được Phật Quốc nơi Tâm mình, không sống được với cảnh Phật, chỉ sống với điên đảo, phiền não, thì khi chết Phật của ai sẽ tới rước mình ? Tu Phật là Tự Độ để hoàn tất việc tu. Phật của người khác dĩ nhiệm vụ Độ cho chúng sinh của họ, Phật của ta mới Độ được cho ta. Do đó, Tổ dạy : Chỉ cần Xét tâm, Quán Tâm, để tìm Phật của mình ngay chính nơi đó mới là Đạo Phật chân chính vậy.

TRÍCH KINH :

... Cho nên nhiếp Tâm được thì trong chiếu soi, giác quán được thì ngoài tỏ sáng.

Dứt Ba Độc khiến ngàn thuở tiêu tan,

Nhốt Sáu Giác khiến bất đường phá rối.

Tự nhiên hằng sa công đức, thấy thấy trang nghiêm,

Vô số pháp môn, mỗi mỗi thành tựu,

Vượt lên phàm, chứng vào Thánh, mắt chẳng động xao.

Ngộ tại chốc liền, đợi gì lâu lắt.

Cửa Chân sâu kín, thuật đủ được sao, đây chỉ trình bày sơ phép Quán Tâm đôi phần vậy thôi.

Lược Giải

Chỉ có một cái Tâm, Mê hay Ngộ cũng chỉ ở đó. Nhiếp được Tâm thì sẽ tỏ rõ mọi ngọn nguồn. Dứt Tham Sân Si thì sáu Đường, Ba Cõi cũng sụp đổ, và thành tựu công đức, gọi là chứng thánh, mà chẳng hề thay đổi tướng mạo, cũng chẳng phải đợi đến kiếp nào lâu xa.

Chỉ cần dứt Ba Độc, nhốt sáu tên giác, đó là thành tựu công đức, không phải cầu nơi đâu khác.

Tụng, Niệm cũng được Tổ Đạt Ma giải thích rõ : không phải là chỉ đọc ngoài miệng, vì đó là âm thanh tướng đối, mà cần ghi nhớ, tìm xét

nơi Tâm đề tu sửa ở đó mới giải thoát được.

TRÍCH KINH : Ngã bốn cầu Tâm tâm tự tri
Cầu tâm bất đắc đãi tâm tri
Phật Tánh bất tòng tâm ngoại đắc
Tâm sanh tiền thị tội sanh thì

Ta vốn cầu Tâm tâm tự tri,
Cầu tâm chó khá đợi Tâm tri
Tánh Phật ngoài tâm không chứng được
Tâm sanh thì tội phát liền khi.

Lược Giải

Tổ dạy rằng Ngài vốn CẦU TÂM, để cái Tâm tự giữ gìn, tự hiểu biết. TÁNH PHẬT ngoài cái TÂM không thể chứng được. Nhưng phải là cái TÂM THANH TỊNH, TÂM KHÔNG Ô NHIỄM, cái TÂM VÔ SANH. Nếu sanh cái Tâm phàm thì đó là đồng nghĩa với sanh tội vậy.

TRÍCH KINH

Ngã bốn Cầu tâm bất cầu Phật
Liễu tri tam Giới Không vô vật
Nhược dục Cầu Phật đản Cầu Tâm
Chỉ giá Tâm Tâm Tâm thị Phật.

Ta vốn Cầu tâm chẳng Cầu Phật
Rõ ra Ba Cõi không một vật
Ví muốn Cầu Phật thà Cầu tâm
Chỉ Tâm Tâm tâm ấy tức Phật

Lược Giải

Muốn CẦU PHẬT thà CẦU TÂM. TÂM tức PHẬT, tức là Giải Thoát hay ràng buộc cũng chỉ do TÂM. Ba Cõi, Sáu Đường cũng là cảnh Giới do tâm biến hiện ra, cho nên Thấy được Tâm thì Ba Cõi cũng không còn. TÂM ấy tức là PHẬT, đừng cầu nơi nào khác.

Phẩm này Tổ nhấn mạnh rằng muốn tu hành, muốn tìm Phật, muốn chứng Thánh thì chỉ cần QUÁN TÂM sẽ thấy tất cả đều ở đó và chỉ ở đó mà thôi, không thể tìm nơi nào khác mà có thể gặp được Đạo, Thấy được Tánh sẽ chứng được Niết Bàn. Lục Độ, Thập Thiện cũng do đây, mà Địa Ngục, Súc Sinh, Sáu Đường cũng do đây. Chính vì vậy mà người tu cần biết để điều chỉnh lại công năng của mình. Thay vì Hướng ngoại, tìm ngoài, cầu ngoài, làm những việc bên ngoài, người tu cần HUỐNG NỘI, Tìm tâm, Thấy Tâm, Tu Tâm, để thấy rằng chỉ có một Tâm, nhưng sinh Thiện, ác hai bên. Thiện hay ác cũng do Tâm Mê. Việc tu hành tức là chuyển mê thành Ngộ. Cho nên, muốn cầu Phật thà Cầu Tâm là như thế.

CỬA THỨ BA :

NHỊ CHUNG NHẬP

Phàm vào Đạo có nhiều đường, nhưng nói cho cùng thì không ngoài hai đường này :

Một là LÝ nhập

Hai là HẠNH nhập

LÝ NHẬP là mượn GIÁO để ngộ vào “Tông”, tin sâu rằng tất cả sinh linh đều chung đồng một Chân Tánh, chỉ vì khách trần bên ngoài và vọng tưởng bên trong che khuất nên Chân Tánh không hiển lộ được. Nếu bỏ vọng mà về Chân, tinh thần ngưng trụ như vách đá thì không thấy có ta có người, thánh phàm một bậc như nhau; nếu một mực kiên cố không lay chuyển, rốt cùng không lệ thuộc vào văn giáo, được như thế tức ngầm với LÝ, hể ý niệm phân biệt. Vô vi một cách vắng laÿng và hồn nhiên gọi là LÝ NHẬP.

Lược Giải

Trước khi bước vào con đường tu thì người phàm phu hoàn toàn sống

trong sự lôi cuốn của cảnh đời với những sướng, khổ, vui, buồn, sống, chết...vì thế, khi vào tu, người tu cần phải hiểu rõ các lý lẽ của Đạo. Lý của đạo Phật là “Có Thân có Khổ”. Đã sinh ra làm người là đã mang sẵn Nghiệp. Cảnh sướng, khổ, giàu, nghèo, đẹp, xấu, thọ, yếu... của mỗi người đều do những Nhân tốt hay xấu đã gieo từ kiếp trước, nên thân này ứng hiện là để trả những Nghiệp xấu - nếu đã gieo Nhân xấu - và hưởng những Nghiệp tốt, nếu đã gieo Nhân tốt. Trong khi trả hay hưởng này, thì lại tiếp tục gieo Nhân mới cho kiếp sau...

Nếu tin vào Đạo Phật, thì sẽ được Kinh giáo hay người đi trước chỉ dẫn cho hiểu những điều cần hiểu như thế, đồng thời cũng được dạy cho những cách sống để không còn bị những nghiệp quả lôi cuốn, làm cho mê mờ, chìm đắm trong cuộc đời để phải sống khổ, chết còn theo Nghiệp mà tái sanh, rồi Khổ tiếp.

Để có được sự hiểu biết đúng theo Đạo. Kinh dạy người tu những cách thức phân tích cuộc đời, phân tích các pháp, phân tích cái Thân, cái Tâm v.v... để thấy nó không trường tồn, không bền vững, chỉ xuất hiện do Nghiệp, do Duyên, nên gọi nó là VỌNG bằng cách Tư Duy, Soi Quán.

Hiểu được như thế gọi là Hiểu LÝ. Hành trì để sống đúng theo cái LÝ như thế gọi là LÝ NHẬP.

TRÍCH KINH

II.-HẠNH NHẬP là nói về BỐN HẠNH, ngoài ra các Hạnh khác đều bao gồm trong ấy.

Bốn Hạnh là gì ?

Một là BÁO OÁN HẠNH.

Hai là TÙY DUYÊN HẠNH.

Ba là VÔ SỞ CẦU HẠNH

Bốn là XỨNG PHÁP HẠNH

1. SAO GỌI LÀ BÁO OÁN HẠNH ?

Người tu hành khi gặp cảnh khổ nên tự nghĩ như vậy :

“Ta từ bao kiếp trước buông lung không học, bỏ gốc theo ngọn, trôi giạt theo vật chất, nặng lòng thương ghét, gây hại không cùng. Đời nay tuy ta không phạm lỗi, nhưng nghiệp dữ đã gieo từ trước nay kết trái chín, điều ấy nào phải do trời hoặc người tạo ra đâu, vậy ta đành Nhẫn Nhục chịu khổ, đừng nên oán trách.”

Kinh nói : “Gặp Khổ không buồn”

Vì sao vậy ? Vì thấu suốt (luật Nhân Quả) vậy.

Khi Tâm ấy sanh ấy là ứng hợp với LÝ.

Mượn oán mà hành đạo nên nói là HẠNH TRẢ OÁN

Lược giải

Cuộc đời phải đâu bằng phẳng, luôn gặp những cảnh an nhàn, những điều thuận lợi, Nhân Quả báo ứng tức khắc, ở Ồ ác gặp ác, ở hiền gặp lành ngay hiện kiếp !. Có người sống rất tốt đẹp, không làm điều ác, không sát sinh, hại người, nhưng vẫn luôn gặp tai ách dồn dập, luôn bị oán ghét, bức hại.... Trái lại, trong xã hội trước mắt ta, biết bao người sát sinh, hại người, làm ác, mà vẫn ung dung an hưởng, gia đình vẫn giàu sang, sung túc..! Nếu ta không hiểu Nhân Quả Ba Thời ắt sẽ oán trời, trách đất, hận người, rồi lại gây thêm tội, nghiệp.

Đạo Phật dạy Nhân Quả 3 thời để cảnh tỉnh con người : Trước hết là không bao giờ không có Nhân mà có Quả. Tức là không có việc nào không do ta gây tạo mà ta phải chịu, hoặc được hưởng. Từ Nhân đến Quả có khi chậm, có khi diễn ra ngay lập tức. Chậm, thí dụ trồng cây phải vài năm mới cho trái, học hành phải nhiều năm mới tích lũy đầy đủ kiến thức. Nhanh như cho tay vào lửa là nóng ngay, sờ vào nước đá là có cảm giác lạnh buốt ngay lập tức. Hiện đời tuy ta không làm việc ác, nhưng vẫn chịu quả xấu là do tiền kiếp. Hiện tại, nhiều người ăn ở ác đức mà vẫn thấy giàu có, sung sướng là do Nhân tốt xưa ứng hiện, Quả hiện tại chưa đến. Dù vậy, nhìn ra xã hội ta vẫn thấy biết bao nhiêu cảnh Nhân Quả diễn ra trước mắt : Cướp của, giết người, chưa kịp tiêu thụ đã bị pháp luật trừng trị. Sống bất nhân, thất đức thì không được bền vững, gia đình tan tác, con cái ăn chơi, sa đọa...

Nếu một đời ta không làm ác nhưng vẫn gặp tai họa thì biết rằng đó là dư Nghiệp, không có gì phải oán trách trời Phật, cũng không phải than thân, trách phận, cũng không quá khổ buồn. Đó là nhờ ta hiểu thấy LÝ NHÂN QUẢ, thực hiện được HẠNH BÁO OÁN vậy.

TRÍCH KINH

1. Hai là TÙY DUYÊN HẠNH

CHÚNG SANH đều do Duyên Nghiệp mà chuyển thành, chẳng có cái Tôi. Mọi khổ vui đều do Nhân Duyên sanh. Nếu nay được hưởng quả báo tốt, hưởng đủ vinh dự, ấy là do nhân lành thuở trước cảm nên, nay mới được vậy. Hết Duyên hết thì lại hoàn Không, mừng vui nổi gì ? Được mất gì đều tùy theo duyên, nhưng Tâm người không vì vậy mà được thêm hoặc bớt mất gì.

Nếu thấu đáo được vậy thì gió vui chẳng động. Lặng lẽ mà thuận đạo, nên nói là HẠNH TÙY THUẬN theo Duyên nghiệp vậy.

Lược giải

Con người quen sống theo thuận Duyên, thích được, ghét mất, ham vui, tránh khổ. Đó là lẽ hết sức thường tình. Những nỗi Khổ ta đang gặp đã là Quả của kiếp trước, do đó khó thể trốn chạy, tránh né cho được, mà phải biết, để chấp nhận, đồng thời cũng chuyển đổi cách nghĩ, cách sống trong hiện kiếp để về sau không phải tiếp tục Khổ nữa. Đạo Phật dạy rằng : Vạn Pháp đều do Duyên, kể cả cái Thân ta cũng là do Duyên mà kết thành. Do chấp cái Thân này là Mình, nên sợ, khổ, vui, buồn, được, mất.. đều thấy là đến với mình. Nếu rõ được Lý Nhân Duyên, thì biết rằng được hay mất cũng là Duyên, xấu hay tốt cũng vậy, trong đó đừng khởi tâm, thì sẽ không bị cảnh Khổ, Vui làm nhiễu loạn.

Nếu trong cảnh Được ta đã không mừng, thì cảnh Mất đâu có làm ta Khổ ! Sống và điều tâm mình được như thế là người nhờ Quán Sát Lý Nhân Duyên của Đạo nên không còn Chấp Thân là Ta nữa. Từ đó làm chủ cuộc sống, theo Duyên mà ứng xử. Trước kia thích thuận, ghét

ngịch nên có thấy được, mất. Từ khi hiểu rõ mình cũng chỉ là một Duyên trong vạn Duyên, thì rõ lẽ Thuận nghịch chỉ là Nhân Quả, nên thuận đạo mà cũng không trái đời.

TRÍCH KINH :

2. Ba là VÔ SỞ CẦU HẠNH

Người đời mãi đắm mê, việc gì cũng tham trước, thế gọi là cầu.
Bậc trí ngộ được lẽ chân, chuyển ngược thế tục, nên Tâm an trụ ở vô vi, thân hình tùy nghi mà vận chuyển.
Muôn vật đều là Không, có gì vui mà cầu được.
Hễ có công đức thì liền có hắc ám đuổi theo.
Ở lâu trong ba cõi khác nào như trong nhà lửa.
Có thân ắt khổ, được gì mà vui ?
Thông suốt được vậy ắt buông hết sự vật, dứt tưởng, chẳng cầu.
Kinh nói : “Còn cầu còn khổ. Hết cầu mới được vui”.
Xét biết không cầu mới thực là đạo hạnh nên nói là HẠNH KHÔNG CẦU MONG.

Lược giải

Người chưa tu hành, chưa biết lý đạo thì quen nhận cái Thân là Mình, từ đó luôn mong cầu sẽ gặp những chuyện tốt, thích những cái Được, cái Vui, không biết rằng những cái Vui, cái Khổ đó là Nhân Quả do chính mình gây tạo, không cần cầu mong, không phải chờ ai ban cho.

Muốn không Khổ thì đừng tạo nghiệp xấu. Muốn được vui thì làm những hạnh lành. Nhưng suy cho cùng, những khổ, vui này sẽ làm cho tâm ta không yên. Hết ở đầu này, lại chạy sang đầu bên kia. Càng mong càng thấy thất vọng vì đâu có cái nào lâu bền, kể cả cái Thân của ta.

Nếu biết được rằng Không Khổ, Không Vui theo những được, mất của cảnh đời, là một sự vắng lặng, thường vui, thì người tu sẽ không còn cầu mong được cái vui của thường tình thế tục nữa.

TRÍCH KINH :

4. Bốn là XÚNG PHÁP HẠNH

Cái Lý THANH TỊNH của TỰ TÁNH gọi là PHÁP.

TIN, HIỂU Lý ấy thì mọi hình tướng hóa thành Không, không nhiễm, không trước, không bỏ, không thử.

Kinh nói : Pháp không có chúng sanh, hãy lìa chúng sanh cầu. Pháp không có tướng Ngã, hãy lìa ngã cầu.

Bậc Trí vì tin hiểu được vậy thì tùy xứng theo pháp mà hành.

Bốn thể của Pháp vốn không tham lận, cho nên dầu đem thân mạng và của cải ra mà bố thí vẫn không hối tiếc. Thấu rõ BA CÁI KHÔNG thì không còn y lại và chấp trước. Chỉ cần gạt trừ trần cấu, tùy nghi mà giáo hóa chúng sanh, nhưng lợi người lại thêm trang nghiêm đạo Bồ Đề. Bố thí đã vậy thì Năm Độ khác cũng thế. Vì dứt trừ vọng tưởng mà hành phép tu Sáu Độ, nhưng thật không gì gọi là Hành cả, nên nói là hạnh tùy XÚNG THEO PHÁP.

Kệ Rằng :

Ngoại tức chư duyên
Nội tâm vô đoan
Tâm như tường bích
Khả dĩ nhập đạo

Minh Phật tâm tông
Đẳng vô sai ngộ
Hành giải tương ưng
Danh chỉ viết tỏ

Nghĩa :

Ngoài dứt muôn duyên

Trong bất nghĩ tưởng
Tâm như vách tường
Mới là vào Đạo
Sáng Phật tâm tông
Thấy không sai ngộ
Làm hiểu hợp nhau
Ááy gọi là tỏ

Lược Giải

PHÁP vốn thanh tịnh, không nhiễm vương, không trái, phải, không hơn, thua, không chấp, bỏ... nhưng vì Chấp TA, nên Chấp Pháp, nên khởi tâm muốn lấy, muốn bỏ, thương, ghét, giận hờn, ham muốn đủ thứ.

Nếu biết Ta, người cũng là Pháp. Khổ, Vui cũng là Pháp. Những ham muốn, chấp dính chỉ làm cho cái Tâm thêm bất ổn, gây thêm chuyện phải trái, hơn thua, tranh giành, thì XẢ cái TÂM CHẤP đó đi để cuộc sống sẽ bớt dính mắc. Xả đó cũng gọi là Bồ thí cho Phật, Bồ Tát, Chúng Sinh của mình. Bồ thí hết tất cả những cái Chấp như thế để cuối cùng sẽ không còn thấy Ta, người, của Bồ thí, tức là Bồ Thí Ba Không. Đó là Tổ dạy về cái XẢ nơi Tâm, vì chính ta làm công việc đó cho chính mình, và mình cũng là người được nhận, được hưởng cái kết quả từ việc Bồ thí đó.

Trì Giới cũng thế, ta giữ thì ta nhờ, chẳng phải vì Phật hay vì người nào khác, hay vì bị bắt buộc.

NHÃN NHỤC để không còn TA, hành riết để không còn dính vào cái THÂN, cái Tâm chấp Thân

TINH TẤN là cứ hành trì kiên cố thêm mãi

THIỀN ĐỊNH tức là dừng, là lắng cái tâm để suy nghĩ, quán sát, tư duy về con đường tu, về những việc cần hiểu, cần hành.

TRÍ HUỆ là sự sáng suốt nhờ vào sức ĐỊNH và SOI, QUÁN trong lúc

Thiền. Thiền Định là dùng Tướng để thực hành CHỈ, QUÁN vậy.

Nếu hiểu được cái Thân, cái Tâm thì trong đó không có cái TA. Nhờ vào LỤC ĐỘ để sinh Trí Huệ nên hiểu được như vậy. Thực hiện được theo cái hiểu này thì gọi là TU tức là SỬA.

Việc sửa này không chỉ sửa ở bên trong, mà bên ngoài thì thể hiện lòng Từ, lòng Bi của người tu Phật. Nếu Tâm đã dứt nghĩ tưởng, thì ngoài cũng bất hết muôn duyên, chỉ tùy duyên ứng pháp. Phật Tâm Tông là cái tâm Giải Thoát tức là Tông của Phật. Hiểu và hành trì được như thế gọi là Tổ vậy.

CỬA THỨ TƯ

AN TÂM PHÁP MÔN

Khi mê, người đuổi theo pháp.
Lúc Tỉnh, pháp đuổi theo người.
Tỉnh, ấy tâm thức thấu nhiếp vật sắc.
Mê, ấy vật sắc thấu nhiếp tâm thức.

Chỉ một chút phân biệt cân nhắc của Tâm là tự nơi mình mọi hiện lượng đều là mộng cả.

Nếu nhận biết Tâm mình vốn tịch diệt, không đâu là chỗ niệm cả, đó là Chánh Giác.

HỎI : Sao gọi là hiện lượng của tâm mình ?

ĐÁP : Khi thấy các pháp là “CÓ” : CÓ, nhưng chẳng phải tự nó có, mà nhân suy lường nên cho là có.

Khi thấy các pháp là “KHÔNG” : không, nhưng chẳng phải tự nó không, mà nhân suy lường nên cho là không.

Nói rộng ra thì tất cả đều như vậy cả, toàn do tâm mình suy lường ta mà cho là Có, mà cho là Không.

Còn người nào trót gây đủ thứ tội mà tự thấy vị Pháp Vương của chính mình, tức được giải thoát.

Từ trên SỰ vươn lên mà tỏ suốt, đó là hàng khí lực mạnh.
Từ trong “SỰ” thấy được pháp, người ấy đâu cũng chẳng mất niệm.
Theo chữ nghĩa mà thông rõ, đó là người khí lực kém.
SỰ tức là Pháp. Pháp tức là Sự. Ai sâu rõ lẽ ấy tự nhiên thuận theo mọi động tác của thân mình, thế tất người ấy chẳng ra pháp giới mà cũng chẳng vào pháp giới.

Nếu đem pháp giới vào pháp giới, đó là người Si.
Hễ thấy có thi vi, rốt cùng không ra được tâm pháp giới.
Tại sao vậy ? Vì thể của Tâm tức pháp giới vậy.

HỎI : Người đời học hỏi đủ thứ, tại sao không được đạo ?

ĐÁP : Vì người ấy còn tự thấy MÌNH nên không được đạo. “MÌNH” ấy, tức “TA” ấy vậy.

Bậc chí nhân gặp khổ chẳng lo, gặp vui chẳng mừng, vì không thấy CÓ MÌNH đó. Sở dĩ không biết khổ vui, vì quên mất Mình trong hư vô đó.

Chính mình mình còn quên, thì còn cái gì nữa mà chẳng quên được ?

HỎI : Các pháp đã là KHONÂNG thì dựa vào gì mà tu đạo ?

ĐÁP : Nếu có dựa vào gì thì cần tu đạo. Nếu không có gì để dựa tức chẳng cần tu đạo.

“Cái gì” ấy, tức “cái Ta” đó vậy. Nếu không có CÁI TA thì đối với sự vật chẳng sanh lòng phải quấy.

PHẢI, chính tự “ta phải”, mà vật thì chẳng phải vậy.

QUẤY, chính tự “ta quấy”, mà vật thì chẳng quấy vậy.

Đối Tâm mà Không tâm mới thông đạt đạo Phật.

Đối vật mà không dấy lên Cái Thấy mới là đạt đạo.

Đứng trước vật, người nào đạt thẳng iết suốt đến căn nguyên, tức người ấy mở thông mắt huệ.

Người trí tùy vật chẳng tùy mình, nên không có giữ bỏ thuận nghịch.

Người ngu tùy mình chẳng tùy vật, nên có giữ bỏ thuận nghịch.

Chẳng thấy gì hết, gọi là thấy đạo.

Chẳng làm gì hết, gọi là làm đạo.

Cho nên bất cứ đâu đâu cũng như không đâu, bất cứ làm gì cũng như không làm. đó tức là thấy Phật.

Bằng thấy tướng ở đâu tức thấy quỉ ở đó.

Vì giữ tướng nên đọa địa ngục.

Vì xét pháp nên được giải thoát.

Nếu thấy tướng, nhớ tướng, rồi phân biệt, tức chịu mọi cảnh khổ, lửa

phỏng, nước sôi, thấy hiện trước mắt tướng sanh tử.
Thấy Tánh của Pháp Giới, tức Thấy tánh Niết bàn.
Không tưởng nhớ phân biệt, tức là tánh pháp giới.
Tâm chẳng phải Sắc, nên chẳng phải Có.
Dùng mấy vẫn không hết, nên chẳng phải Không.
Dùng mà vẫn thường Không nên chẳng phải Có.
Không, mà vẫn dùng hoài nên chẳng phải Không.
Tức nói Kệ rằng :

TÂM TÂM TÂM

Nan khả tầm

Khoan thời biến pháp giới

Trách già bất dung tâm

TÂM TÂM TÂM

Khó nổi tâm

Tung ra bao trùm pháp giới

Thâu lại chẳng đầy mũi kim

II Diệc bất đồ ác nhi sanh hiem

Diệc bất quán thiện nhi cầu thố

Diệc bất xả trí nhi cận ngu

Diệc bất phao mê nhi tự ngộ

Đạt đại đạo hề quá lượng

Thông Phật tâm hề xuất độ

Bất dữ phạm thánh đồng truyền

Siêu nhiên danh chi viết tỏ

Cũng đừng thấy dữ mà sanh ghét

Cũng đừng ham lành mà đắm mộ

Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu

Cũng đừng buông mê mà cầu ngộ

Được vậy thì :

Chứng đạo lớn hề rộng vô lượng

Sáng tâm Phật hề lớn vô biên

Chẳng cùng phàm thánh quàng xiềng
Vượt hết mà lên gọi là tổ.

Lược Giải

Người xét được Tâm, biết được Tâm, điều khiển được cái Tâm thì sẽ được an, vì mọi thứ đều do Tâm mình suy diễn, nhận định ra cả.

Khi mê thì đeo danh, đuổi tướng, chạy theo vạn duyên, gọi là đuổi theo pháp.

Khi tỉnh, thu cái Tâm về, nhiếp nó lại, thì nó không còn bị các vật sắc bên ngoài thu nhiếp nữa. Chỉ cần cân nhắc thì sẽ thấy mọi hiện tượng bên ngoài đều do cái Tâm của mình suy diễn ra. Muốn nói là nó CÓ hay muốn cho nó là KHÔNG cũng do mình suy lường.

Dù cho mình trót gây đủ thứ tội, nhưng nếu thấy Pháp Vương, tức Bồ Tát của mình thì được Giải Thoát. Giải Thoát đây không có nghĩa là không phải chịu nghiệp, không còn Nhân Quả. Nhưng vì biết mình không phải là cái Thân này, cũng không phải là cái Tâm mê đã lầm chấp rồi gây tội, tạo nghiệp kia, mà mình là Cái Tánh Chân Như, như hư không, ở trong thân này, nên không trụ vào cái Thân, do đó, cái Thân có trả nghiệp, Cái Biết đó cũng không dính mắc vào đó, gọi là Giải Thoát.

Kẻ hiểu lầm, rồi cứ gây tội, tạo nghiệp, hoặc cho là Thấy Tánh thì không còn nghiệp, tội nữa là hiểu sai. Bởi vì người Thấy Tánh và sống với cái Tánh đó, mà trong cái Tánh không có Tham Lam, Sân hận, Si mê thì làm sao còn gây nghiệp được ? nhưng thời gian trước khi Thấy Tánh, đã vì mê lầm mà làm biết bao việc bất thiện, cho nên cái Quả vẫn đến, không phải vì Thấy Tánh mà khỏi phải trả những Quả đã gieo.

Từ “SỰ” vươn lên, tức là bằng những công việc làm cụ thể, để tỏ suốt cái Lý đạo. Người như thế Chứng được pháp, nên không bị mất niệm.

SỰ tức là Hành các Pháp. Hiểu rõ tính của pháp là không, thì không

trụ chấp, nhờ thế mà ở trong pháp giới mà cũng như không. Tâm đã không, nên pháp cũng không, chỉ tùy duyên mà hiện hạnh.

Người học nhiều, càng học càng thấy Minh giỏi, mình được đạo, nên càng xa rời đạo. Người học Đạo là học Xả cái CHẤP TA, nên càng học, càng hành, thì cái Ta không còn nữa, nhờ đó mà được Đạo.

Pháp là KHÔNG, nhưng khi Ta vẫn CÓ thì có phải, có quấy, có lấy, có bỏ, có thuận, có nghịch.

Nếu không còn thấy hai đầu, chỉ thấy đó là một pháp. Pháp có tướng thì dù tốt hay xấu cũng sẽ theo thời gian sẽ bị hoại diệt, hiểu như thế rồi không khởi tâm tham lam, chấp dính, nên được Thoát, vì không sinh, diệt theo nó.

Gọi là Sinh, Diệt theo pháp, vì khi ta bám theo pháp nào là ta đã Sinh theo nó, cho tới khi nó tự mất, hay là ta không còn bám theo nó nữa thì pháp đó chấm dứt, ta cũng ngưng nghĩ, gọi là Pháp đã diệt, hay là tâm ta đã diệt theo pháp đó, tức không còn nghĩ tới nó nữa..

Tánh của pháp giới là vắng lặng. Tướng dầu đang hiện có, đang lao xao, nhưng chỉ là bề nổi, hết lao xao lại trở về tĩnh lặng.

Gọi Tâm là “Chẳng phải Có, Chẳng phải Không”, là vì khi đối pháp, phải vận dụng, nên cho là có. Dù vận dụng, nhưng chẳng vướng mắc, nên cũng như Không.

Cái TÂM rất là khó tìm, vì nó không hình tướng, nó có thể bao trùm khắp pháp giới, vì nghĩ tưởng tới đâu thì biết tới đó. Thân lại không đầy mũi kim, vì nó nhỏ đến nỗi không hình tướng, khó thấy, khó nhận ra, nhưng khả năng của nó thì không có giới hạn.

Sự biến tướng của nó rất linh hoạt, như thấy dữ thì ghét, thấy lành thì hâm mộ.. Khi tu hành thì muốn bỏ mê, cầu ngộ. Muốn được vậy thì theo Trí, đừng theo ngu. TRÍ là sự hiểu biết của Đạo, của con đường Giải Thoát, hết phiền não, lìa sanh tử. Ngu là đắm mê, đắm chìm trong đó.

Được vậy thì đó là sự Chứng Đạo, làm cái Tâm Sáng tỏ. Không cần biết phàm, thánh mà đã vượt lên Phàm Thánh.

CỬA THỨ NĂM

NGỘ TÁNH LUẬN

Phàm là Đạo, phải lấy sự Tịch Diệt làm Thể.
Còn Tu, lấy sự Lìa Hình Tướng làm Tông.
Nên Kinh nói : Tịch diệt là Bồ Đề. Diệt hết hình tướng đó.
Là Phật, nghĩa là GIÁC vậy.
Người có Giác Tâm, được đạo Bồ Đề, nên gọi là Phật.
Kinh nói : Lìa tất cả hình tướng tức gọi là Chư Phật.
Nên biết Tướng là Có Tướng Mà Không Tướng. Không thể Thấy bằng Mắt, chỉ Biết được bằng Trí.
Ai nghe pháp ấy mà chợt phát lòng tin, là người ấy đang nương pháp Đại Thừa siêu lên Ba Cõi.

Ba Cõi ấy, THAM SÂN SI ấy vậy.
Chuyển ngược Tham Sân Si làm GIỚI ĐỊNH HUỆ, tức gọi iêu lên ba Cõi.
Tuy nhiên, Tham Sân Si chẳng có thực tính, chỉ bằng vào Chúng Sanh mà đặt tên. Nếu soi ngược trở lại thì sẽ thấy rõ là :

Tánh của THAM SÂN SI tức là TÁNH PHẬT
Ngoài THAM SÂN SI tuyệt không có TÁNH PHẬT nào khác.

Kinh nói : Từ vô thủy đến nay, Chư Phật luôn luôn cư xử ở nơi Ba Độc, nuôi lớn ở trong Bạch Pháp, mà thành tựu ở Quả Thế Tôn.
Ba Độc ấy, Tham Sân Si ấy vậy.

Nói Đại Thừa là Tối Thượng Thừa là nói chỗ sở hành của hàng Bồ Tát.
Không gì là chẳng Thừa mà cũng không gì được gọi là Thừa. Suốt

ngày thừa mà chưa hề Thừa đó là Phật Thừa.
Kinh nói : Lấy Vô Thừa làm Phật Thừa vậy.

Lược Giải

Người học tu nghe nói Ba Cõi, Sáu Đường thì nghĩ rằng những cõi đó, đường đó, là ở ngoài vũ trụ hoặc ở một cảnh giới xa vời nào, không ngờ đó là Chư Vị đi trước dùng để mô tả cảnh giới trong nội tâm mỗi người.

Trong nội tâm này, khi chưa biết đến con đường tu hành thì đầy đầy những Chung sinh khởi. Nhưng bao nhiêu sinh khởi cũng không ngoài ba thứ : THAM, SÂN và SI gọi là BA ĐỘC.

Tu hành chỉ là làm một việc : Chuyển THAM, SÂN, SI trở thành GIỚI, ĐỊNH, HUỆ, hay ngược lại, chính nhờ GIỚI, ĐỊNH, HUỆ mà chuyển đổi Ba Cõi này thành cảnh giới thanh tịnh.

Gọi TÁNH của Tham Sân Si là Tánh Phật, vì có nó, bị nó làm khô, con người mới phát tâm tu hành, sau đó mới Thấy, mới Chứng được cái Giải Thoát. Ngoài Tham Sân Si không có Tánh Phật nào khác, tức là nếu tu hành mà làm việc nào khác ngoài công việc điều phục Ba Độc này thì không gặp được Tánh Phật. Chư Phật Thế Tôn thành tựu đạo quả là nhờ Ba Độc này, ngoài ra không còn con đường nào khác. Chính vì vậy mà Phật, Tổ, luôn dạy là phải “Nội quang phản chiếu”, vì nếu soi ra, tìm ngoài, điều phục chúng sanh của ai khác, không phải điều Tâm của mình thì đó là ngoại đạo, là tà đạo.

Siêu lên ba Cõi không có phải bay lên từng trời nào, mà chính là vượt lên Ba Độc của chính mình.

Việc tu hành là Tự Độ, không có đi độ cho thế giới nào ngoài thế giới nội tâm, nên Thế Tôn cũng chẳng phải thế gian, người đời sẽ tôn thờ, kính phục, mà đó là chúng sinh trong Thế Giới Nội Tâm của mình, Sáu Đường Ba Cõi của chính mình, Chúng Sinh của chính mình được cứu độ, sẽ tôn thờ mình, vì mình giải thoát cho chúng nó.

Kẻ hiểu lầm ý kinh, Lời Phật, nên tu cho mình mà cứ nghĩ là mình độ cho cả thế giới, mọi cỗi sẽ được nhờ rồi sinh tâm kiêu mạn. Hiểu sai, hành sai, thì làm sao chứng đắc được, vì hành giả tự chồng thêm một lớp mê lầm, nếu không soi rõ để chấn chỉnh thì muôn đời khó tiến, lại chấp vào thời gian tu lâu, tưởng rằng mình đã cao !. Nhờ vào lời nhắc nhở của Tổ, người tu sẽ thấy rõ ràng : Từ vô thủy đến nay, Chư Phật Thế Tôn luôn luôn cư xử ở nơi Ba Độc, nuôi lớn ở trong bạch pháp, mà thành tựu quả Thế Tôn.

Ba Độc là dơ, xấu, là bất tịnh. Bạch Pháp là chuyển đổi, là gột rửa những thứ bất tịnh cho nó trở thành thanh tịnh, trong sạch, do đó mà thành tựu vậy.

TRÍCH KINH :

Nếu người biết Sáu Căn vốn không thực, Năm Uẩn chỉ giả danh, không thể dựa vào đâu mà cầu cạnh gì được, người ấy quả thông suốt lời Phật.

Kinh nói : Hang ổ của Năm Uẩn, tên gọi của Thiền Viện.

Chiếu sáng bên trong mà mở thông suốt, tức là Cửa Đại Thừa.

Chẳng nhớ tưởng một pháp nào mới gọi là Thiền Định.

Ví hiểu rõ lời ấy thì đi đứng nằm ngồi thấy đều Thiền Định cả.

Lược Giải

Tổ giải thích Thiền Định, Thiền Viện đích thực là ở nơi NỘI TÂM :

Chẳng nhớ tưởng một pháp nào mới gọi là Thiền Định
Đi đứng nằm ngồi thấy đều Thiền Định cả.

Người muốn tu Thiền, thường đi đến Thiền Viện, rồi ngồi đó một vài giờ, cho đó là Ngõ Thiền , không ngờ Tổ giải thích : Hang ổ của Ngũ Uẩn là tên gọi của Thiền Viện.

Ngũ uẩn thì ai cũng có, nhưng không phải ai cũng biến nó thành Thiền Viện, nếu không có Thiền Định. Thật vậy, trước khi tu hành, Ngũ Uẩn là ngũ tặc, là năm tên nội gián, luôn rước giặc về để phá khuấy nội

tâm của ta. Trừ được Tham sân Si thì Ngũ Uẩn không còn như đực nữa, sẽ được thanh tịnh, Cái Thức không còn lôi kéo sự Thọ Nhận, Hành động theo cái Tưởng, cái nhận làm của Danh Sắc nữa, thì cũng Tâm đó, biến thành Tâm Phật. Cũng Ngũ Uẩn đó, trở thành Ngũ Thông. Cũng Ba Cõi, sáu Đường đó, trở thành Giới, Định, Huệ, Giải Thoát. Chúng Sinh trở Thành Phật. Hành dụng như thế là Mở được THIỀN VIỆN trong ta.

Nhờ điều phục cái Tâm, Tâm sẽ trở thành Thiền Viện, người tu sẽ không còn bị các pháp làm cho phiền não nữa, mặc tình đi, đứng, nằm, ngồi, tức đã đạt đến Như Lai Thiền, tức là đi, đến đến, tới, lui, thấy, nghe, nhìn.. đều không động.

Tam Thiên Đại Thiên cũng của Cõi Tâm. Thiền Viện, Thiền Định cũng của Cõi Tâm, Phật Thành Đạo cũng thành trong Tâm. Thế Tôn cũng hình thành ở trong Tâm. Người hiểu như vậy không bao giờ khởi Tâm Chứng Đắc, Tăng Thượng Mạn, và thành tựu con đường tu cho bản thân.

TRÍCH KINH :

Biết Tâm Vốn Không, đó gọi là Thấy Phật.

Tại Sao vậy ?

Vì Mười Phương Chư Phật đều nhân vì vô Tâm, chẳng thấy ở Tâm, đó là Thấy Phật.

Xả Tâm không nuôi tiếc, gọi là đại bố Thí.

Lìa hết động và Định gọi là Đại Tọa Thiền.

Tại sao vậy ?

Kẻ phàm mỗi mỗi đều hướng về Động.

Hàng Tiểu Thừa mỗi mỗi đều hướng về Định.

Vượt lên cả cái Lầm hiểu động của phàm phu, và hiểu định ngồi Thiền của Tiểu Thừa mới gọi là Đại Tọa Thiền.

Nếu có được sức lãnh hội ấy chỉ chẳng cần lìa tướng mà tướng tự rời bỏ, chẳng cần trị mà bệnh bệnh tự trừ, ấy đều là Định lực của phép Đại Thiền.

Lược Giải

Người đời hay nung theo tướng tốt của Phật, rồi đúc vàng, đồng, hay tạc bằng gỗ, bằng xi măng, rồi thành khăn tôn thờ, ngày mấy thời thắp nhang, tụng kinh đề cầu, không biết đó là ngoại cầu, đó là kẻ “Nung Sắc thấy Ta. Dùng âm thanh đề cầu ta”..Đó là “những kẻ hành tà đạo, không thể thấy Như Lai” mà kinh Kim Cang đã khuyến cáo.

Tổ dạy : “BIẾT TÂM VỐN KHÔNG, đó gọi là Thấy Phật”.

Tổ giải thích : “Vì Mười Phương Chư Phật đều nhân vì Vô Tâm, chẳng thấy ở Tâm, đó là Thấy Phật.”

Người đời cứ nung theo văn tự, không hiểu rằng Phật là để chỉ Tình trạng Giải Thoát, đối với Chúng Sinh - tức tình trạng bị đau khổ, phiền não của nội tâm - Phật đó được hình thành bằng công việc Điều Phục chúng sanh, bằng cách tu những hạnh lành, làm những việc thiện, bằng cách soi vào cái Tâm, thấy cái Tâm, Xả cái Tâm để hết động loạn, phiền não, đau khổ, chớ không phải làm gì khác.

Mười phương Chư Phật thành đạo là cũng do con đường này : BIẾT TÂM VỐN KHÔNG – VÔ TÂM – XẢ TÂM. Biết Tâm Vốn Không, đó là nung lời người đi trước truyền, nhưng nhìn vào Tâm ta thì thấy đầy dẫy vọng khởi, điên đảo, phiền não, chấp nhất, tham sân si, yêu, ghét.. đủ thứ, do đó, ta phải XẢ nó, để nó trở thành trong trẻo, thanh tịnh như KHÔNG CÓ NÓ như tính chất thật sự của nó.

Người tu theo hạnh Tiểu Thừa thì đi vào phía đối đãi của phàm phu, là diệt hết, không để cho tư tưởng móng khởi lên. Tốt hay xấu cũng diệt, cũng trừ, nên chỉ đạt tới cái Không Vô Ký, không thể đạt tới sự hiểu biết chân chính nên không thể đưa đến sự thực hành chân chính được. Tu hành chính là để phân rõ tốt, xấu, đúng, sai rồi gạn lọc chớ đâu phải để vứt đi hết. Đá sỏi thì quăng đi, nhưng ngọc tốt thì giữ. Đó là những tư tưởng hướng thiện, hiểu biết, tìm tòi con đường chính, nung lời Phật dạy để tự hướng dẫn cho mình, làm những việc tốt đẹp cho mình, cho người. Nếu gạt bỏ hết tư tưởng thì lấy gì để phát tâm, để soi, quán, để lấy kết quả đó mà thực hành ?

Không thấy gì hết, không hiểu gì, không muốn đọc Kinh, không cần tìm hiểu, cho đó là không chấp, không dính thì đó là sai lầm, vì diệt hết tư tưởng, dứt sự hiểu biết thì khác chi cái thân thực vật, chỉ sống mà vô tích sự, vì đã không biết đúng, không làm đúng, không thành tựu được đạo quả, không giải thoát được thì có phải là không trả được món nợ áo cơm, nợ cái Nhân Thân nan đắc ?

Phàm phu lúc nào cũng động loạn, chạy theo các pháp là sai, mà vứt bỏ tất cả, không còn suy nghĩ, hiểu biết cũng là sai. Đó không phải là Vô Động, là Định, mà là Cái Chấp lầm, làm cho hành giả sợ các pháp, xa lánh các pháp, hủy hoại các pháp, không thể chuyển tà thành Chánh, chuyển mê thành Ngộ được.

Đại Thừa là những phương pháp tu hiểu rõ các pháp, hiểu rõ cách thức tu hành, hiểu rõ những dính mắc do cái Tâm này, nên điều phục nó xong thì nó không còn sai sử các Căn để so sánh, rồi ghét, yêu các pháp nữa. Chỉ cần điều phục được Tham Sân si, biến Ba Độc thành Ba Giới tu tịnh thì các pháp mặc tình vào ra, không cần Ngồi mà vẫn Thiền. Vẫn lui tới, mà vẫn Định. Đó chính là THƯỜNG ĐỊNH vậy.

TRÍCH KINH :

Phàm đem Tâm cầu Pháp, ấy là Mê.
Chẳng đem Tâm cầu Pháp, ấy là Ngộ
Chẳng mắc vào văn tự gọi là Giải Thoát
Chẳng nhiễm Sáu Trần gọi là hộ Pháp.
Xuất lìa sanh tử gọi là Xuất Gia
Chẳng chịu hậu hữu, gọi là được đạo.
Chẳng nổi vọng tưởng gọi là Niết Bàn.
Chẳng đối xử với Vô Minh gọi là Trí Huệ lớn.
Chỗ Không Phiền Nã gọi là Bát Niết Bàn
Chỗ Không Tướng gọi là Bồ Đề kia.

Khi mê thì có Bồ Đề này.

Khi Ngộ thì không Bồ Đề Này

Tại sao vậy ?

Vì kẻ phàm phu mỗi mỗi đều xu hướng trụ ở bên này.

Ví giắc được phép tới Thượng Thừa thì Tâm chẳng Trụ ở Bên này cũng chẳng Trụ Ở Bên Kia, nên lìa được cả hai bờ bên này và bên kia vậy.

Nếu thấy Bờ Bên Kia khác với Bờ Bên Này, ắt người ấy Tâm chưa có Thiên Định.

Lược Giải

Tổ Đạt Ma giải thích những cách tu của người mê bằng những từ ngắn, gọn : “Đem tâm cầu pháp là mê” – Có nghĩa là CẦU PHÁP CÓ, PHÁP KHÔNG vậy. Người phàm phu luôn chạy theo Pháp Có, đắm nhiễm với Pháp Có. Người tu Tiểu thừa Sợ Pháp Có lại đắm vào PHÁP KHÔNG. Cả hai đều là “đem Tâm cầu pháp”.

Việc tu hành chân chính là XẢ CÁI TÂM DÍNH MẮC. Tất cả Pháp đều phải học, hỏi, hiểu, biết rồi theo đó mà tu, mà hành. Biết Có, Không đều là Bệnh, thì trừ cả hai. Xả được Tham sân Si thì cả hai bệnh cũng hết.

Dính vào Văn Tự, là lấy sự hiểu biết cho đó là Chứng Ngộ thì cũng là còn bị ràng buộc. Y NGHĨA mà hành trì, mang nó mà áp dụng vào cuộc sống thì không còn là văn tự sông. Đó mới là người không vướng văn tự.

Sáu trần không còn nhiễm Sáu căn, Tổ gọi đó là Hộ Pháp, vì giữ cho Pháp được thanh tịnh.

“Xuất lìa Sanh Tử gọi là Xuất Gia”. Kinh Duy Ma Cật cũng giải thích : “Xuất Gia là ra khỏi nhà lửa tam giới”.

Rất nhiều thế hệ, nhiều người đã hiểu theo văn tự : Gia là nhà, quyến thuộc là cha mẹ, vợ, chồng, con cái.. rồi bỏ nhà, lìa cha mẹ, vợ, chồng, con cái để vào Chùa, cho đó là đi tu. Không ngờ đó là đã Y NGŨ, không phải Y NGHĨA.

Nhà mà Phật đã XUẤT, là NHÀ LỬA TAM GIỚI, tức là cái TÂM BA ĐỘC, là Tham, sân, Si.

QUYẾN THUỘC không phải là cha mẹ, vợ chồng, con, cái... mà theo Kinh giải thích thì Vô Minh là Cha, Tham Ài là Mẹ. Những Nghiệp của Thân, là Tham Sân Si. Những nghiệp của Khẩu : là nói vọng ngữ, nói dối, nói kiêu mạn, nói khen mình, chê người.. Và những Nghiệp của Ý, tức CHỨNG SANH KHỞI. Đó là NGHIỆP mà mỗi người gây tạo trong kiếp sống, gọi là những quyền thuộc, vì mỗi người luôn dính với nó dù có đi tới đâu, có rời cái Thân này để tới cõi khác. Khi tu hành là không tạo những Nghiệp đó nữa, vì thế Đạo Phật dạy là người tu có thể cứu độ cho 7 đời quyền thuộc, tức là cứu độ cho 3 Nghiệp của Thân và 4 Nghiệp của Khẩu vậy.

Trong cái THÂN, cái TÂM này luôn có những quyền thuộc như thế, cho nên XUẤT GIA chính là RỜI ĐƯỢC SỰ CHẤP NHẬT VỚI CÁI THÂN, VỚI CÁI VỌNG TÂM. Sau đó sẽ có những quyền thuộc mới, là những tư tưởng thanh tịnh, an ổn, những chúng sinh được Độ, được đưa vào Quốc Độ thanh tịnh, cũng ở nơi Tâm của mình, chứ không phải nơi cõi nước nào khác.

Không còn chịu có thân sau, gọi là được đạo : Người tu là để thấy “Những gì Có Tướng đều là hư vọng. Thân hiện nay chúng ta đang mang cũng là Thân Hư Vọng, vì sẽ bị hoại diệt theo Quy Luật ; THÀNH, TRỤ, HOẠI, KHÔNG. Thân sau, nếu có, là THÂN NHÂN QUẢ, ta không thuộc về nó, cũng không dính mắc với nó. Ta không đắm nhiễm vào Thân hiện tại, nên không TUÛ với thân trước. Không dính mắc vào đâu nên cũng không SINH với thân sau. Biết, và Làm được như thế, là vì ta đã Thấy được Bản Tánh của mình, vì thế, Tổ gọi đó là Được Đạo.

Chẳng nổi vọng tưởng gọi là Niết Bàn : Cái Tâm Chân Như là cái Tâm Thanh Tịnh, không sinh khởi, được sự an lạc, thoát phiền não khổ đau. Được như thế là vì rời lìa vọng tưởng.

Chẳng đối xử với Vô Minh gọi là Trí Huệ : Trong mỗi cái Tâm có hai tình trạng : Vô Minh và Trí Huệ. Khi rời Vô Minh thì có Trí Huệ.

Chỗ không phiền não là Bát niết Bàn, chỗ có phiền não là sinh tử, khổ

đau.

Chỗ không tướng gọi là Bờ Bên Kia : Tức rời lìa, không còn dính mắc, chấp nhất vào Tướng, tức gọi là QUA BÊN KIA BỜ vậy.

TRÍCH KINH :

Phiền Nã gọi là Chúng Sanh

Tổ ngộ gọi là bồ Đề

Đó chẳng phải giống nhau mà cũng chẳng phải khác nhau, chỉ nhân vì Mê Ngộ mà cách biệt nhau.

Khi Mê thì thấy có thế gian cần thoát ra.

Khi Ngộ thì không có thế gian nào để mà thoát ra cả.

Trong pháp bình đẳng chẳng thấy phạm khác với Thánh.

Kinh nói : Pháp bình đẳng ấy, người phạm không thể vào, mà bậc Thánh cũng không thể hành được.

Pháp bình đẳng ấy chỉ có hàng Bồ tát lớn cùng Chư Phật Như Lai mới hành được vậy.

Nếu thấy sống khác với chết, động khác với tịnh, đó gọi là chẳng bình đẳng.

Chẳng thấy phiền não khác với Niết bàn, ấy gọi là bình đẳng.

Tại sao vậy ?

Vì phiền não với Niết bàn đều chung đồng một Tánh Không vậy.

Do đó, hàng Tiểu thừa vọng dứt phiền não, vọng vào Niết bàn, nên trệ ở Niết Bàn.

Hàng Bồ tát, trái lại, biết rõ Tánh Không của Phiền não, tức chẳng lìa bỏ cái Không, nên lúc nào cũng ở tại Niết bàn.

Phàm nói Niết bàn : Niết là Không Sanh, Bàn Là Không Tử.

Lìa ngoài Sanh Tử gọi là Bát niết bàn.

Tâm không lại qua tức vào Niết bàn.

Nên biết Niết Bàn tức là Tâm Không.

Chư Phật vào Niết Bàn ấy, tức vào cõi Không Vọng Tưởng.

Bồ Tát vào Đạo Trường ấy, tức vào cõi Không Phiền Nã.

Cõi vắng không ấy, tức cõi Không Tham Sân Si vậy.

Tham là Cõi dục.

Sân là Cõi sắc.

Si là Cõi Vô Sắc.

Nếu bỗng chốc thoát Sanh tâm, tức đi vào Ba Cõi.

Bỗng chốc thoát Diệt Tâm, tức ra ngoài Ba cõi.

Mới hay Ba cõi Sanh Diệt, muôn Pháp Có Không, đều do một tâm.

Lược Giải

Cũng chỉ là hai đầu đối đãi trong một Tâm, khi Mê thì thấy cảnh trần đau khổ, động loạn, phiền não. Khi Ngộ rồi thì thấy nơi nào cũng là Niết bàn, an tịnh. Đó là điều mà người tu cần phải tìm, cần phải Hành, cần phải đạt được.

Tham Sân Si từ bao giờ đã ngự trị trong tâm chúng sinh để làm ra Ba Cõi. Chỉ cần Điều tâm thì Tham Sân Si không còn, Ba Cõi tan vỡ, còn lại một sự an ổn. Thấy Tâm, mới thấy rằng nếu Sanh Tâm thì Ba Cõi theo đó mà Sanh. Nếu cũng thấy cảnh, mà đừng sanh tâm, thì không còn bị lôi cuốn vào các cõi nữa. Từ đó mà Chư Phật kết luận : Có, Không, Ba Cõi, Sáu Đường đều do tâm sinh.

TRÍCH KINH :

Hễ nói Một Tâm tựa hồ như phá vào cái thế giới vật chất vô tình của ngôi cây gỗ đá.

Nếu biết tâm chỉ là một tiếng gọi suông, không thực thể, tức biết cái Tâm Tự Tịch ấy chẳng phải Có mà cũng Chẳng phải Không.

Tại Sao vậy ?

Vì phàm phu mỗi mỗi đều có xu hướng Sanh Tâm nên gọi là “Có”.

Hàng Tiểu Thừa mỗi mỗi đều có xu hướng Diệt tâm nên gọi là “Không”.

Hàng Bồ Tát và Phật chưa từng sanh tâm, chưa từng diệt Tâm nên gọi là “Chẳng phải Có Tâm, chẳng phải Không Tâm”.

Cái Tâm ‘Chẳng Có chẳng Không’ ấy gọi là Trung Đạo.

Bởi vậy đem tâm học pháp thì Tâm Pháp thấy đều Mê.
Chẳng đem Tâm học pháp ắt Tâm Pháp thấy đều Ngộ.

Lược Giải

Một chữ Tâm, nếu ai thấy được, hiểu được thì mới có thể tu được. Tâm không hình, không tướng, không thể diễn tả, vì nó là những tư tưởng lăng xăng khởi, diệt trong mỗi người khi đối pháp. Nói rằng có TÂM để biết rằng không phải là vật vô tình như gỗ, đá, cây, ngói.. Nhưng không phải tu hành là để Diệt Tâm, để trở thành những thứ này, mà là để phân biệt với hạng phàm phu và Tiểu thừa, vì hai hạng người này chấp ở hai đầu của Cái Tâm, nên không ứng dụng được nó.

Người tu là người Thấy Tâm, hiểu rõ về nó, ứng dụng được nó, nhưng không dính mắc bởi cái phàm tâm, cũng không diệt cái Tâm để trở thành lơ lảo không phân biệt đúng, sai, tốt, xấu, nên nói là “Chẳng phải Có, chẳng phải Không”. Tổ dạy : Cái Tâm chẳng phải có, chẳng phải Không này là Trung Đạo.

TRÍCH KINH :

Phàm Mê là Mê ở Ngộ.
Còn Ngộ là Ngộ ở Mê.
Bậc Chánh Kiến hiểu Tâm vốn “không vô” tức vượt lên mê ngộ.
Không có Mê Ngộ mới gọi là Chánh Giác Chánh Kiến.

Sắc, không thể tự nó là Sắc, do Tâm nên có Sắc.
Tâm, không thể tự nó là Tâm, do Sắc nên Có Tâm
Cho nên hai tướng Tâm và Sắc đều có sanh diệt.

Nói “Có” là do ở “Không”.
Nói “Không” là do ở “Có”.
Đó mới là thấy chân thực.
Phàm Thấy Thực thì không gì là chẳng thấy mà cũng không gì mà không chẳng thấy, thấy khắp Mười Phương mà vẫn là chưa từng có thấy.
Tại Sao vậy ?

Vì không có gì để Thấy, vì Thấy cái không thấy, vì thấy cái chẳng phải thấy vậy.

Cái Thấy của kẻ phàm phu đều là Vọng Tưởng.

Nếu Tịch Diệt Không Có Thấy mới gọi là Thấy thực.

Tâm và Cảnh đối nhau, Cái Thấy phát sinh từ cái thể đối đãi ấy.

Nếu trong chẳng Khởi Tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh.

Cho nên tâm và Cảnh có lẳng hết cả hai thì mới gọi là Chân Kiến.

Và Cái Hiểu trong lúc ấy mới gọi là Chánh Kiến.

Chẳng thấy một pháp, mới gọi là được Đạo.

Chẳng hiểu một pháp mới gọi là hiểu Đạo.

Vì Thấy cùng Chẳng Thấy, đều chẳng thấy vậy.

Hiểu cùng Chẳng Hiểu, đều Chẳng hiểu vậy.

Thấy Cái Chẳng Thấy, mới là Thấy Thực

Hiểu Cái Chẳng hiểu, mới là Hiểu Thực.

... Phàm Có Cái Hiểu đều là chẳng hiểu.

Không Có Cái Hiểu mới là thực hiểu.

Hiểu cùng chẳng hiểu đều chẳng phải hiểu vậy.

Kinh nói : Chẳng Xả Trí Huệ gọi là Ngu Si.

Lấy tâm làm Không thì Hiểu cùng Chẳng Hiểu đều là Chân cả.

Chấp tâm làm Có thì Hiểu cùng Chẳng Hiểu đều là Vọng cả.

Lược Giải

Ngộ hay Mê cũng chỉ do Một Tâm, nên người hiểu rõ TÂM chỉ là những ý tưởng, khi đeo danh, đuổi tiếng, bám vào cảnh trần, cho cảnh trần là Thực, thì đó là người Mê. Khi xoay cái Tâm trở vô, thấy rằng mọi thứ dính mắc đều do cái Tâm chạy ra, hiểu lầm. Thôi không theo trần cảnh, để được an ổn, thì đó gọi là người có Cái Thấy Chân Chánh.

TRÍCH KINH :

Khi hiểu rồi thì Pháp đuổi theo người.

Khi chưa hiểu thì người đuổi theo Pháp.

Nếu Pháp đuổi theo người, ắt cái chẳng phải pháp hóa thành pháp.

Nếu người đuổi theo pháp, pháp hóa thành chẳng phải là Pháp.
Nếu người đuổi theo pháp thì pháp pháp đều là Vọng.
Nếu Pháp đuổi theo người thì pháp pháp đều là Chân.
Cho nên bậc Thánh
Cũng chẳng đem Tâm cầu Pháp
Cũng chẳng đem Pháp cầu tâm
Cũng chẳng đem tâm cầu tâm
Cũng chẳng đem Pháp cầu Pháp.
Vì thế Tâm chẳng sanh Pháp, pháp chẳng sanh Tâm, Tâm và Pháp tịch
cả hai nên lúc nào cũng ở trong Định.

Lược Giải

Khi chưa hiểu thì cứ đem Tâm tìm cầu nơi Pháp. Khi hiểu rồi thì
ngưng lại, không theo đuổi Pháp, chỉ khi cần thì mới ứng phó với nó,
Tổ gọi đó là : Pháp đuổi theo người. Như thế đó gọi là Chân.

Tâm và Pháp là nói bên trong và bên ngoài của ta. Bên trong là Tâm,
vì có Cái Biết bên trong, nên mới có sự nhận xét với trần cảnh bên
ngoài, vì thế mà bị các pháp bên ngoài lôi cuốn sinh động dậy. Nếu
không bị pháp lôi cuốn thì cái Tâm sẽ được yên, nên gọi là ở trong
Định.

TRÍCH KINH :

Tâm của Chúng Sanh sanh ắt Pháp Phật diệt.
Tâm của Chúng Sanh diệt ắt pháp Phật sanh.
Tâm sanh ắt Chân Pháp diệt.
Tâm diệt ắt Chân Pháp sanh.

Lược Giải

Pháp nó vốn chỉ là Pháp, nhưng khi Tâm tương ưng với chúng sanh
nảy sinh, thì Pháp trở thành ràng buộc, nên gọi là Phật Pháp diệt. Tâm
chúng sanh diệt thì Pháp trở thành Phật Pháp, vì là Pháp Giải Thoát.

Gọi là Tâm Chúng Sinh khi cũng là sự Thấy, Biết, mà vương đầy

phiền não, Tham sân si, yêu, ghét.. Cũng sự thấy, biết, nhưng trừ đi được các món dơ đục này, thì Pháp trở thành Phật Pháp, vì Như Như, Thanh Tịnh.

TRÍCH KINH :

... Khi Mê thì (thấy) có tội.
Khi Hiểu thì (thấy) không có tội
Tại sao vậy ?
Vì Tánh Tội vốn là Không vậy.
Khi Mê thì Không Tội thấy Có Tội.
Khi Hiểu rồi thì đối tội thấy Không Tội.
Tại sao vậy ?
Vì tội không có gốc gác đâu cả.
Kinh nói : Muôn pháp đều không tự tánh, cứ dùng nó dùng ngờ, ngờ tức thành tội.
Tại sao vậy ?
Vì tội do nghi ngờ sanh ra
Nếu thấu suốt được lẽ ấy thì bao nhiêu tội nghiệp đời trước đều tiêu tan hết.

Lược Giải

Tội, Nghiệp dính vào cái Tướng, đi theo cái Thân, do cái Chấp Thân mà gây tội. Cũng do cái Chấp thân mà thấy ta trả Nghiệp, chịu báo oán... Nếu rời được cái Chấp Thân thì thấy không có Mình, nên không có vì Tham Sân Si mà chỉ dùng các pháp đúng với tính chất của nó nên không gây tội. Biết mình không dính vào cái Thân, nên Tội Nghiệp đời trước cũng không cột buộc được mình, không gây thêm phiền não, nên không tạo nghiệp cho đời sau nữa.

TRÍCH KINH :

Khi Mê thì Sáu Thức Năm Aám đều là pháp Phiền não Sanh Tử.
Khi Ngộ rồi thì Sáu Thức năm Aám đều là Pháp Niết Bàn Không Sanh Tử.
Người dốc lòng tu chớ cầu đạo ở bên ngoài.

Tại sao vậy ?
Vì Tâm tức là Đạo vậy.

Lược Giải

Con đường tu hành có đến 12 Bộ Kinh để dẫn giải, nhưng tóm lại cũng chỉ nằm trong Sáu thức, năm Ám mà Tu, mà Hành nên Tổ dạy : Người dốc lòng tu chớ cầu Đạo ở bên ngoài, TÂM tức là Đạo. Chỉ nên cầu ở đó, tu ở đó mà thôi.

Sáu Thức, tức là sự Biết của 6 giác quan : Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý. Năm Ám tức là Sắc, thọ, Tưởng, Hành và Thức. Thấy, Nghe, hay, Biết, cảm nhận.. rồi Thọ Nhận những gì do Lục Căn cảm nhận đó, cho là pháp đó đến với Mình, từ đó nghĩ ra cách thức đối lại, cũng dựa vào Mình mà Hành. Hậu quả là phiền não, đau khổ, sinh tử. Cho nên Tổ dạy : Sáu Thức, Năm ám là gốc của sinh tử, vì nó gặp pháp nào thì đều Thọ nhận, cho là đến với nó. Nếu thấy rõ, hiểu rõ, rồi điều phục nó, thì chính nó cũng là Niết Bàn, vì nhờ đó mà tu hành, mà chứng, mà ngộ vậy.

TRÍCH KINH :

Khi được Tâm rồi, mới hay không Tâm nào có thể được.
Khi được Đạo rồi, mới hay không Đạo nào có thể được.
Nếu nói đem Tâm ra cầu mà được Đạo, đó gọi là Tà Kiến.

Lược Giải

Hành trình tu hành là để TÌM CÁI TÂM. Tìm Tâm để thấy rằng đó chỉ là những cảm nhận, suy nghĩ, phản ứng.. thuần túy dựa trên cái Thân này. Cái Thân vốn dĩ không thật, nên sản phẩm của nó cũng chỉ là giả tạm. Vọng Tâm mà Chư Phật và Tổ nói là những chấp nhất, dính mắc, phiền não, đau khổ, động dục. Người tu bằng con đường soi quán, tư duy theo Phật dạy, cuối cùng thấy rằng Thân này không phải

là Mình, do đó, những điều cảm nhận, suy nghĩ, phản ứng kia cũng không phải là cái Tâm của mình, nên nói là KHÔNG CÓ TÂM.

Từ cái MÌNH tu tập, soi quán, để thấy rằng Mình còn không có, thì làm sao có TÂM !. Cái Thấy như thế gọi là Thấy Đạo. Thấy Tâm rồi thì thấy Không có tâm nào có thể Đắc, vì Tâm vốn không hình tướng, chỉ tùy Pháp mà thấy có. Chỉ khi ứng pháp mới Thấy. Do đó, người thấy Đắc Đạo là người vọng tưởng, vì cái Chứng Đắc chỉ là một sự Thấy Tâm không thực mà thôi.

TRÍCH KINH :

Khi Mê thì có Phật có Pháp
Ngộ rồi thì không Phật không Pháp.
Tại sao vậy ?
Vì Ngộ tức là Phật Pháp

Lược Giải

Khi Mê thì Pháp nào cũng là ràng buộc, nên cần Giải Thoát, do đó mà thấy có Pháp trói buộc và có Pháp Giải Thoát, gọi là Có Phật, có Pháp. Người tu hành, khi còn bị ràng buộc vì các Pháp nên cần tìm sự Giải Thoát, gọi là Tìm Phật, Tu Phật. Công năng tu hành là để Biến Pháp Vướng Mắc thành Pháp Giải Thoát, khi làm được điều đó thì thấy Pháp nào cũng là Phật Pháp, vì Pháp không còn gây vướng mắc, phiền não được nữa.

TRÍCH KINH

... Khi mắt Thấy Sắc chẳng nhiễm nơi Sắc.
Khi tai nghe tiếng chẳng nhiễm nơi tiếng, thế đều là giải thoát cả.
Mắt không dính Sắc, thì Mắt là cửa Thiền.
Tai không dính tiếng, thì Tai là cửa Thiền.

Nói gom lại hết, Thấy được Tánh của Sắc thì lúc nào cũng giải thoát.
Thấy tướng của Sắc thì lúc nào cũng là trói buộc.
Không vì phiền não mà bị trói buộc, tức gọi là giải thoát, ngoài ra không có sự giải thoát nào khác.
Khéo quán xét Sắc thì rõ ràng Sắc chẳng sanh nơi Tâm, Tâm chẳng sanh nơi Sắc, tức cả Sắc và Tâm đều thanh tịnh cả hai.

LUỘC GIẢI

THẤY, NGHE, khi chưa tu hành là những điều làm cho mọi người vướng mắc nhiều nhất. Do đó, khi tu hành thì hai căn quan trọng nhất cần phải luôn điều phục là MẮT và TAI không để SẮC và THANH trói buộc.

Kinh dạy : MẮT THẤY, TÂM SINH. Do đó, khi chưa hiểu được sự bình đẳng của các pháp thì cần điều phục để các pháp không mượn hai con đường này mà vào làm nhiễu loạn cái Tâm. Khi Thấy, Nghe không còn vướng, thì Mắt, Tai biến thành cửa Thiền, có nghĩa là hành giả vẫn được an tịnh, như nhiên, dù vẫn Thấy, Nghe đầy đủ mọi âm thanh, sắc tướng..

Muốn được như vậy thì phải quán sát TÁNH và TUỔNG. Đó là ý nghĩa của câu Kinh KIM CANG : “Phàm Sở Hữu tướng giai thị hư vọng”. Quán sát để thấy, để hiểu rằng : "Những gì Có Tướng đều là hư vọng", để những giả tướng đó không còn gây vướng mắc cho mình nữa . Người tu hành được như thế thì không còn bị ràng buộc vì các tướng nữa, sẽ được Giải Thoát, và Giải Thoát chẳng phải là giải thoát gì ngoài Phiền Não trong Tâm.

TRÍCH KINH :

Khi không vọng tưởng thì một Tâm là một Nước Phật.

Khi Có vọng tưởng thì một Tâm là một địa ngục.

Chúng sanh xây dựng vọng tưởng, đem Tâm sanh Tâm, nên lúc nào cũng ở địa ngục.

Bồ Tát quán xét vọng tưởng, không đem Tâm sanh Tâm, nên lúc nào cũng ở Nước Phật.

Nếu không đem Tâm sanh Tâm thì Tâm Tâm quay về Không, niệm niệm trở về Tĩnh, vào đủ nước Phật, đến đủ nước Phật.

Nếu đem Tâm sanh Tâm thì Tâm Tâm chẳng Tĩnh, niệm niệm hướng động thì vào đủ địa ngục, qua đủ địa ngục.

Nếu một thoáng Tâm dấy lên, ắt có thiện ác hai nghiệp, có thiên đường địa ngục.

Nếu một thoáng Tâm không dấy lên, ắt không có thiện ác hai nghiệp, cũng không thiên đường địa ngục.

LUỘC GIẢI

Vọng tưởng chính là nguyên nhân của phiền não. Mắt thấy, tai nghe, tâm sinh đủ thứ vọng tưởng là phiền não. Mắt thấy, tai nghe, nhưng không sinh tâm, không vọng tưởng điên đảo thì sẽ được sự thanh tịnh. Nhiều người nghe thế, tưởng là để cái tâm không ngơ, không khởi, không diệt, trơ như gỗ đá, cho đó là thoát. Những lập luận như thế đều từ cái Tưởng, vì tâm của chúng ta rất nhạy bén, vừa thoáng trông thấy một hình ảnh, một con người, hay vừa nghe thấy là lập tức những nhận định theo đó đã tuôn ra theo dữ liệu nạp sẵn và đã có ấn tượng từ bao giờ, để rồi theo đó mà Khởi lên đủ thứ cách tiếp nhận, ứng phó. Đạo Phật dạy chúng ta đừng dấy lên cái vọng tâm, tức là sau cái hiểu biết, phân biệt, thì đừng dấy lên cái yêu, cái ghét, cái sân si, cái tham ... Đó mới chính là những cái Vọng cần trừ. Đạo Phật không buộc ta phải bịt tai, nhắm mắt, không còn phân biệt thiện, ác, phải, trái, đúng, sai, tốt, xấu, chánh, tà để trở thành một con người trơ trơ như gỗ đá, vì gỗ đá là vô tình, mà vô tình thì không tu hành được.

TRÍCH KINH

... Thánh nhân vốn Không Tâm, nên trong thì trống rỗng bao la, cùng với hư không chẳng khác.

Khi Tâm được Niết Bàn tức chẳng thấy có Niết bàn.

Tại sao vậy ?

Vì Tâm là Niết Bàn.

Nếu ngoài Tâm lại thấy có Niết Bàn, đo là mắc phải tà kiến vậy.

TRÍCH KINH :

Nhiều người do đọc Kinh rồi hiểu lầm phương tiện của Kinh, tưởng là Có một Cõi Phật của một hay nhiều vị Phật. Phật đó có Nước Phật, nên cố tu hành, sống thiện, để mong được rước về, không rõ Tâm mình là nơi xuất sanh phiền não hay Niết Bàn, không hiểu đó là nơi Chư Phật gọi là Phạm Thánh đồng cư, là nơi chúng sanh biến thành Phật... nên cứ vọng ra ngoài mà tìm, mà mong được về Nước Phật nào đó, tưởng là sau khi chết mới về Niết Bàn.

Tổ giải thích : Hết Phiền Não tức là Niết bàn. Động loạn là chúng sinh, an ổn là Nước Phật, hai cảnh đó đều ở nơi tâm của mình, cho nên Ngài dạy ; “Nếu ngoài Tâm lại thấy có Niết bàn, đó là mắc phải tà kiến”.

Người hiểu Chân Tâm vốn không sinh diệt, không vọng tưởng, không khác nào hư không, thì được cảnh thanh tịnh, không còn phiền não, vướng mắc... Đó là Niết Bàn, không có Niết Bàn nào khác vậy.

TRÍCH KINH :

Tất cả phiền não là hột giống Như Lai, vì nhân có Phiền Não mới được Trí Huệ.

Ta chỉ nên nói phiền não ‘Sanh’ Như lai, không thể nói phiền não “là” Như Lai.

Cho nên cần lấy Thân Tâm làm ruộng rẫy, phiền não làm hột giống, Trí Huệ làm mầm mống, còn Như Lai thì ví như lúa thóc vậy.

LƯỢC GIẢI

Nhờ có phiền não nên người đời mới tu hành để được Giải Thoát, nên gọi phiền não đó là “hột giống Như Lai”. Nếu không có phiền não thì chúng sanh đâu có cần tu hành làm gì, mà khi không tu hành thì làm sao thấy được sự Giải Thoát ? Tu hành cũng không ở nơi nào khác ngoài Thân và Tâm. Từ nơi Thân Tâm này mà đạo, cũng từ nơi Thân Tâm này mà Giải Thoát. Muốn hiểu và Hành được như vậy thì cần có sự hướng dẫn của Trí Huệ. Nếu không có Trí Huệ thì mãi mãi sẽ ở trong Vô Minh, khó thoát khỏi phiền não thì cũng không sinh được

Như Lai vậy.

Sợ người đời sau hiểu lầm rồi càng nhiều phiền não lại cho mình càng là Như Lai, nên Tổ giải thích : Chỉ nên nói phiền não “Sanh” Như lai. Vì sao phiền não lại sanh được Như Lai ? Chính nhờ có phiền não mà con người mới phát tâm nhờ Đạo Phật chỉ lối cho để thoát. Khi thoát khỏi phiền não rồi, thì được sự Như Như, an tịnh, nên gọi là Như lai.

Để đạt được tình trạng Như Lai, đến, đi, lui, tới, ứng pháp mà thoát được mọi phiền não thì “Cần lấy Thân Tâm làm ruộng rẫy, phiền não làm hạt giống, Trí Huệ làm mầm mống”, vì Như Lai chính là kết quả của mọi công phu gieo trồng đó vậy.

TRÍCH KINH :

Phật ở trong Tâm như hương ở trong cây.

Phiền não hết thì Phật theo Tâm ra.

Vỏ mục hết thì Hương theo cây ra.

Mới biết ngoài cây không có hương, ngoài Tâm không có Phật.

Nếu ngoài cây có hương, ấy tức là hương ngoài của cây khác.

Nếu ngoài Tâm có Phật, ấy tức là Phật ngoài của ai khác.

Lược Giải :

“TỨC TÂM TỨC PHẬT” “MUỐN TÌM PHẬT THÀ TÌM TÂM”. Đó là lời của Chư Tổ nhắc nhở người tu để tự “Nội quang phản chiếu”, thấy được, hiểu được Sự Giải Thoát sẵn có nơi Tâm của mình, chỉ cần rời phiền não thì sẽ gặp.

Khi Tâm bị phiền não, thì đó là địa ngục, là chúng sinh. Khi Tâm hết phiền não, thì là Niết bàn, là Phật Quốc. Hai tình trạng ở trong một Tâm. Không ở bên này sẽ ở bên kia. Khi Tâm hết phiền não, thì Tâm là Phật. Phật đó ở Tâm mình, đó mới là chân Phật. Ngoài Tâm của mình mà tìm Phật, thì đó là Nhị Thừa, vì đó là Phật của người khác.

TRÍCH KINH :

Trong Tâm có Ba Độc, đó gọi là quốc độ dơ xấu.
Trong Tâm không có Ba Độc, đó gọi là quốc độ thanh tịnh.
Kinh nói : Nếu khiến cho quốc độ đục vẫn dơ xấu cứ dấy dậy lên, rồi Chư Phật Phật thế Tôn sẽ từ trong đó mà xuất hiện, điều ấy không đâu có được.
Cái vẫn đục dơ xấu ấy, tức là Ba Độc Vô Minh vậy.
Chư Phật Thế Tôn ấy, tức là Tâm Thanh Tịnh Giác Ngộ vậy.
Tất cả sự nói năng, không có gì chẳng là pháp Phật.
Nếu tự mình không có lời nói thì nói suốt ngày vẫn là đạo.
Nếu tự mình có lời nói thì im suốt ngày vẫn chẳng là đạo.
Cho nên ở Như Lai lời nói không nương theo im lặng, im lặng không nương theo lời nói, lời nói không lìa im lặng, nói và im đều ở nơi Tam Muội cả.
Nếu biết mà nói thì lời nói cũng giải thoát.
Nếu không biết mà im lặng thì im lặng cũng trói buộc.
Cho nên nói mà lìa tướng thì lời nói cũng gọi là giải thoát.
Còn im lặng mà dính tướng thì im lặng cũng là trói buộc.

LƯỢC GIẢI

Vì chúng sinh được hiểu là “tình trạng của tư tưởng”, tức là những cái khởi nghĩ, tưởng, có nhiễm những tính chất của Ba Độc, nên khi trong Tâm ta chứa đầy Tham, Sân, Si tức chứa đầy chúng sinh thì gọi là quốc độ dơ đục. Một chúng sinh hết phiền não, là một chúng sinh Thành Phật. Nếu điều phục được tất cả những dơ xấu này thì cái Tâm sẽ được thanh tịnh, địa ngục sẽ biến thành Niết bàn, cho nên người tu Phật nào cũng phải làm công việc này, vì Chư Phật không thể tự nhiên từ một cái Tâm dơ bẩn mà xuất hiện.

Ràng buộc, phiền não khởi lên vì Dính Tướng, vì Chấp Tướng, trong đó, cái Chấp Ngã là nguyên nhân chính. Khi Chấp ngã thì dù có Nói hay Im Lặng thì cũng là dính mắc, mà lời nói , hay im lặng chỉ là biểu hiện cho cái Tâm.

Khi Giải Thoát được cái Tâm, không còn Chấp ngã, nên cũng không còn Chấp Pháp, thì nói hay im chỉ là thái độ ứng pháp, không có ràng

buộc, không bị phiền não.

TRÍCH KINH

....Lìa Tâm không Phật

Lìa Phật không Tâm

Cũng như lìa nước không băng

Cũng như lìa băng không nước

Nói “lìa Tâm không Phật”, chẳng phải xa lìa cái Tâm, mà chỉ khiến
đừng chấp vào hình tướng của Tâm.

Kinh nói : “Không thấy tướng gọi là Thấy Phật”, tức là lìa hình tướng
của Tâm vậy.

“Lìa Phật không Tâm” là nói Phật từ Tâm ra. Tâm có thể sanh ra Phật,
nên Phật theo Tâm mà sanh, nhưng Phật chưa hề sanh ra Tâm bao giờ.

Cũng như cá sanh ở nước, nhưng nước không thể sanh cá.

Cho nên muốn xem cá, cá chưa thấy mà trước đã thấy nước.

Cũng vậy, muốn xem Phật, Phật chưa thấy mà trước hết đã Thấy Tâm.

Mới biết cá thấy rồi cần quên nước.

Phật thấy rồi cần quên tâm.

Nếu không quên được Tâm sẽ vì Tâm mà làm nữa.

Nếu không quên được nước thì sẽ vì nước mà mê nữa.

Chúng sanh với Bồ Đề cũng như nước với băng.

Vì Ba Độc nung đốt nên gọi là chúng sanh.

Vì Ba Giải Thoát gột sạch nên gọi là Bồ Đề.

Vì đóng lạnh trong tiết đông nên gọi là băng,

Vì tan chảy trong lửa hè nên gọi là nước.

Nếu bỏ băng đi tức không có nước nào khác.

Nếu bỏ chúng sanh đi, ắt không có Bồ Đề nào khác.

Đủ rõ Tánh của băng tức là Tánh của nước.

Tánh của nước tức là Tánh của băng.

Cũng vậy, Tánh của chúng sanh tức là Tánh của Bồ Đề vậy.

Chúng sanh cùng với Bồ Đề đều chung nhau một Tánh.

Cũng như hai vị thuốc Ô Đầu và Phụ Tử đều chung một gốc, chỉ vì
thời tiết mà khác nhau. Cũng vậy, vì Mê và Ngộ hai cảnh khác nhau

nên có tên gọi chúng sanh và Bồ Đề.

Lược Giải

Phật là sự giải thoát khi Tâm hết phiền não, nên tìm Phật không phải là đi tìm một ông Phật Thích Ca hay A Di Đà nào, mà chỉ nên tìm ở Tâm, vì Phật là tình trạng Giải Thoát của Cái Tâm. Vướng mắc ở Tâm, nên giải thoát cũng ở đó, đừng tìm bên ngoài, vì Phật bên ngoài là của người khác. Sự Giải Thoát bên ngoài là của người khác. Giải Thoát cái Tâm không phải do ai ban cho, không thể do cầu xin mà được, mà phải tháo gỡ những dính mắc, phiền não nơi cái Tâm để thành tựu. Lìa ngoài cái Tâm của mình mà tìm sự Giải Thoát, mà cầu xin được giải thoát thì không thể thấy, vì không ai ban cho mình được. Nói Tâm sinh ra Phật cũng là ở nghĩa khi cái Tâm hết phiền não thì cái Tâm đã biến thành Phật Quốc, tức là Chúng Sanh thành Phật vậy.

“Muốn xem Phật, Phật chưa thấy mà đã Thấy Tâm”. Bởi vì Tâm chúng sinh tức là những Phiền não ở Tâm, Phật là cái Tâm không còn phiền não, nên muốn tìm Phật, trước hết phải quay vào Tâm mình mà tìm, thấy cái Tâm, để thấy dính mắc, phiền não ở đó, rồi điều phục, tu hành ở đó, chớ không phải nơi nào khác.

TRÍCH KINH :

Rắn hóa thành rỗng vẫn không đổi vảy.

Phàm biến thành thánh vẫn không đổi mặt.

Mới hay Tâm ấy, trong thì Trí Huệ chiếu; Thân ấy, ngoài thì Giới Luật vững.

Lược giải

Nhiều người tưởng rằng Thành Phật phải là một biến tướng vĩ đại, vì Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp v.v.. Không biết rằng, những tướng tốt đó chỉ là hình ảnh tượng trưng cho những hạnh lành mà Đức Thích Ca đã làm và dạy người tu nên làm, và Thành Phật chỉ là Giải Thoát khỏi Phiền Não, để được thanh tịnh, an ổn.

Tu Phật được gọi là TU TÂM, tức là chỉ sửa và biến đổi nơi cái TÂM, không có sửa tướng bên ngoài, nên không có biến đổi tướng. Sự biến đổi đó là trước kia cái Tâm mặc tình buông lung, nay nhờ Giới Luật, nhờ vào Soi Quán để mở Trí Huệ nơi Tâm, rồi hành theo sự thấy biết mới để Xả những dính mắc của Thân, của Tâm. Kinh gọi đó là Độ Sinh. Khi Chúng Sinh hết phiền não thì được Giải Thoát, và Giải Thoát là kết quả của những công việc nói trên, cho nên sự hoàn thành đó không hiện ra tướng để có thể nhìn thấy bằng mắt được.

TRÍCH KINH

Chúng sanh Độ Phật
Phật độ chúng sanh
Vậy gọi là bình đẳng.
Chúng sanh độ Phật ấy, Phiền não nầy sanh tỏ ngộ.
Phật độ chúng sanh ấy : tỏ ngộ phá trừ phiền não

.... Khi Mê thì Phật độ Chúng Sanh
Khi Ngộ thì chúng sanh độ Phật.
Tại sao vậy?
Vì Phật không thể tự thành, mà đều do chúng sanh độ nên vậy.

Lược giải

Chúng sanh và Phật là nói về hai tình trạng của cái Tâm. Cũng Tâm đó, ý đó, khi phiền não thì gọi là chúng sanh. Hết phiền não thì là Phật. Cho nên Phật không thể tự thành, mà do chúng sanh hết phiền não thì hóa ra Phật, nên nói là Chúng sanh độ Phật.

Khi mê thì thấy Phật ở nơi cảnh giới khác, mong cầu độ cho mình, không biết rằng chính những chúng sanh đang phiền não kia trong Tâm của mình sẽ biến thành Phật, tự chính do mình độ cho chúng, không phải do Phật nào bên ngoài độ cho mà thành được.

TRÍCH KINH

Chư Phật lấy Vô Minh làm Cha, lấy tham Ài làm Mẹ
Vô Minh và Tham Ài đều là tên gọi khác của chúng sanh vậy.
Chúng sanh với Vô Minh cũng như tay trái với tay phải, rốt cùng
chẳng khác nhau vậy.

Lược Giải

Vì Có Vô Minh, Có Tham Ài mới có Phiền não. Có phiền não tức là
Chúng Sinh, Có chúng sinh mới có sự giải thoát, thành Phật... Do đó
mới nói rằng Vô Minh và Tham Ài là cha mẹ của Chư Phật, vì nhờ
có phiền não mới phát tâm tu hành, mới được Giải Thoát. Đừng nghĩ
lầm là mình vô minh, tham ái đầy đầy tức là mình là cha, mẹ của Chư
Phật mà vọng ngữ, vọng hành, sinh thêm tội, nghiệp.

TRÍCH KINH ;

Khi Mê thì ở Bờ Bên Đây.
Khi Ngộ thì ở Bờ Bên Kia.
Ví biết Tâm vốn là Không thì chẳng thấy Tướng, ắt lìa cả mê và ngộ.
Mê, Ngộ đã lìa, ắt không bờ bên kia
Như Lai không ở bờ bên này, cũng không ở Bờ bên kia, không ở giữa
dòng
Ở giữa dòng : Hàng Tiểu Thừa vậy.
Ở Bờ Bên này : Phạm Phu vậy.
Ở Bờ Bên Kia : Bồ Tát vậy.

Lược Giải :

Nói Bờ bên này, bờ bên kia cũng chỉ để nói về hai tình trạng ; Phiền
Não và Giải Thoát của cái Tâm, không có cái Tướng nhất định. Dù
vậy, Kinh dạy : Khi thấy khởi phiền não, tức đang ở Bờ Bên này. Khi
không còn Phiền Não nữa, tức đã sang Bờ Bên Kia. Như Lai tức là đã
thoát hết phiền não, nên không dính vào bờ nào, cũng không ở giữa.

TRÍCH KINH :

Phật có Ba Thân : Hóa Thân, Báo Thân và Pháp thân
Nếu Chúng sanh luôn luôn làm theo căn lành tức Hóa Thân hiện.
Tu trí Huệ : tức Báo Thân hiện
Giác vô vi : tức Pháp Thân hiện

Lược Giải :

Phật không phải là một vị nào, mà là một tình trạng, là kết quả của những công việc tu hành. Hóa Thân, Báo Thân, Pháp Thân cũng để chỉ những công việc làm nơi cái Thân, cái Tâm của mình. Một đau khổ, phiền não khởi trong tâm, là một chúng sinh. Hóa giải, điều phục cho nó hiểu được mà hết động dấy, hết đau khổ, gọi là Độ được một chúng sinh Thành Phật.

Hoá Thân tức là tình trạng đang hành dụng của cái tâm. Giả sử như ta đang hành pháp bố thí, thì ta đang hoá thân vào Hạnh Từ Bi của Phật. Báo Thân là cái Thân, tâm Phạm nhưng đang trên con đường hành dụng theo Chân Tánh, nên tuy là thân phạm, nhưng thể hiện công việc của Báo Thân Phật. Pháp Thân là sự hình thành do công đức, do hành dụng của Hoá Thân, Báo Thân. Cho nên Kinh dạy là Vô Lượng Phật, tức là vô số Phật, bởi vì Phiền não trong tâm mỗi người, từ lúc sinh ra cho đến khi già, chết, số lượng nhiều vô số nên sự giải Thoát cũng vô số, gọi là vô số Phật.

Khi tâm khởi dính mắc, thì Tâm là một chúng sinh. Khi làm hay nghĩ tưởng một điều xấu, đó là hóa thân của chúng sinh. Hóa thân này tùy theo sự huân tập với những cái xấu nặng hay nhẹ để trở thành là chúng sinh của một trong Sáu đường. Khi làm một hạnh lành, tức thể hiện cho hóa thân của Phật. Tu Trí Huệ tức thành tựu Báo Thân, và Pháp Thân Phật tức là Những sự tích tụ trong vô tướng của những hạnh lành, những Pháp Giải Thoát . Những Pháp đó vô tướng, nên Phật là Vô Tướng, là Vô Vi, nên không có Tướng để Thấy bằng mắt hay bằng cái Tướng.

Để giải thích rõ thêm, Tổ viết :

“Bay lướt Mười Phương, tùy nghi mà cứu độ, Phật Hóa Thân vậy”.
Mười Phương cũng chỉ là mười điều khởi xấu nơi tâm của chính mình.
Làm công việc điều phục, hóa giải, tức đang là Hóa Thân của Phật.

“Dứt Mê hoặc, tu thiện pháp, thành đạo trên núi Tuyết : Phật Báo Thân vậy.

Không lời không nói, vắng lặng thường trụ : Pháp Thân vậy.

Bằng luận cho cùng lẽ thì một Phật còn chẳng có, huống nữa là Ba.
Nói Ba Thân đó là dựa theo căn trí con người có Thượng, Trung và Hạ.

Người hạ trí bôn chôn vọng cầu phước, vọng thấy Hóa thân Phật.

Người trung trí vọng dứt phiền não, vọng thấy Báo Thân Phật.

Người thượng trí vọng chứng Bồ Đề, vọng thấy Pháp Thân Phật.

Thế mới biết Ba Thân cùng muôn pháp đều không giữ được, không nói được, đó tức là Tâm tự nhiên giải thoát, thành tựu đạo lớn.”

Kinh nói : “Phật chẳng nói Pháp, chẳng độ chúng sinh, chẳng chứng Bồ Đề” là như vậy đó.

Ta có thể hiểu là sự Thanh Tịnh mỗi người vốn có sẵn, là Pháp Thân, nhưng khi chưa tu hành, chưa điều phục chúng sinh thì chưa thấy được.

Một công việc làm, đó là Hóa Thân, vì đang lúc Làm hạnh nào là hiện thân cho vị Phật đó, thí dụ như ta đang lắng nghe tiếng kêu của vương mắc, đau khổ trong nội tâm thì đang là hiện thân của Quán Thế Âm.

Đang tu tập lòng Từ, Lòng Bi, tượng trưng cho Đại thể Chí Bồ Tát.

Đang Tư Duy, Quán Sát tượng trưng cho Ngài Đại Huệ Bồ Tát

v.v..Khi những việc làm đó được Thành Tựu, là cái Pháp Thân Phật được hình thành, vì cho tới khi hoàn tất mọi việc, thì sẽ thấy được sự Thanh Tịnh rốt ráo vậy.

TRÍCH KINH

Chúng sanh tạo nghiệp

Nghiệp tạo chúng sanh

Đời nay tạo nghiệp

Đời sau chịu báo, thưở nào thoát khỏi

Chỉ bậc chí nhân, ở trong thân này, không tạo các nghiệp, nên chẳng chịu báo.

Kinh nói : “Các nghiệp chẳng tạo, tự nhiên được đạo” há lời nói suông ru !

Nếu người tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng sanh.

Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng diệt

Mới biết Nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh.

Nếu người không tạo nghiệp, tức nghiệp chẳng do người sanh vậy.

Cũng như người có thể nâng đạo, đạo không thể nâng người.

Kẻ phàm phu ngày nay luôn luôn tạo nghiệp, lại nói bừa là không có quả báo, há chẳng khó nghe sao ?

Bằng luận cho cùng lẽ ; Tâm trước tạo, Tâm sau báo, đời nào thoát được ?

Nếu tâm trước không tạo, tức Tâm sau không báo, vậy còn vọng thấy nghiệp báo được sao ?

Kinh nói ; Tuy tin có Phật, lại nói Phật khổ hạnh, đó là tà kiến.

Tuy tin có Phật, lại nói Phật bị quả bò đái ăn lúa ngựa, grom vàng đâm chân, đó là lòng tin chưa trọn đủ, là Nhất Xiển Đề.

Lược Giải

Mỗi suy nghĩ, hành động trong các tướng đều có một cái quả nhất định. Làm xấu cho ra quả xấu. Làm tốt thì được quả tốt. Nếu dùng được ở sự suy nghĩ, chưa đưa ra hành động, thì nhân chưa gieo nên quả không có. Đó là quy luật của những pháp hữu vi.

Không thể có việc tạo Nghiệp mà không có Quả báo, dù đó là bậc tu hành chứng đắc tới đâu. Nhưng có những người hiểu sai, nghĩ rằng khi tu hành đã Thoát được thì không dính vào Nhân Quả, Tổ dạy là không thể có việc đó được.

Sở dĩ kinh nói rằng Thoát Nhân Quả, Thoát Sinh Tử là để nói về người đã Thấy Tánh, đã Trụ được ở Chân Tánh, biết Mình không phải là cái Thân này, cho nên cái Thân chịu Nhân Quả, không phải Ta chịu. Khi Thân hết duyên, hết Nghiệp thì hoàn về Tứ Đại, không phải ta chết. Thấy được, trụ được cái Tâm như thế, do đó mà Thoát Sinh tử, vì không cùng sống, cùng chết với cái Thân, cái Tâm hư dối.

Chư vị Giác Ngộ cũng thế. Đã mang lấy Cái Thân hữu tướng đương nhiên Có Sinh là phải Tử. Cái Thân Đức Thích Ca cũng đã chết , nhưng cái Pháp tánh của Ngài bất sinh bất tử. Và Ngài đã Thoát Sinh Tử bằng cách không trụ vào cái Thân này, chấp nhận sự tồn tại, cũng như hoại diệt của nó. Thấy được cái Bỏ lại Diện Mục của mình và trụ được ở đó, thì đó là con đường của Chư Phật đã đi và hướng dẫn cho người sau. Sự thành tựu đó có kết quả hiện tiền, ngay lúc còn ở trong cái Thân, người Chứng được nó sẽ Thoát được những đau khổ, phiền não của các pháp, được Cảnh Niết Bàn ngay tại cuộc sống.

Do đó, nếu nói rằng cái Thân này thoát sinh tử thì ngay cả Đức Thích Ca cũng không thoát. Ngài và tất cả Chư Tổ cũng chỉ Thoát Sự chấp vào cái Thân, nên không còn sinh tử theo cái Thân, mà biết nó là phương tiện để làm những việc lợi mình, lợi người, lúc còn nương vào cái Thân thì dùng nó như phương tiện để tu hành, để tìm đường Thoát. Nếu đã Giải Thoát được cái Tâm Mê lầm thì người tu sẽ có cái Quả hiện tiền, là không bị phiền não, khổ đau vì cảnh đời nữa. Gọi đó là Hữu dư y Niết Bàn.

TRÍCH KINH :

Người hiểu pháp Thánh gọi là Thánh Nhân.

Người hiểu pháp phàm gọi là phàm phu.

Chỉ cần xả pháp phàm là thành Pháp Thánh, tức phàm phu thành Thánh Nhân vậy.

Kẻ ngu trong đời chỉ mong cầu Thánh viễn vông, chẳng tin rằng chính cái Tâm Huệ Giải là Thánh Nhân vậy.

Kinh nói : Đối với người vô trí, đừng nói Kinh này.

Kinh này, là Tâm vậy.

Người vô trí không tin chính cái Tâm sáng tỏ được pháp này làm thành bậc Thánh. Họ chỉ mải cầu xa, học ngoài, mền chuộng hình tượng Phật ngoài trời cùng ánh sáng hương sắc đủ thứ, toàn là việc làm đạo tà kiến, mất tâm, cùn trí.

Kinh nói ; Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức Thấy Như Lai Tán vạn bốn ngàn pháp môn thấy do một Tâm mà móng dậy.

Nếu trong lăng hết Tâm tướng, giống như hư không, tức tự trong thân

Tâm xa lìa hết tám vạn vốn ngàn căn phiền não vậy.

LƯỢC GIẢI

Người mãi theo Tâm, Mất mà chạy ra ngoài, chấp lấy cái Thân là Mình, cái Tâm hư vọng nương theo cái Thân là của mình thì gọi là phàm phu. Người Biết cái Thân này, Tâm này không phải là mình, tu hành để Xả cái Chấp phàm thì gọi là Thánh. Phàm hay Thánh cũng chỉ là hai tình trạng của tâm, không phải cầu mong nơi đâu, tìm thánh, Phật của ai, nơi đâu khác.

Người cầu ngoài, chạy theo hình tượng, dùng âm thanh, sắc tướng để cầu thì đó là những người vô trí.

Nếu dừng cái Tâm lại, lắng được những động dấy, đau khổ, phiền não.. thì sẽ xa lìa hết phiền não, đau khổ. Cũng chỉ là Lục Căn, Lục Trần, Lục Thức hợp với những duyên bên ngoài mà sinh ra trùng trùng duyên khởi, do đó mà Phật gọi là đến tám vạn, bốn ngàn phiền não vậy.

Thanh Tịnh, an ổn, là Niết bàn, là Phật Quốc. Người tạo được cảnh đó cho mình là Thánh Nhân vậy.

TRÍCH KINH

Phàm phu đang sống sợ chết, vừa no lo đói, thật quá đổi mê hoặc. Cho nên bậc chí nhân chẳng tính việc đã qua, chẳng lo việc chưa đến, không xao động việc bây giờ, niệm niệm trở về Đạo.

LƯỢC GIẢI

Chư Phật chia cái Tâm ra ba giai đoạn: Chấp nhất làm cho không yên. Nhớ nghĩ đến việc đã qua, gọi là TÂM QUÁ KHỨ. Lo nghĩ việc sắp tới, gọi là TÂM TUƯƠNG LAI. Hiện tại cũng rồi ren không ngừng, gọi là TÂM HIỆN TẠI. Nếu nghĩ tương, sắp xếp mọi việc mà không thấy phiền não, tham sân si dấy lên, thì cái Tâm sẽ được an. Đừng nghĩ là phải trừ Tam Tâm rồi trở thành gỗ đá, không hay không biết gia đình

đói khổ, con cái lo chơi bỏ học. Đó không phải là người tu. Tu là trong khi vẫn duy trì cuộc sống bình thường như mọi người, trong đó, cố gắng sửa cái Tâm, không cho khởi Tham, Sân, si, thương, ghét.. chớ đâu phải dứt hết, diệt hết, không còn nghĩ gì về cuộc sống mới gọi là tu.

Ta đang sống trong hiện tượng, đang mang một cái Thân hữu tượng, cần phải sắp xếp cho mọi thứ được ổn định trong cảnh của mình, đâu cần phải để ai độ cho mới tu được? vì ta tu cho bản thân, gọi là Tự Độ, đâu thể tu giúp người, đâu thể độ được người khác? Phải làm ăn, phải duy trì cuộc sống, trong đó, đừng vì cái Thân mà gây thêm tội ác, làm đúng theo nhân thừa, đó cũng là ta đang hành đạo. Do đó, Đạo Phật ngoài việc khuyên người tu nên Giữ Giới để có được sự ổn định trong cuộc sống còn dạy cho Bát Chánh Đạo để người tu đi trong đó, sống trong đó mà hoàn tất con đường tu của mình.

Mục đích của Bát Chánh Đạo cũng là để uốn nắn cho cái Thân, cái Khẩu, cái Ý của người tu được trong sáng, phù hợp với Giới, với Hạnh của Đạo. Ta vẫn còn Thân Mạng phải duy trì, do đó cần phải CHÁNH NGHIỆP, CHÁNH MẠNG. Cần phải suy nghĩ trước khi hành động, trong cuộc sống và cần phải có sự sáng suốt, hiểu biết đường lối đúng để tu hành, nên cần có CHÁNH KIẾN, CHÁNH TU DUY, CHÁNH NIỆM. Khi tiếp xúc với các pháp, với mọi người, cần phải nói những lời chân chính, nên cần CHÁNH NGŨ. Cứ trau dồi như thế, để những việc tốt đẹp ngày một tăng trưởng gọi là CHÁNH TINH TẤN. Trong những cái Chánh này, tức nhiên phải theo GIỚI, để có ĐỊNH, rồi Soi, Quán để có HUỆ.

Đó là những việc làm để trở thành Thánh Nhân chớ đâu có hiểu một vài lý của Đạo, thuộc một vài câu Kinh, hành được một vài Pháp mà tự xưng là Thánh, tự cho là không có Nhân Quả, hay Thoát Nhân Quả được.

Kệ đêm ngồi tịnh rằng :

NHẤT CANH đoan tọa kiết già phu
Di thần tịch chiếu hung đồng hư

Khoáng kiếp do lai bất sanh diệt
Hà tu sanh diệt diệt sanh cừ ?
Nhất thiết chư pháp giai như huyễn
Bổn tánh tự không na dụng trừ ?
Nhược thức tâm tánh phi hình tượng
Trạm nhiên bất động tự như như.

Đoan trang CANH MỘT tịnh ngòi tu
Tịch chiếu tinh thần tự thái hư
Muôn kiếp vốn không sanh với diệt
Học đòi sanh diệt diệt gì ư ?
Gẫm xem các pháp trò ma ảo
Tánh vốn là không uổng sức trừ !
Ví biết Tâm mình không tướng mạo
Lặng im chẳng động tự như như

Lược giải

Đây là một bằng chứng về Thiên Quán của Tổ Đạt Ma. Ngài đâu có ngồi đó bất động cái Thân và chỉ dùng lặng cái Tâm, mà Ngài đang dùng Tướng Thiên để cái Thân thôi chạy ra, nhìn ngoài, để Nội Quang Phản Chiếu, nên mới có những từ GẤM XEM, TỊCH CHIẾU..

Những điều Ngài khám phá về các pháp, để thấy nó chỉ là trò ma ảo, không có thật. Tánh nó vốn không, không phải trừ nó cho phí sức. Soi cái Tâm để thấy nó Không Tướng Mạo, lặng im chẳng động. Nếu Tâm Động thì đó chẳng phải là Chân tâm.

NHỊ CANH ngưng thần chuyển minh tịnh
Bất khởi ức tướng chân như tịnh
Sâm la vạn tượng tịnh qui Không
Cánh chấp hữu không hoàn thị bệnh
Chư pháp bổn tự phi không hữu
Phạm phu vọng tưởng luận tà chánh
Nhược năng bất nhị ký cư hoài
Thùy đạo tức phạm phi thị thánh.

CANH HAI ngưng thần chuyển minh tịnh
Chẳng tưởng chẳng nhớ : Chân Như tính
Um tùm muôn tượng trở về Không
Chấp Có Chấp Không lại vẫn bệnh
Các pháp như nhiên chẳng Có, Không.
Phàm phu tưởng quấy bàn tá chính
Ví iết gìn lòng lẽ : “Chẳng hai”
Ai nói tức phàm chẳng phải Thánh ?

Lược Giải

Canh hai, ngưng thần chuyển thành thanh tịnh, sáng suốt. Nhận thấy rằng các pháp chẳng Có, chẳng Không, mọi thứ đang um tùm, nhiều hình tướng rồi cũng trở về Không, nên chẳng tưởng, chẳng nhớ, chẳng chấp. Phàm phu bàn tà, chính, không biết rằng nếu giữ lẽ Không Hai tức là Phàm và Thánh đồng nhau không khác.

TRÍCH KINH :

TAM CANH tâm tịnh đặng hư không
Biển mẫn thập phương vô bất thông
Sơn hà thạch bích vô năng chướng
Hằng sa thế giới tại kỳ trung
Thế Giới Bốn Tánh : Chân Như Tánh
Diệc vô Bốn Tánh tức hàm dung
Phi đản Chư Phật năng như thử
Hữu tình chi loại phổ giai đồng

CANH BA Tâm tịnh sáng hư không
Rộng khắp mười phương đâu chẳng thông
Tường vách núi sông không cản ngại
Bao la vũ trụ tự nơi trong
Tánh của càn khôn là Phật Tánh
Cũng không Bốn Tánh, tức hàm dung
Nào phải riêng đâu Chư Phật được
Hữu tình muôn loại vẫn chung đồng

Lược giải

Tâm Tịnh thì cũng như hư không, soi suốt mười phương, núi, sông, tường, vách không cản trở được. Vũ trụ hằng sa thế giới đó tự nơi Tâm mình, chẳng phải bên ngoài. Tánh của càn khôn tức là Phật Tánh, bao trùm khắp tất cả, không riêng chỉ một Tánh của mình. Tánh này không phải chỉ riêng Chư Phật mới được, mà tất cả loài hữu tình đều chung đồng. Vào được Tánh này thì người đi trước hay sau cũng đạt được sự Giải Thoát như nhau.

TRÍCH KINH

TỨ CANH vô diệt diệt vô sinh
Lượng dữ hư không pháp giới hình
Vô lai Vô Khứ vô khởi diệt
Phi hữu phi vô phi ám minh
Vô khởi chư kiến ; Như Lai kiến
Vô danh khả danh : Chân Phật danh
Duy hữu ngộ giả ưng năng thức
Vị hội chúng sanh do nhược manh

CANH TƯ không diệt cũng không sanh
Rộng ví hư không pháp giới bình
Không qua không lại không còn mất
Chẳng Có Chẳng Không, chẳng ám minh
Không vọng thấy gì : Như Lai Thấy
Không gọi danh gì ; Chân Phật danh
Ai có ngộ qua rồi mới biết
Chúng sanh chưa rõ bởi thông manh

Lược Giải

Không Sinh, Không Diệt, pháp giới bình đẳng, không còn, không mất, không qua, không lại, không sáng, không tối, không Có, chẳng Không ..Đó là pháp giới, như Hư Không. Người có Ngộ thì biết, người không ngộ thì không rõ. Không khởi thấy , đó là Như Lai thấy. Không gọi

danh gì, đó là Phật danh, vì phàm phu thấy rồi dính mắc theo cái thấy, nên cái thấy không thể Như được, vì còn dính vào cái Ngã, nên còn dính vào yêu, ghét, tham đắm, muốn lấy, muốn bỏ. Không còn vương mắc danh tướng gì, thì đó mới thật sự là Phật danh, tức ngay cả danh xưng cũng giải thoát.

TRÍCH KINH

NGŨ CANH Bát Nhã chiếu vô biên
Bất khởi nhất niệm lịch Tam Thiên
Dục kiến chân như bình đẳng tánh
Thận vật sanh tâm tức mục tiền
Diệu lý huyền ảo phi tâm trắc
Bất dụng tâm trực linh bì cực
Nhược năng vô niệm tức chân cầu
Cánh nhược hữu cầu hoàn bất thức.

CANH NĂM Bát Nhã chiếu vô biên
Chẳng khởi một niệm trải tam thiên
Muốn thấy Chân Như Bình Đẳng Tánh
Khéo chớ sanh Tâm : Trước mắt liền.
Lẽ ấy diệu huyền không lượng được.
Dụng công đuổi bắt thêm nhọc sức
Nếu không một niệm : tức Chân cầu
Còn có Tâm Cầu chưa tỉnh thức

Lược Giải

Canh Năm trí Bát Nhã soi khắp, không ngăn mé, không khởi niệm nào. Muốn thấy chân như, bình đẳng tánh thì ĐỪNG SANH TÂM sẽ thấy hiện ra trước mắt. Còn có tâm cầu tức chưa tỉnh thức. Không có một niệm nào tức chân cầu, không cần dụng công gì khác.

Tụng Chân Tánh rằng :

VIÊN MINH TỊNH CHÍ THÂN
DIỆT CHIẾU VONG KHÔNG LÝ

DUYÊN TÌNH TÁNH LY CHÂN CỰC DIỆU THƯỜNG CHUNG THỈ

CỬA THỨ SÁU

HUYẾT MẠCH LUẬN

Ba Cõi dấy lên cùng về một TÂM

Phật trước Phật sau đều lấy Tâm truyền qua Tâm, chẳng lập văn tự.

HỎI : Nếu chẳng lập văn tự lấy gì là Tâm ?

ĐÁP : Người hỏi ta, tức đó là Tâm người.

Ta đáp người, tức đó là Tâm ta.

Nếu ta Không Tâm, nhân đâu mà giải đáp cho người.

Nếu người không Tâm, nhân đâu mà thưa hỏi ta.

Hỏi ta, tức là Tâm người đó.

Từ vô số kiếp đến nay, tất cả hành vi, động tác nao, bất cứ thời nào, bất cứ nơi đâu, đều do nơi Bản tâm của người, đều do nơi Bản Phật của người, Nói Tâm là Phật thì cũng như vậy đó.

Trừ Tâm ấy ra, quyết không có Phật nào khác chứng được.

Lìa Tâm ấy ra mà tìm Bồ Đề Niết bàn, không đâu có được.

Cái chân thực của tự tánh chẳng phải Nhân, chẳng phải Quả.

Pháp tức là ý nghĩa của Tâm.

Tự Tâm là Bồ Đề.

Tự Tâm là Niết Bàn.

Nếu nói ngoài Tâm có thể chứng được Phật cùng Bồ Đề Niết bàn, điều ấy không đâu có được.

Phật và Bồ Đề ở tại đâu chứ ?

Ví như có người dang tay đón bắt hư không, có thể nắm được không ?

Hư không chỉ là một tên gọi, tuyệt không tướng mạo, nên nắm chẳng được, buông chẳng được : không thể bắt cái Không vậy.

Cũng vậy, trừ Tâm ấy ra mà tìm Phật, rốt chẳng tìm được vậy.

Phật là Tự Tâm tạo nên. Sao lìa Tâm ấy mà tìm Phật ? Cho nên Phật trước Phật sau chỉ nói đến Tâm.

Tâm tức là Phật.

Phật tức là Tâm.

Ngoài Tâm không Phật.

Ngoài Phật không Tâm.

Nếu nói ngoài Tâm có Phật, Phật ở nơi nào ?

Ngoài Tâm vốn đã không Phật, sao còn vọng thấy Phật ? lại lần lượt phỉnh gạt nhau, đã không rõ suốt Tâm mình, lại còn bị ngoại vật vô tình thấu nhiếp đến không còn chút tự do phân biệt nữa.

Nếu người vẫn không tin điều ấy, ấy là tự người phỉnh gạt người chớ có ích gì.

Phật không làm lỗi.

Chỉ vì chúng sanh điên đảo nên không tự giác tự tri được chính Tâm mình là Phật.

Nếu biết Tâm mình là Phật ắt chẳng nên tìm Phật ngoài Tâm như vậy. Phật chẳng độ Phật.

Đem Tâm mà tìm Phật tức không hiểu Phật.

Kẻ nào tìm Phật ở ngoài, kẻ ấy hoàn toàn chẳng biết Tâm mình là Phật.

Mà cũng đừng đem Phật ra lạy Phật.

Đừng đem Tâm ra niệm Phật.

Phật chẳng tụng Kinh.

Phật chẳng giữ Giới.

Phật chẳng phạm Giới.

Phật chẳng giữ chẳng phạm, cũng chẳng tạo lành tạo dữ..

Lược Giải

Luận này được gọi là HUYẾT MẠCH LUẬN, vì nêu rõ cái TÂM, chỗ mà từ xưa đến nay nhiều người tu, do không hiểu, không thấy, nên không thể tu hành, không thể thành đạo được.

Ai có đọc Kinh, hay nghe người đi trước đều thấy nói : "Tức Tâm tức Phật", nhưng khi vào tu hành thì lại đeo danh, đuổi tướng, tầm chương, trích cú, tìm kiếm những pháp chứng đặc cao, những quả vị lớn, mà không ngờ rằng mọi thứ đều cũng chỉ tìm được ở nơi Tâm của mình.

Thế nào là TÂM thì Tổ giải thích :” Người hỏi ta, tức đó là Tâm

ngươi. Ta đáp ngươi, tức đó là Tâm ta”. Theo nghĩa này mà truy ra, ta thấy : Đó là một câu hỏi và một câu trả lời, tức là một cái CHƯA BIẾT và một cái BIẾT RỒI, nói rõ ra thì đều là CÁI BIẾT, nhưng một cái Biết Mê và một Cái Biết Sáng Suốt mà Thân chỉ là phương tiện diệu dụng các pháp, Miệng chỉ là phương tiện để diễn tả những ý tưởng và để nạp năng lượng hầu duy trì cuộc sống mà thôi..

Thật vậy, khi soi, quán, đối chiếu với sự vật, ta cũng có nhận xét giống như một vị Tổ nào đó đã dạy : “Nói không phải do miệng”. Thoạt nghe thì có vẻ mâu thuẫn, nhưng nếu quan sát một xác chết, ta thấy, miệng lưỡi vẫn còn đầy đủ, nhưng vì thiếu Sự Sống, không còn bộ phận điều khiển, nên cỗ máy bị tê liệt, không còn hoạt động được gì nữa. Cỗ máy này bao gồm cái Thân kết hợp bằng vật chất, mà Phật gọi là Tứ Đại. Trong cái Thân có các Căn. Mỗi căn có sự linh hoạt và có nhiệm vụ riêng, phối hợp với nhau do một cơ quan đầu não điều khiển gọi là Cái tâm. Khi Tâm khởi Ý muốn đi, thì tay đưa, chân bước, khởi Ý muốn làm, thì tay chân hoạt động, muốn nói thì miệng thực hiện... tức là Cái Thân chỉ là Cỗ Máy, còn chủ nhân là Cái Tâm, Quân thần là cái Ý.

Lúc sự sống còn ở trong cái Thân tức là cái Tâm ý Thức ở với cái Thân. Khi sự sống ra đi, thì cái Tâm Ý Thức cũng rời cái Thân, nên cái Thân không còn ý thức được, không còn hoạt động được nữa, chỉ chờ giờ tan rã mà thôi.

Sự Soi, Quán, Tư Duy để đi tìm Mình, bắt đầu từ cái Thân, để thấy Thân không phải trường tồn, không phải là Mình thật. Cái mà từ trước đến giờ ta vẫn gọi là Tâm, chỉ là những phản ứng tương ứng với cái Pháp mà ta tiếp xúc, cũng không phải là Mình, nó chỉ là cái mà Đạo Phật gọi là cái TÂM PHAN DUYÊN, Cái Tâm đó cũng chưa phải là cái CHÂN TÂM hay cái TÂM THẬT của ta.

Cái CHÂN TÂM phải là cái THƯỜNG HẰNG, phải bao trùm mọi sự, phải Biết hết tất cả, nhưng phải như hư không, biết tất cả mà không vướng vào đâu hết, kể cả cái Thân, nên không bị các Căn tức Mắt, tai, mũi, lưỡi, Thân, Ý làm cho xao động. Không bị nhiễm bởi Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.. Không bị vướng bởi Sắc, Thinh, Hương, Vị,

Xúc, Pháp..dù vẫn xử dụng được những thứ này, vẫn ở trong cái thân, vẫn nhận biết hết mọi thứ.

Thấy được cái TÂM này, nhận ra đó mới là THỰC MÌNH, người tu sẽ được sự an lạc, sự tự tại, tự chủ, vì không còn chạy theo những cảm biết dựa trên Căn, trần, thức, nên cái Tâm bao giờ cũng như như, bất động.

Sự phân tích, tư duy, tìm hiểu, ban đầu chỉ là một sự tìm tòi khám phá trên lý thuyết. Sau khi chấp nhận được cái Lý đúng, thì áp dụng vào cuộc sống. Giai đoạn này mới thực sự gọi là Tu, là Hành trì. Công việc hành trì này không dễ dàng chút nào, vì nói rằng cuộc đời là không thật, cái Thân không bền, cái Tâm chỉ là phản ứng của cái Thân dựa theo các hình tướng, nên cái Tâm đó cũng là Vọng.. trong khi vẫn hàng ngày phải sống và hành dụng trong cái Thân tức là cái đang tạm Có Thực, vì thế, người tu rất cần một sự thấu đáo lý lẽ và thực hành một cách kiên quyết thì mới dần dà khuất phục được cái mê lầm của chính mình. Khi làm được thì thấy rõ là kết quả đúng như lời Phật dạy, người làm sẽ có được sự an ổn, dù cuộc sống vẫn đầy bất trắc, dòng đời vẫn không ngừng đổi thay. Tình trạng an ổn có được trong những cảnh thuận, nghịch được gọi là PHẬT, tức là người đạt được tình trạng này đã THOÁT khỏi sự kèm chế của Pháp. Do đó, Chư Phật, Chư Tổ đều dạy : MUỐN TÌM PHẬT, PHẢI TÌM TÂM.

Tổ Đạt Ma giải thích rất rõ : Chúng sinh là những tâm ý khởi diệt , phiền não, đau khổ trong Tâm ta. PHẬT là những chúng sinh đó đã hết phiền não, hết đau khổ cũng ở trong cái TÂM ta, cho nên, muốn TÌM PHẬT trước hết phải THẤY CHÚNG SINH là ở trong nghĩa đó.

Vậy thì có phải Thấy Chúng Sinh là đã Thấy Phật rồi chăng ? Hoàn toàn không phải. Thấy Chúng Sinh rồi thì phải Độ cho nó được Giải Thoát, gọi là đưa nó về Phật Quốc, hay là Độ cho chúng sinh thành Phật. Bằng công việc như vậy, Chúng Sinh mới Thành Phật được.

Nhưng mà Phật Quốc ở đâu ? Đưa chúng sinh sang đó bằng cách nào ? Đó là những thắc mắc mà hành giả phải tự nêu ra cho chính mình, rồi tự tìm hiểu, nương theo kinh điển để có lời giải đáp phù hợp,

sau đó là đưa vào công việc làm. Kinh đã nói rất rõ, giải thích cặn kẽ, nhưng có chấp nhận, có Làm được hay không, và làm tới đâu, là công việc của mỗi người. Đó là những công việc mà Đạo Phật gọi là Tu hành. Nếu chỉ tìm để hiểu, mà không làm thì không thể Chứng, mà con đường tu hành cần Chứng, mới thực sự lợi lạc cho bản thân người hành trì.

Những điều đó được giải thích rất rõ trong Kinh Duy Ma Cật. Kinh dạy, chúng sinh là những phiền não, động dấy, là ba độc trong tâm, như vậy, muốn Độ Sinh tức phải tìm cách để hóa giải, để dứt hết phiền não, tức gọi là Độ Sinh. Có Độ được như thế thì lần hồi trong Tâm người làm mới có được sự Thanh Tịnh, an lạc, gọi là đạt được cảnh Niết bàn hay Phật Quốc. Nếu ta hiểu chúng sinh là gì, nhưng không biết cách Độ, không thể độ, thì không Chứng được sự Thanh Tịnh như Phật đã hứa.

Tóm lại, Bồ Đề, Niết bàn, Địa Ngục, Phật Quốc, Phàm, Thánh, tội, phước đều khởi từ cái Tâm. Làm chúng sinh ở đó, mà Làm Phật cũng ở đó, vì thế, Tổ dạy : Đừng đem Phật ra mà lạy Phật, có nghĩa là đừng lạy hình tượng vô ích, vì "Kẻ nào tìm Phật ở ngoài, kẻ ấy hoàn toàn chẳng biết Tâm mình là Phật". Như vậy, chỉ cần hiểu cho rõ nghĩa Phật, rồi kiên trì theo hướng dẫn của Chư Vị đi trước mà hành, thì bản thân mình cũng sẽ như Phật không khác vậy.

TRÍCH KINH :

Nếu muốn tìm Phật, hãy cần Thấy Tánh.

Tánh tức là Phật.

Nếu chẳng Thấy Tánh thì chạy lạt giữ Giới đều vô ích cả.

Niệm Phật thì được Nhân tốt

Tụng Kinh thì được thông minh.

Giữ Giới thì được sanh lên cõi trời.

Nhưng tìm Phật bằng những cách ấy quyết chẳng được vậy.

Nếu tự mình không sáng tỏ, cần tham vấn các bậc thiện tri thức để thấu rõ nguồn gốc sanh tử.

Nếu không Thấy Tánh thì chẳng gọi được là Thiện Tri Thức.

Nếu chẳng được như vậy thì phỏng có giảng nói được mười hai bộ

kinh vẫn không thoát vòng sanh tử, vẫn chịu khổ trong Ba Cõi không hẹn ngày ra.

Xưa có Tỳ Khưu Thiện Tinh tụng lâu lâu 12 bộ Kinh nhưng vẫn không thoát sanh tử luân hồi, ấy chỉ vì không Thấy tánh. Thiện Tinh kia còn vậy, huống nữa người đời nay mới giảng được năm ba Bộ Kinh đã coi đó là Pháp Phật thì là kẻ ngu vậy.

Nếu không thấu rõ được Tự Tâm thì tụng đọc Kinh sách gì cũng chỉ là hư văn, không dùng vào đâu được.

Nếu cốt tìm Phật, trực tiếp cần Thấy Tánh.

Tánh tức là Phật.

Phật là người tự tại, là người vô tác.

Nếu không Thấy Tánh thì suốt ngày lằng xằng cầu cạnh, tìm kiếm Phật ở ngoài, đời nào gặp được, dầu rằng rốt cuộc vẫn không một vật nào khá được.

Nếu cầu thông hiểu nên tham vấn bạn thiện tri thức, nên thiết tha mà tu, công khó mà cầu, đem Tâm ra hội giải vấn đề lớn về Sanh Tử, đừng bỏ trôi sông, tự phỉnh mình vô ích.

Ví châu báu chất cao như núi, bà con nhiều như cát sông Hằng, mở mắt thấy đó, nhắm mắt thấy gì đâu ? Mới hay mọi pháp hữu vi đều là mộng mị. Nếu chẳng gặp tìm Thầy, ắt uổng kiến sống buông xuôi trong khi Tánh Phật mình vẫn sẵn có đó.

Nếu không nhờ Thầy, quyết chẳng sáng tỏ được.

Không Thầy mà ngộ, điều ấy hiếm lắm.

Nếu tự mình nhờ cơ duyên tốt mà thông suốt được thánh ý, đó là hàng thẳng học, sanh ra đã biết.

Nếu chưa thông rõ nên siêng năng khổ học, nương theo giáo phương để chứng ngộ.

Nếu tự mình sáng tỏ được thì chẳng cần học, khác với kẻ mê, trắng đen không phân rõ lại còn lếu láo tuyên lời Phật dạy, báng Phật chê Pháp.

Các vị ấy nói pháp như mưa : quả đó là ma nói, chẳng phải Phật nói. Thầy là vua ma, học trò là dân ma.

Kẻ mê mặc sức múa máy theo người, phút chốc đọa sanh tử. Đó là những người không Thấy Tánh xưng cần là Phật. Hạng chúng sanh ấy phạm tội lớn, phỉnh gạt tất cả chúng sanh đưa vào vòng ma giới.

Nếu không Thấy Tánh thì dầu giỏi nói mười hai bộ Kinh vẫn là ma nói. Đó là hàng bà con của nhà ma, chẳng phải học trò của nhà Phật.

Đã chẳng phân rõ trắng đen, bằng vào đâu mà thoát Sanh Tử.
Nếu Thấy Tánh tức là Phật.
Không Thấy Tánh tức là Chúng sanh.
Nếu là Tánh Chúng Sanh thì không có Tánh Phật khác nào chứng được.
Phật nay tại nơi đâu ?
Tánh chúng sanh tức là Tánh Phật vậy.
Ngoài Tánh không Phật.
Phật tức là Tánh.
Trừ Tánh ấy ra, không Phật nào có được.
Ngoài Phật, không Tánh nào có được.

Lược Giải

Tìm Phật tức là tìm sự Giải Thoát. Sự Giải Thoát này nơi chính Tâm của mỗi người, nên Chư Vị đi trước đều dặn “Phải Tìm nơi Tâm”. Thấy Tánh tức Thấy Phật. Không Thấy Tánh, chỉ chấp vào tướng thì ngàn đời ở mãi trong sinh tử. Biết được Tâm, thấy được tâm, chuyển hóa được cái Tâm thì sẽ gặp Phật, thành Phật, đừng vọng tìm Phật ở nơi nào khác. Đừng nhầm lẫn những pháp trợ đạo để chắt chõng thêm một lớp mê lầm khác.

“Nếu không rõ được tự Tâm thì tụng đọc kinh sách gì cũng là hư văn, không dùng vào đâu được”. “Nếu cầu thông hiểu, nên tham vấn bậc thiện tri thức, nên thiết tha mà tu, công khó mà cầu, đem tâm ra hội giải vấn đề lớn về sanh tử, đừng bỏ trôi sông, tự phỉnh mình vô ích”. Đó là lời ân cần nhắc nhở của Tổ. Trước sau Tổ cũng nhắc đi nhắc lại : “Nếu không Thấy tánh thì dầu giỏi nói 12 bộ kinh vẫn là ma nói”, điều đó đáng cho những người giảng pháp suy xét.

Lục Tổ cũng dạy : " nếu tự mình hiểu thì 12 Bộ Kinh cũng trong Tâm của mình, nếu không tự hiểu được thì nên tìm Thầy hướng dẫn cho", tu hành như thế mới được lợi lạc..

TRÍCH KINH

HỎI : Nếu không Thấy Tánh thì niệm Phật, tụng kinh, Bồ Thí, Trì

Giới, Tinh Tiến, rộng ban điều phước lợi, có thành Phật được không ?
ĐÁP : Không được.

Lại Hỏi : Sao không được ?

ĐÁP : Nếu có chút pháp nào chứng được thì đó là pháp hữu vi – pháp Nhân Quả, pháp thọ báo, pháp luân hồi. Không sáng tỏ lẽ sống chết, đời thuở nào thành được Phật Đạo ?

Thành Phật, cần Thấy Tánh.

Nếu không Thấy Tánh thì nói gì về Nhân Quả vẫn chỉ là pháp ngoại đạo.

Nếu là Phật, chớ tập pháp ngoại đạo.

Phật là người không nghiệp, không Nhân Quả. Nói có chút pháp nào đó có thể thành được quyết là phỉ báng Phật. Dựa vào đâu mà thành được chứ ? Đó là sự chấp trước ở một “Tâm” một “Năng”, một “kiến”. Điều ấy, Phật có hứa bao giờ đâu .

Phật không giữ không phạm Giới.

Tâm tánh vốn Không, cũng chẳng dơ sạch.

Các pháp đều không tu chứng, không Nhân Không Quả.

Phật chẳng giữ Giới.

Phật chẳng tu lành.

Phật chẳng tạo dữ.

Phật chẳng Tinh Tiến.

Phật chẳng biếng lười.

Phật là người Vô Tác.

Cho nên đem Tâm trụ trước ra mà Thấy Phật không đâu hứa có vậy.

Phật chẳng là Phật

Đừng bày đặt Kiến Giải của Phật

Nếu không thấy được nghĩa ấy thì bất cứ lúc nào, bất cứ đâu đâu, đều không tỏ được Bản Tâm.

Nếu không Thấy Táánh thì bất cứ lúc nào, bất cứ nghĩ gì hoặc không nghĩ gì, đều là kẻ đại tội, là người si, đắm giữa cái Không Vô Ký ngẫu ngột như người say, chẳng phân rõ tốt xấu.

Nếu muốn tu Pháp Vô tác, trước cần Thấy Tánh, sau đó tự nhiên dứt lo.

Nếu không Thấy Tánh mà thành được Phật Đạo không đâu có được.

Có người phá bỏ lẽ Nhân Quả, thẳng tay tạo nghiệp dữ, nói cần tất cả là Không, tạo ác không gì hơn, hạng người ấy đọa địa ngục vô gián,

mãi mãi không hẹn ngày ra.
Nếu là người trí, chớ có lối kiến giải như vậy.

Lược Giải

Người vào tu theo Đạo Phật, nếu chưa biết, chưa hiểu, chưa Thấy Tánh thì dù có tu bao nhiêu lâu, có làm bao nhiêu hạnh cũng không ra khỏi vòng Thập Thiện, vì chưa Thấy được cái Minh Thật, nên chưa thể Thoát Sinh Tử được.

Tổ Đạt Ma dạy rõ : “Niệm Phật thì được nhân tốt. tụng Kinh thì được thông minh. Giữ Giới thì được sanh lên cõi trời. Bố thí thì được phước báo”. Rõ ràng, người tu nào cũng phải làm những công việc như vậy, nhưng gọi đó là công năng tu hành, hay cho là làm công đức thì không phải, vì công năng tu hành là phải làm thế nào để Thấy Tánh, vì có Thấy Tánh thì mới có thể Thành Phật được.

Vậy thì trước hết, phải hiểu Thấy Tánh là gì ? quan trọng như thế nào mà buộc phải Thấy ? Vạn vật cũng có vô số Tánh, tánh ướt, tánh nóng, tánh cứng, tánh mềm.. đó có phải là Tánh mà ta cần Thấy hay không ? Con người thì có đủ thứ Tánh, lục dục, thất tình, tham lam, sân hận, si mê.. có phải đó là Tánh ta cần thấy hay chưa ? Rồi thì Tánh Thiện, Tánh ác.. Cần Thấy cái Tánh nào đây ? Rõ hơn nữa, Tổ giải thích : “Tánh chúng sanh tức là Tánh Phật vậy” , như thế, người muốn Thấy tánh Phật, trước phải Thấy Tánh chúng sanh.

Chúng sanh, thì chư Phật, Chư Tổ đều dạy : Đó là Phiền Não, khổ đau trong tâm ta. Như vậy, chẳng lẽ ai cũng đều là Phật vì có đầy đủ những tánh đó ?Do đó, rất cần đọc Kinh cho kỹ mới không sinh đoạn kiến.

Kinh dạy : “Dầu tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh, nhưng phải do công đức được Thấy Phật Tánh rồi sau đó chúng sanh mới Thành Phật”.

Phật Tánh tất nhiên không thể hiểu là Tánh của Phật, tức là Tánh của một vị Phật nào đó, thí dụ như cho rằng Tánh của Ngài Quán thế

Âm hay lắng nghe tiếng kêu cứu của chúng sinh, hay là Tánh của Phật A Di Đà là hay soi sáng... Trên những cái Tánh là Trạng từ chỉ tình trạng đó, có một cái Tánh chung mà bất cứ loài hữu tình nào cũng có : Đó là TÁNH GIẢI THOÁT. Tánh này tức là Phật Tánh, ai Thấy được, có được, Hành được, đều được Giải Thoát, tức là Thành Phật.

Muốn Thấy Tánh này phải làm gì ? Tất nhiên đâu thể nghe nói, hiểu được, biết được như thế là ta lập tức Thấy Tánh ngay, thành Phật ngay được. Được người đi trước chỉ cho thì ta mới chỉ là tin, nghe, biết.. ta còn phải dần thân làm để Hiểu, để Thấy, để Chứng. Cái Thấy, cái Chứng mới là điều chúng ta cần học, cần tu. Cái Nghe, cái Hiểu chỉ mới là cái học, chưa phải là cái Chứng, cái Đắc. Người tu học đừng nhầm lẫn.

TRÍCH KINH

HỎI : Nếu trong bất cứ lúc nào, bất cứ cử chỉ hành động nào cũng đều là Tự Tâm cả, sao trong khi mang sắc thân vô thường này tôi không thấy được Bồn Tâm ?

ĐÁP : Bồn Tâm người luôn ở trước mắt, tại người không chịu thấy.

HỎI : Tâm ở trước mắt, sao tôi không thấy ?

ĐÁP : Người thường nằm mộng chứ ?

ĐÁP : Thường nằm mộng.

HỎI : Trong khi người nằm mộng thì đó là bồn Thân người chứ ?

ĐÁP : Đúng là Bồn Thân tôi.

Lại Hỏi : Lời nói và việc làm của người trong lúc ấy có khác, hay chẳng khác với chính người ?

ĐÁP : Chẳng khác.

Sư nói : Nếu đã chẳng khác thì Thân ấy tức là Pháp Thân người, Pháp Thân ấy tức là Bồn Tâm người.

Tâm ấy từ vô số kiếp đến nay vẫn y như hiện giờ, chẳng sai khác, chưa từng có sống chết, chẳng sanh diệt, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng sạch chẳng dơ, chẳng tốt chẳng xấu, chẳng lại chẳng qua, cũng không phải trái, cũng không tướng nam tướng nữ, cũng không tăng tục, già trẻ, không thánh không phàm, cũng không Phật cũng không chúng sanh, cũng không tu chứng, cũng không Nhân Quả, cũng không gân

cột, cũng không tướng mạo, giống như hư không, nắm chẳng được, bỏ chẳng được, núi sông tường đá không ngăn nổi, ẩn, hiện, lại, qua, thần thông tự tại, vượt núi ngũ uẩn, qua dòng sanh tử, không một nghiệp nào trói buộc được Pháp Thân ấy.

Tâm ấy vi diệu khó thấy.

Tâm ấy chẳng giống sắc Tâm.

Chính trong ánh sáng của Tâm ấy ứng dụng lên tất cả hành động, tay đưa, chân bước.

Cũng như hỏi về số cát sông Hằng thì ai mà trả lời được, đành tro như người gỗ, cũng vậy, Tâm là thọ dụng của chính người, sao người không biết lại đi hỏi người khác ?

Phật nói : tất cả chúng sanh đều là người mê, do đó, tạo nghiệp, đọa dòng sanh tử, muốn thoát ra lại chìm xuống, ấy chỉ vì không Thấy Tánh.

Ví chúng sanh không mê sao lại thắc mắc hỏi làm gì chuyện ấy không một ai giải đáp được ? Tự tay mình đưa, chân mình bước, sao mình không biết ?

Mới hay thánh nhân chẳng sai lầm, chỉ tại người mê không tự sáng tỏ được.

Mới hay lẽ khó tường ấy, chỉ mình Phật mới hiểu nổi, ngoài ra tất cả trời, người và các loại chúng sanh đều không sáng tỏ được.

Nếu trí huệ chiếu sang Tâm ấy, cũng gọi là Pháp Tánh, cũng gọi là Giải Thoát. Mới hay Tâm ấy không bị Sanh Tử buộc ràng, không một pháp nào trói mắc được, nên gọi là Đại Tự Tại Vương Như lai, cũng gọi là Bất tư Nghị, cũng gọi là Thánh Thể, cũng gọi là Trường Sanh Bất Tử, cũng gọi là Đại Tiên : Tên gọi tuy khác nhau, Bản thể vẫn là một.

Thánh Nhân phân biệt tất cả mà vẫn không lìa Tự Tâm.

Sức chưa rộng lớn của tâm ứng dụng không cùng : Ứng vào Mắt thì thấy màu. Ứng vào Tai thì nghe tiếng, ứng vào Mũi thì ngửi mùi. Ứng vào Lưỡi thì Biết Vị. Cho nên bất cứ cử động nào cũng đều là Tự Tâm cả.

Cái Sắc Thân Bốn Đại tức là Phiền não. Phàm là Sắc Thân phải chịu Sanh Diệt.

Pháp Thân thì thương trụ, nhưng không chỗ trụ. Cái Pháp Thân Như Lai hằng còn, không đổi khác, nên Kinh nói : Chúng sanh nên biết tánh Phật vốn sẵn tự có đủ đó.

Ca Diếp chính là người ngộ được Bốn Tánh ấy.
Bốn Tánh tức là Tâm.
Tâm tức là Tánh.
Tức chung đồng với Tâm Chư Phật.
Phật trước Phật sau chỉ truyền Tâm ấy.
Trừ Tâm ấy ra, không Phật nào có thể được.
Chúng sanh điên đảo không biết Tự Tâm là Phật, cứ hướng ra ngoài
mà gìn giữ cầu cạnh, suốt ngày lăng xăng niệm Phật lay Phật. Phật tại
nơi đâu ? Đừng nên có những lỗi thấy ấy.
Chỉ cần biết Tự Tâm.
Ngoài Tâm, rốt không có Phật nào khác.
Kính nói : Phàm cái gì Có Tướng đều là dối trá.
Lại nói : Chính tại nơi đây mới là có Phật.
Tự Tâm là Phật.
Đừng nên đem Phật ra lễ Phật như vậy.
Ví bỗng dung hiện ra trước mắt tướng mạo Phật cùng Bồ Tát, quyết
cũng đừng kính lay.
Tâm mình vốn Không Tịch, không hề có những thứ tướng mạo ấy.
Nếu giữ tướng tức là ma, rơi vào nẻo tà, Chẳng qua đó là những bóng
dáng do Tâm dậy lên, nên đừng lễ lay.
Người lay ắt không biết
Người biết ắt không lay.
Lay ắt bị ma hớp. Sợ người học không hiểu nên ta giải rõ như vậy.
Trên thể tánh của Chư Phật Như Lai đều không đâu có thứ tướng mạo
ấy.
... Tâm mình vốn thanh tịnh : Không đâu có thể có những tướng mạo
như trên. Cho đến các loại tướng của Thiên Long, Dạ Xoa, Quỷ Thần,
Đế Thích, Phạm Vương, cũng chớ nên đem lòng kính trọng, cũng chớ
sợ sệt.
Tâm mình vốn Không Tịch. Tất cả tướng mạo đều là vọng tướng. Chớ
nên giữ tướng.
Nếu mong lòng thấy Phật thấy Pháp, cùng các thứ tướng mạo của
Phật, Bồ Tát mà sanh lòng kính trọng, đó là tự mình đọa vào địa vị
của chúng sanh.

Lược Giải

Chỉ có một cái Tâm mà bao đời Chư Phật, Chư Tổ nối truyền nhau để trao lại, và cũng để chỉ cho người nào muốn tu hành theo Đạo Phật thì trụ vào đó mà lội ngược dòng Sanh Tử.

Sự trao truyền của các Ngài, bắt đầu từ Đức Thích ca, cho đến Lục Tổ là Tổ cuối cùng cũng không ngoài : TÂM và PHÁP. Vì CÓ TÂM nên mới CÓ PHÁP. Sau này sợ người tu hiểu lầm, nhận lầm cái VỌNG TÂM, nên phải nói rõ, là CHÂN TÂM hay là cái TÁNH, và dặn dò người tu PHẬT, muốn được Giải Thoát cần phải THẤY TÁNH. Tổ Đạt ma nhấn mạnh : BỒÁN TÁNH TỨC LÀ TÂM. TÂM TỨC LÀ TÁNH. TỨC ĐỒNG VỚI TÂM CHƯ PHẬT.

Con đường tu hành là để nhận biết TỰ TÂM. Biết được Tự Tâm, Thấy được TỰ TÁNH tức gọi là Thấy được Pháp Thân, là thoát Sinh Tử.

Kinh, Luận của những người đã đắc, chứng, đều giảng giải rõ thế nào là BỐN THỂ TÂM, nhưng người đi sau không thể nương sự giảng giải đó mà Thấy được, mà Chứng được, phải bắt đầu từ đầu, bằng những Phát Tâm, những Soi, Quán, Tư Duy, làm những Phẩm Trợ Đạo, để màn Vô Minh mỏng dần mới có thể Thấy được, nhận biết được, vì sự Thấy Biết này do gột rửa Vô Minh mà Thấy.

Mỗi người đều Có Tâm, đều đang ứng dụng bởi cái Tâm, nhưng khi chưa tu hành, chưa thấy, không hiểu được cái CHÂN TÂM, chỉ dùng cái Vọng Tâm mà thôi. Cho đến khi tu hành, nương Giáo Pháp của Phật mới biết rằng mình có cái Chân Tâm, sáng suốt, thanh tịnh, không nhiễm ô, không vướng mắc. Hiểu được như thế rồi thì tìm cách để bỏ Vọng, về Chân, gọi đó là tu hành.

Người có tu hành, nhờ nương theo kinh điển để từng bước tập Tư Duy, Quán Sát, áp dụng lời Phật dạy : “Những gì có tướng đều là hư vọng”, để Quán sát các Pháp, thấy tất cả đều không bền, nên không thật, quan trọng hơn cả là Quán sát cái Thân mình, để thấy đó chỉ là các món đất, nước, gió, lửa.. kết hợp lại với nhau, không có trường tồn.

Quán sát những phản ứng của Giác quan khi tiếp nhận các Pháp, để

thấy rằng : mỗi người đều có những Ý Tưởng để đưa ra những hành động tương ứng với những pháp mà ta tiếp xúc, mà những Ý Tưởng, những sự nhận xét, biết, thấy đó là những quan niệm đã được cài đặt bởi xã hội, bởi môi trường chung quanh, bởi những điều học, biết từ khi vào đời, tất cả cũng chỉ dựa trên cái Thân này, nên nếu cho đó là CÁI TÂM của ta, thì cái Tâm này cũng là hư dối, không thật, không bền.

Quán Sát các Pháp Hữu Vi để thấy nó không bền, nhưng phía đối đãi của nó là Vô Vi cũng chỉ là sản phẩm của cái Tưởng mà người hiểu lầm, trụ chấp vào đó sẽ bị lập dị, khác đời. Đọc kỹ trong Kinh, ta thấy Phật dạy : Sở dĩ Phật đưa ra cái Không, là chỉ để trừ bệnh Có. Nói rằng cuộc sống là tạm, là không bền, để mọi người thấy rõ điểm cuối mà dừng vì quá ham mê bám lấy cái Thân này rồi tạo nghiệp mà cuộc sống ngày sẽ càng bị vùi dập thêm.

Cũng chỉ vì cuộc sống ngắn ngủi không đầy trăm năm mà con người do Chấp cái Thân là MÌNH, nên trong đó tạo biết bao nhiêu tội, nghiệp, rồi kiếp sống đã đầy đầy phiền não, đau khổ, kiếp sau – nếu có – lại tiếp tục chịu những hậu quả của những việc làm xấu, ác ở kiếp này, để rồi đau khổ chất chồng thêm đau khổ. Chính vì thế, mà Chư Phật, Chư Bồ Tát đã nhập thế, để giảng giải rõ cho chúng sinh, phân tích cho nó thấy đâu là Giả, đâu là Thật, đâu là phiền não, đâu là an lạc, niết bàn, để người tu hiểu được mà xả bỏ những chấp lầm mà tìm về, để vẫn tiếp tục sống trong trần gian mà được giải thoát phiền não như các vị.

Để làm được điều đó, Chư Vị đi trước, tùy theo căn cơ chúng sinh mà phân biệt, giảng giải cho họ hiểu rằng họ đang sống và hành xử với cái TÂM VÔ MINH, CÁI VỌNG TÂM, và mô tả rõ ràng cái CHÂN TÂM để họ thấy được sự lợi lạc của cảnh sống này mà bỏ đi cái CHẤP LẦM cái thân hư vọng, cái tâm phan duyên để tìm về với cái Chân Tâm vốn thanh tịnh, không phiền não.

Muốn tìm cái CHÂN TÂM cũng không phải hướng ra ngoài mà tìm, mà cầu, mà phải hướng vào mình, dùng sự soi quán, tư duy để tìm. Muốn làm những điều này đúng phương pháp của Chư Phật lại phải

có trình tự : Trước phải Giữ Giới, phải ở trong Bát Chánh Đạo, sau đó phải gặp được một vị Thiện tri Thức để nhờ khai mở cho, vì chỉ có người đi trước, đã Thấy tánh, mới có thể biết được phương pháp để chỉ lại. Phương pháp này cũng không ngoài chỉ cho người đi sau phải quay vào, phải “Nội Quang phản chiếu”, tức là dùng ánh sáng để soi trở vào chính con người của mình, soi cái Thân, cái Tâm của mình để thấy rõ những tính chất của nó.

Soi cái THÂN, để thấy nó Vô Thường. Soi cái TÂM ta vẫn thường sử dụng, để thấy nó chỉ là những cái BIẾT nương theo các Căn mà phản ứng dựa trên sự suy nghĩ của cái CHẤP THÂN, mà Thân đã không thật, không bền, cái Tâm này lại nương theo nó, nương theo những gì động dậy bên ngoài, do mắt thấy, tai nghe, nên Chư Phật gọi đó là VỌNG TÂM. Nếu cả kiếp sống chỉ hành động theo cái VỌNG TÂM này thì Chư Phật gọi đó là người Mê, vì không ý thức được rằng BỒN TÂM của mình không phải là cái Tâm hữu hạn đó. Do đó, nếu chấp vào cái Thân, cái Tâm này, mình sẽ phải Sinh Tử với từng pháp, sinh tử theo cái Thân, trong thời gian cái Thân tồn tại thì cuộc sống toàn là đau khổ, phiền não, không bao giờ yên, vì các pháp sinh, diệt không cùng.

Nương các Tướng hư vọng mà tìm, để thấy rằng có cái VÔ TƯỚNG thường còn, bất biến, nhưng khi chưa xuất hiện thì nó ở trong tình trạng Vô Tướng, khi xuất hiện thì nó CÓ TƯỚNG, mà đã CÓ TƯỚNG thì phải chịu sự Sinh, Diệt theo quy luật là : Sinh, Trụ, Di, Diệt. Rõ ràng, cái Thân ta đã Sinh, đang Trụ, nhưng từng sát na nó đang Di và rồi phải Diệt. Khi thấy, nghe, tiếp xúc với một pháp thì ta Sinh những cảm nhận, những đánh giá.. cái Cảm nhận, đánh giá, ứng phó này cũng Sinh từ cái TÂM BẤT SINH bất DIỆT mà ta đang có, vì CÓ CHÂN TÂM mới ứng ra những CÁI BIẾT. Cái BIẾT này từ khởi thủy ai cũng có, đồng nhất, nhưng từ khi nhận cái Sắc Thân là MÌNH, ta chỉ BIẾT theo xúc cảm của các bộ phận : Mắt, tai, Mũi, Lưỡi, Thân... rồi cái Ý gom lại, phân tích, đánh giá, đưa ra phản ứng. Những phản ứng này không ngoài các món mà Chư Phật gọi là Ba Độc, vì đem lại phiền não, đau khổ, sinh tử cho người ôm lấy nó.

Đó là THAM SÂN SI. Từ cội nguồn Tham, Sân, si này sinh ra vô số

những ý tưởng, lời nói, việc làm.. để rồi cả một đời người chạy quanh đó mõi mòn cho hết kiếp. Đợi khi chết, xuất ra khỏi thân, mới biết cái Thân không phải là Mình thì muộn mất rồi. Nhưng cái TÂM MÊ không phải xuất ra khỏi Thân là nó đã TỈNH. Nó lại tiếp tục những cơn Mê khác, qua những cái Thân Nhân Quả khác, vì thế mà Chư Phật dạy cần phải Tu, phải Giác ngay hiện kiếp, để vô số kiếp về sau không còn mê lầm nữa.

Khi ý thức được cái TÂM MÊ, ta sẽ hiểu được cái BỒN THỂ TÂM. Đó là cái mọi người đều Có, đều đang ứng dụng, nhưng vì chưa thanh lọc được cái Phàm, cái Mê, nên chỉ ứng dụng theo cái Tâm Chúng Sinh mà thôi.

Tâm Chúng Sinh chính là cái Tâm bị cột buộc vào Các Tướng, bị ngoại duyên chi phối, bị nội thân sai sử. Do đó, con đường tu bắt buộc phải Quan Sát kỹ cái THÂN, cái TÂM để thấy cái GIẢ, rồi tìm CÁI THẬT và SỐNG với CÁI THẬT đó.

TRÍCH KINH

HỎI : Tại sao không nên bái lạy chư Phật và Bồ Tát ?

ĐÁP : Các loài Thiên ma ba Tuần, A Tu La cũng có thể dùng phép thần thông tạo ra tướng mạo Bồ Tát, biến hóa đủ cách, mà toàn là ngoại đạo, nào phải là Phật đâu.

Phật là tự Tâm. chớ làm bái lạy.

Phật là tiếng của nước tây Thiên Trúc (Aán Độ), tại đây (Trung Quốc) gọi là Giác Tánh.

Giác tức là Linh Giác : ứng đối với cơ duyên, tiếp xúc với sự vậy (tùy cơ tiếp vật). Ngắc mảy, neho mắt, cử động chân tay, đều là do tánh linh giác của chính mình.

Tánh tức là Tâm.

Tâm tức là Phật.

Phật Tức là Đạo.

Đạo tức là Thiên

Chỉ một chữ Thiên, thánh phàm chẳng suy lường nõi.

Thấy thẳng Tánh mình gọi là Thiên.

Nếu chẳng Thấy Tánh mình, tức không phải Thiên vậy.

Dầu có giỏi nói được ngàn Kinh muôn luận mà không Thấy Tánh thì vẫn là phàm phu, chẳng phải là Phật.

Đạo lớn kín sâu, không thể nói cho hiểu.

Kinh điển dựa vào đâu mà nói tới ?

Chỉ cần Thấy Tánh thì dầu không biết một chữ vẫn được đạo.

Thấy tánh là Phật.

Thánh Thể xưa nay vốn thanh tịnh, chẳng có sạch dơ.

Sở dĩ có lời nói là vì thánh nhân nương theo Tâm mà khởi dụng.

Dụng chỉ là một danh từ trống không. Lời nói kia còn chưa đạt tới được thì mười hai Bộ Kinh bằng vào đâu mà đạt tới ?

Đạo tự nó viên thành, chẳng dùng tu chứng.

Đạo chẳng phải là thanh sắc, nên vi diệu khó thấy.

Cũng như người nào uống nước thì lạnh nóng tự mình biết, cũng vậy, ta không thể hướng về người khác mà nói ra.

Chỉ mình Như Lai là thông suốt, ngoài ra các bậc trời, người đều không hiểu thấu.

Trí óc của phàm phu với không đến, do đó mới chấp tướng, chẳng biết Tâm mình xưa nay vốn không tịch.

Vọng chấp tướng cùng mọi pháp tức rơi vào ngoại đạo. Ví biết muôn pháp đều theo Tâm mà sanh, ắt không nên chấp như thế. Chấp tức chẳng biết.

Nếu thấy được Bản Tánh thì mười hai Bộ Kinh hóa thành chữ nghĩa suông.

Ngàn kinh muôn luận cốt mở sáng cái Tâm.

Nêu thoát nghe đã hợp nhau rồi thì “giáo” còn dùng làm gì ?

Nói cho cùng lý : Giáo là lời nói, thật chẳng phải đạo.

Đạo vốn không lời.

Lời nói là vọng.

.... Nếu thấy được Tánh mình thì chẳng cần đọc Kinh niệm Phật.

Học rộng biết nhiều nào có ích gì.

Vì lẽ để chuyển hôn mê cho thần thức nên mới có “giáo”, lập ra cốt tiêu biểu cho tâm.

Nếu ý thức được Tâm, thì coi giáo làm gì ?

Thánh nhân sống tự tại ngay giữa dòng sanh tử, ẩn hiện vào ra không định trước, không nghiệp nào trói buộc được.

Thánh nhân phá tà ma. Tất cả chúng sanh chỉ cần Thấy Tánh thì mọi dư tập đều tiêu diệt tức thì, thần thức hết mờ; chỉ cần tiếp nhận thẳng

là lãnh hội ngay; muốn thực lãnh hội đạo, chỉ cần tại đây, như bây giờ đây, đừng chấp vào một pháp nào, cần dứt nghiệp, dưỡng thần, thì dư tập cũng hết theo, và tự nhiên trắng rõ, chẳng cần dụng công phu gì. Ngoại đạo không lãnh hội được ý Phật, dụng công nhiều quá, trái với thánh ý, suốt ngày lững đờng nhiệm Phật chuyển Kinh, làm cho thần tánh mê mờ, chẳng khỏi luân hồi.

Phật là người an nhàn.

Ích gì bôn ba khắp nơi cầu danh cầu lợi, để sau này cùng làm gì chứ ? Chỉ những người không Thấy Tánh mới khur khur lo tụng Kinh Niệm Phật, tinh tiến học hoài, đêm ngày hành đạo, ngồi mãi không nằm, lấy đó làm Pháp Phật : Đó là hạng người chê Phật chê Pháp.

Phật trước Phật sau chỉ nói Thấy Tánh.

Muôn vật đều vô thường.

Nếu không Thấy Tánh lại nói cần rằng “ta được quả Chánh Đẳng Chánh Giác”, ấy là kẻ đại tội.

Trong hàng mười đệ tử lớn của Phậtä, ngài A Nan là ‘đệ nhất đa văn’, ở với Phật mà không thông hiểu gì hết, chỉ cốt học nhiều.

Hàng Thanh Văn và Duyên Giác, cùng ngoại đạo cũng không hiểu Phật, chỉ chấp vào mấy từng tu chứng, đọa vào Nhân Quả, chịu báo chúng sanh, khônôg tỏ sanh tử, đi ngược ý Phật, đó là chê bai Phật, tội không gì hơn.

Kinh nói : Người xiển đề không phát sanh tín tâm tội không gì hơn.

Ai có tín tâm, tức kẻ ấy là Phật ở địa vị người.

Lành dữ tự nhiên, nhân quả phân rõ, thiên đường địa ngục chỉ ở trước mắt,

Người ngu không tin, hiện tại mắc giữa địa ngục tối đen mà vẫn không hay biết gì hết, ấy vì duyên nghiệp nặng vậy, bởi lẽ không có tín tâm. Tỉ như người không mắt không tin có ánh sáng. Ví có ai đến nói cho nghe vẫn không tin, chỉ vì mù mắt vậy, nên còn biết bằng vào đâu mà nhận có ánh sáng mặt trời ? Kẻ ngu cũng y như vậy đó. Hiện tại, họ đọa làm thân súc sanh đủ loại, sanh ở nơi nghèo cùng, hèn thấp, cầu sống không được, cầu chết không chết được. Mặc dầu chịu khổ như vậy mà hỏi đến lại nói là ta nay rất vui khoái lắm, khác gì ở thiên đường. Mới biết tất cả chúng sanh đều lấy cái sống khổ làm vui mà không hay biết gì hết, ấy chỉ vì nghiệp chướng nặng nề vậy, nên không thể phát tín tâm, không thể tự mình mà chỉ do người vậy.

Nếu Thấy Tâm mình là Phật thì không cần cắt tóc cạo râu.

Hàng bạch y vẫn là Phật.
Nếu không Thấy Tánh, cắt tóc cạo râu vẫn là ngoại đạo.

Lược Giải

Phật là giải thoát, là không còn bị trói buộc bởi phiền não, sinh tử. Đức Thích Ca là người sáng lập ra phương pháp, chỉ lại con đường và cách hành trì cho người nào có cùng hướng tâm, cùng hành trì như ngài, sẽ được như ngài không khác. Cho nên không cần phải bái lạy Ngài, chỉ cốt làm đúng theo lời Ngài đã dạy, đó là nguyện vọng của Đức Thích Ca đã ghi lại trong bài kệ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ; “Xá Lợi Phật nên biết. Ta muốn các chúng sanh. Bằng như ta không khác”, và trong lời khẳng định : “Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành”. Phật ngôn cũng có câu : “Kẻ nào ca ngợi ta, tán thán ta mà không hành theo lời ta chỉ dạy, kẻ đó đang phi báng nặng nề ta”. Vậy thì, thay vì bái lạy để tỏ lòng tôn kính, tại sao ta không thực hành theo những lời Ngài dạy ? . Phật là Vô Tướng, ta đi lạy tượng gỗ, tượng xi măng, thạch cao, cho đó là lạy Phật thì đâu có ích gì !

Lễ, Bái, được Tổ giải thích là để trừ kiêu mạn và tỏ lòng thành kính. Do đó, thay vì dùng cử chỉ, tại sao không dùng hành động, tôn kính Phật bằng cách làm theo lời Ngài đã dạy, nhắc nhở, quay vào Tâm mình, để thấy rằng mình cũng có sẵn vô số Phật trong Tâm, nhưng đã bỏ quên bao nhiêu lâu, thay vì dùng ngũ hương để tôn kính thì ta đã dùng tam độc để bôi cho bản thêm ! Với Phật của mình thì mình làm cho thêm dơ bẩn, Phật của người mình lại khinh mạn, chê bai, cứ đi lạy tượng gỗ, tôn kính tượng đất, xi măng, vô hồn, do người nhào nặn, đúc ra ! Nhiều thầy lại dám khai quang, điểm nhãn cho tượng Phật ! Nếu đã có khả năng làm cho tượng gỗ, xi măng, biến thành Phật được sao không tự biến cho bản thân mình thành Phật !. Quả thật là càng mê lầm thì càng dựa vào hình tướng, làm sai đạo pháp, chồng mê cho người !

“Phật là tâm, Thấy tâm là thấy Phật. Kính Phật chớ phụ Tâm. Tâm tức là Tánh. Tánh tức là Phật”. Lời Chư Phật, Chư Tổ không khác nhau, nhưng người sau cứ truyền nhau nối tiếp đi tìm, đi thờ Phật bên ngoài nên không thể thấy Phật được. Thế rồi những câu

trên lại sinh ra một số người hiểu lầm, cho rằng Phật, Tổ đã sẵn ở trong tâm thì còn tu hành làm gì !. Kinh dạy rõ : “Không tu thì không thành”, không lột màn Vô Minh thì không thấy được, vì Phật ví như vàng còn nằm trong quặng, chung với chúng sanh. Nếu muốn lấy được vàng thì phải lọc quặng, không phải đương nhiên có quặng là có vàng. Công việc lọc quặng là công việc tu hành.

Việc tu hành này không cần hình tướng, không cần cắt tóc cạo râu, vì Ý nghĩa chính của hai việc này là phải “cạo sạch phiền não”. Vì thế, nếu ta chỉ chú trọng hình tướng, mà không theo ý nghĩa đó để thực hành thì đâu có được ích lợi gì. Điều quan trọng cho người muốn thành Phật là phải Thấy Tánh. Đó là cột mốc chính của công việc tu hành, dự báo cho sẽ hoàn tất thời gian sau đó. Nếu chưa đến giai đoạn Thấy Tánh thì chúng ta còn đi vòng ngoài, còn lâu, xa mới được đạo.

TRÍCH KINH

HỎI : Hàng áo trắng có vợ con, dâm dục không trừ, bằng vào đâu mà thành Phật được ?

ĐÁP : Tôi chỉ nói Thấy tánh, chẳng nói dâm dục. Chỉ cần thấy tánh mới vỡ lẽ rằng từ vô thủy dâm dục vẫn là không tịch, chẳng có gì phải giả dối dứt trừ, mà cũng chẳng mắc vào dục lạc.

Tại sao vậy ? Vì tánh mình vốn là thanh tịnh vậy., da đâu nó trụ ở trong sắc thân ngũ uẩn. Tánh ấy bản lai là thanh tịnh, không gì có thể nhuốm dơ được. Pháp thân bản lai vẫn tự nó có, không do ai ban cho, không bệnh, không ân ái, không bà con, không khổ vui không xấu tốt, không địa ngục, không mạnh yếu. Bản lai không một vật nào khác được, chỉ vì chấp có sắc thân này nên mới có tướng nóng lạnh đói khát, chúng bệnh, đủ thứ. Nếu chẳng chấp thì mặc tính đi đứng, được tự tại ngay giữa dòng sông chết, chuyển vận tất cả pháp, cùng với thánh nhân tự tại vô ngại như nhau, không đau mà chẳng an.

.... Nếu Thấy Tánh, chiêm đà la cũng thành Phật được.

Lược Giải

Việc Thấy Tánh rất quan trọng, là bước chuyển của phàm phu vào địa vị Thánh chúng. Trước khi tu hành, mọi người có thể vì mê mà tạo đủ

thứ tội, nghiệp, trôi lăn vào đủ mọi phiền não, địa ngục. Khi Thấy Tánh rồi, mới biết tất cả nghiệp, báo, chỉ nằm trong Thân, trong tướng hữu vi. Người Thấy Tánh không chấp nhận cái Thân là Minh, chỉ chấp nhận nó là ứng hiện của dư nghiệp, của Nhân Quả để trả những nghiệp mà trước kia trong Vô Minh, khi chưa nhận ra cái Minh Thật, thì cái tâm mê Lắm đã điều khiển cái Thân tạo ra, cho nên khi phải trả nghiệp, thì cũng chính là hai thứ này phải gánh chịu và dùng cái Thân để tu hành, để trở lại với cái Chân Tánh.

Cái Tánh tuy ở trong cái Thân, thấy, biết hết tất cả, nhưng nó không dính vào cái Thân. Cái Thức mê, điều khiển cho cái thân gây nghiệp thì nó cũng không can ngăn, cũng không xúi dục, không dính mắc và cũng không bỏ đi. Nó vẫn là nó. Thân sống hay chết cũng không thắc mắc, thân khổ hay vui cũng thế. Thân đọa địa ngục hay vào Niết Bàn thì nó cũng vẫn vậy. Nó không Vui, nên không Khổ. Không có tướng, nên không hợp, không tan. Không ham cũng không chán, không bớt cũng không thêm, không lui, không tới dù cái thân có đi đến đâu, có làm xấu tốt như thế nào. Đó là nơi mà Chư Phật, Chư Tổ đã tìm được và cũng muốn người tu sau này sẽ trụ ở đó như các Ngài.

Nó tuy vô tướng, nhưng thấy, biết tất cả và thoát tất cả. Cái Thoát này vượt lên hai đầu đối đãi, có, không của các pháp, nên người trụ vào đó thì sẽ không còn bị các pháp làm cho phiền não, khổ vui nữa. Ngay cả chuyện được, mất của các pháp, sống chết của cái Thân cũng không còn là vấn đề, Địa Ngục, Niết Bàn cũng không ham, không sợ. Trụ được với cái Biết này thì mới thoát được các pháp và an ổn giữa dòng đời.

Tất nhiên không phải nhờ vào phân tích, luận giải như vậy mà người hiểu như thế là sẽ đạt tới tình trạng đó. Phải thực sự sống được với cái Biết này. Để sống được với nó thì phải tập dần, không thể chỉ biết là đã Thoát, hiểu là đã có được.

Giữa việc thực chứng và cái Lý xa nhau ngàn dặm, cần phải kiên trì, phải thành tâm, thành ý để làm cho được. Có đạt được hay không tùy ở mức độ hành trì của người tu, không ai có thể làm thế cho mình. Chỉ có mình làm, mình được, vì “uống nước nóng, lạnh, tự mình hay”.

Không cần phải nhờ ai ấn chứng cho, vì sự đánh giá của người khác không cần thiết, ngoại trừ người Thầy, ấn chứng cho đệ tử, để cho biết mức tiến tu, ngoài ra , nhận những lời khen tặng thì chỉ để tôn vinh cái Ngã mà thôi. Người Thấy Tánh, qua kiểm chứng trong Kinh điển sẽ tự biết, sau đó sẽ sống với sự điều động của cái Tánh đó.

Như lời Tổ dạy : nếu đã Thấy tánh thì Chiên đà la cũng thành Phật. Ý tổ muốn giải thích : “Mê nhất kiếp, ngộ nhất thời”. Phút trước mê lầm, gây tội, tạo nghiệp. Phút sau có thể bừng tỉnh, giác ngộ. Cái Nghiệp Quả không mất, nhưng nó cũng không làm cho người tu bị trì trệ, bị dính mắc ở đó, không tiến lên được.

Nếu Mê, ngộ, chỉ là hai trạng thái của một cái Tâm, thì chỉ trong sát na chuyển hóa cái Tâm, người tu đã là một con người khác, thân tuy không thay đổi, mà Tâm đã vượt qua cảnh phạm. Có thể thì Đạo Phật mới không hư vọng , người tu mới không vọng hành !

TRÍCH KINH

HỎI : Chiên đà la gây nghiệp chết chóc, sao gọi là Thành Phật được ?

ĐÁP : Tôi nói Thấy Tánh, chẳng nói gây nghiệp. Tuy nghiệp gây ra chẳng đồng nhau, nhưng dầu sao vẫn không một nghiệp nào ràng buộc được “nó”.

Từ vô lượng kiếp đến nay, chỉ vì không Thấy Tánh nên đọa địa ngục, bởi gây nghiệp sanh tử luân hồi.

Nếu ngộ được Bản Tánh, rốt cùng vẫn không có gì gọi là gây nghiệp cả.

Nếu không Thấy Tánh thì niệm Phật, tỏ báo kia còn chẳng được, huống nữa luận về việc giết mạng sống.

Nếu Thấy được Tánh thì mọi ngờ vực trong Tâm phút chốc trừ ngay, thì việc giết mạng sống còn đặt lên làm sao được chứ ?

Trời tây 28 Tổ Sư Thiên đều lần lượt truyền tâm Aán cho nhau.

Ta nay đến xứ này cũng chỉ truyền một Tâm ấy, không luận về Giới thí, tinh tiến, khổ hạnh, cả đến việc vào nước lửa, lên vòng guơm, chạy lạt ngày một lần, ngồi hoài không nằm, thầy thầy chỉ là pháp hữu vi của ngoại đạo.

Ví ý thức được Tánh Linh Giác của chính mình trong mọi cử động

hành vi, tức ý thức được Tâm Phật.

Phật trước Phật sau chỉ nói Pháp Truyền Tâm, ngoài ra không pháp nào khác. Nếu thấu rõ pháp ấy thì phàm phu ngu dốt không biết một chữ cũng vẫn là Phật.

Nếu không thấu rõ Tánh Linh Giác của chính mình thì dầu đem thân đây nghiền nát ra thành vô số bụi bặm để cầu tìm Phật rốt vẫn chẳng được vậy.

Phật ấy cũng gọi là Pháp Thân, cũng gọi là Bản Tâm.

Tâm ấy không có hình tướng, không Nhân Quả, không gân cốt, tựa như hư không, không thể nắm được, không chung đồng với vật chất, với ngoại đạo.

Tâm ấy chỉ mình Như Lai lãnh hội được, kỳ dư không ai sáng tỏ nổi.

Tâm ấy là ngoài cái sắc thân bốn đại.

Nếu là Tâm ấy, tức không còn vận động gì được, vì đó là thân vô tri, khác gì cây cỏ ngói gạch.

Thân đã là vô tình, làm sao vận động được ?

Nếu Tự Tâm động thì cả đến mọi ngôn ngữ, mọi hành vi cử động, mọi điều thấy nghe cảm biết đều là tâm động.

* *

Tâm động dụng động.

Động tức là dụng.

Ngoài động không Tâm.

Ngoài Tâm không động.

Động chẳng là Tâm.

Tâm chẳng là động

Động vốn không Tâm

Tâm vốn không động

Động chẳng là Tâm

Tâm chẳng là động.

Động không Tâm là

Tâm không động là

Động là Tâm dụng,

Dụng là Tâm động

Tức động tức dụng

Chẳng động chẳng dụng

Dụng thể vốn không

Không vốn không động
Động dụng đồng Tâm
Tâm vốn không động

Nên Kinh nói : Động mà không có sở động.
Bởi vậy suốt ngày thấy mà vẫn chưa từng thấy
Suốt ngày nghe mà vẫn chưa từng nghe
Suốt ngày cảm mà vẫn chưa từng cảm
Suốt ngày biết mà vẫn chưa từng biết
Suốt ngày đi, ngồi mà vẫn chưa từng đi, ngồi
Suốt ngày hờn vui mà vẫn chưa từng hờn vui.
Nên Kinh nói : Lời nói làm cho đạo đứt, tâm động làm cho giác ngộ tiêu (ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xử diệt).
Thấy nghe cảm biết vốn tự nó viên tịch, cho đến mọi niềm giận vui cũng vậy.
... Nếu biết giận vui vẫn là Tánh Không thì chỉ cần dừng chấp tức thoát mọi nghiệp.
Nếu tụng kinh mà không Thấy Tánh, điều ấy quyết không bằng vào đâu cả, mà nói mấy vẫn không cùng.
Nêu sơ lẽ chánh tà như trên, chẳng qua chỉ đôi phần thôi vậy.

Lược Giải

Người đã Thấy Tánh, đã Trụ được ở Chân Tánh không có nghĩa là cái Nghiệp, cái Tội không tác động được trên thân tướng hữu vi của họ. Cái Thấy, Cái Biết, cái Chứng thuộc về Vô Vi, cái Thân thuộc về Hữu Vi. Nhân Quả ác động lên các tướng. Nếu trước khi Thấy tánh, họ đã gây nghiệp thì vẫn phải chịu cái Quả trả lại cho họ. Cái Thoát là Thoát ở Cái Tâm, họ không Trụ vào cái Thân như trước kia, không chấp nhận Thân là Mình, thì sự trả vay nghiệp quả, dù là Thiện hay ác, cũng thuộc về cái Thân giả tạm, không phải thuộc về cái Chân Tánh mà họ đang nhận biết và trụ ở đó.

Nếu cho rằng cái Thoát Sinh Tử của Đức Thích Ca là thuộc về cái Thân tứ đại của Ngài, thì chính ngài cũng đã không Thoát Sinh Tử. Nhưng Ngài đã không còn dính mắc vào cái Thân phàm, vẫn ở trong thân trong thời gian nó tồn tại, vẫn hứng chịu nắng mưa, gió, sương

tác động trên cái Thân, vẫn phải chấp nhận quy luật Sinh, Lão, Bệnh, tử của nó, nhưng không còn Khổ vì nó, do đó mà Ngài đã đạt được cảnh Niết Bàn ngay tại kiếp sống, và vĩnh viễn Giải Thoát.

Cuộc sống của Ngài sau khi đắc đạo không còn là những cuộc hơn thua, tranh dành danh lợi, vật chất, hưởng thụ, nên thân, khẩu, ý Ngài bao giờ cũng thanh tịnh. Cuộc đời còn lại của Ngài là một nếp sống nhẹ nhàng, giản dị, hòa đồng, chỉ làm lợi ích cho mọi người và mang giáo pháp đi rao giảng cho đến cuối đời.

Một cuộc sống nhẹ nhàng, không vương bận, ít muốn biết đủ, không làm hại sinh linh, dù là con vật nhỏ... Một sự an bình được thể hiện qua toàn thể cuộc đời của Ngài, người chung quanh cũng được hưởng nhờ. Ngay cả chúng ta là những người cách xa hàng mấy trăm thế kỷ vẫn còn được lợi lạc dù chỉ áp dụng một phần nhỏ trong những gì Ngài đã giảng dạy. Do đó, chúng ta có thể tin tưởng, thấu hiểu và thực hiện những lời Ngài và Chư Tổ để lại, lấy đó làm phương châm cho mình.

Nếu Chư Tổ theo lời Phật mà làm được, thì chúng ta cũng phải làm được. Đó cũng là niềm tin của chúng ta đối với Đạo Phật. Từ niềm Tin đó, nếu chúng ta thực hành theo thì chắc chắn sẽ đạt được ít ra là một cuộc sống an lành như lời Phật đã hứa.

Xin nói bài tụng vầy :

1.- Ngô bốn lai tư thổ
Truyền pháp cứu mê tình
Nhất hoa khai ngũ điệp
Kết quả tự nhiên thành

Ta cốt qua Trung Thổ
Truyền pháp cứu mê tình
Một hoa năm cánh trở
Tự nhiên trái kết thành

2.- Giang tra phân ngọc lăng
Quảng cự khai kim tỏa

Ngũ khẩu tương cộng hành
Cửu thập vô bỉ ngã

Bè lau rẽ sóng ngọc
Đuốc sáp mở khóa vàng
Năm miệng cùng nhau bước
Chín mươi không ta người.